



Nguyễn Đình TOÀN
Slavomir MROZEK
Nhã Ca, Muồng Mãn
Kính Dương Vương
William SAROYAN

chính văn

2

30/July/72

NHỮNG BÀI THƠ TÌNH ĐẸP NHẤT HÔM NAY

THƯ QUÁN BẢN THẢO



chính văn

tập san của những suy tư và xúc động trẻ

Chủ nhiệm

NGUYỄN MẠNH - CÔN

Chủ bút

TRẦN PHONG - GIAO

Thư ký Tòa soạn

NGUYỄN KIÊN - TRUNG

Quản trị viên

NGUYỄN ĐỨC - NHUẬN

Quản lý

ĐỖ - THỊ HẢI

○

Tòa soạn

215-B/34 đường Chi Lăng

Phước-nhận — Đ.t. 41723

Hộp thư 2498 Sài-gòn.

☆

Trị sự và Ấn loát

133, Võ Tánh — Sài-gòn-2

Điện thoại 25644

○

Biên lai chính thức số

394 / BTT - NBC - HCBC

ngày 25 tháng 3 năm 1971

Ngồi trong thánh, *tạp bút*

ĐĂNG VĂN HẦU 3

Kinh tế và cách mạng, *luận thuyết*

NGUYỄN MẠNH-CÔN 11

Chủ quyền VN trên đất Bắc Lào, *luận thuyết*

VŨ TIẾN PHÚC 17

Từ quan điểm Hàn Tú Anh đến bức hình

chụp chung Mao-Nixon, *sách rút gọn*

(tiếp theo) MẠC-ĐỖ 23

Phòng lạnh, *truyện ngắn*

NGUYỄN-ĐÌNH TOAN 37

Chốn biệt mộ, *thơ* KIM-TUẤN 50

Và một bài *thơ* không vui DU-TỬ LÊ 51

Tình cờ, *thơ* THÁI TỬ HẠP 52

Đêm xưa, *thơ* MUỜNG-MÁN 53

Lỡ chuyến xe chiều, HẠC-THÀNH HOA 54

Đường xa quê, *thơ* NGUYỄN CHÍ KHAM 55

Cuối năm ở một tỉnh..., *thơ*

HOÀNG-ĐÌNH HUY-QUAN 56

Vườn thạch lựu, *truyện dịch*

William SAROYAN 57

Trên đường đi, *truyện dịch*

Slawomir MROZEK 69

Sinh hoạt, *truyện ngắn*

KINH DƯƠNG-VƯƠNG 73

Chém treo ngành, *thơ trào phúng* TỬ KẾU 88

Thương nhớ chiến tranh, *truyện dài*

NHÃ-CA 89

Nhà văn Phan Nhật Nam, *phỏng vấn*

NGUYỄN MAI 99

Giải đáp thắc mắc bạn đọc THU-TRUNG 105

★ Bìa : VĂN-THANH — Tranh vẽ : DUY-

THANH, NGỌC-DŨNG, RỪNG, NGUYỄN

TRUNG, NGUYỄN CAO UYÊN, HỒ ĐẮC

NGỌC, NAM - TIẾN, THẾ - DŨNG.

○ Bán Nguyệt san — Số 2 — Tập III

Ra ngày 30.7.1972 — Giá : 90 đồng.



đón coi :

chính văn số 3

SỐ ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM MỘT TRĂM NĂM SANH
PHAN CHU TRINH (1872 - 1972)

Với những bài viết ngợp lửa của NGUYỄN-VĂN
XUÂN, PHAN DU, LÊ-VĂN SIÊU, NGUYỄN
MẠNH-CÔNG...



CŨNG TỪ SỐ 3 CHÍNH VĂN SẼ KHỞI ĐĂNG :

« **NGÔ-ĐÌNH DIỆM, ÔNG LÀ AI?** »

Biên khảo lịch sử độc đáo của NGUYỄN-VĂN
XUÂN: sử liệu phong phú, súc tích; nhãn quan
mạnh bạo, tân kỳ...



● **TRUYỆN NGẮN :**

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN, HOÀNG HẢI THỦY, DƯƠNG
NGHIÊM MẬU, MAI TRUNG TĨNH, MUỜNG MÃN, TRẦN
HOÀI THƯ, HOÀNG NGỌC TUẤN, ĐỊNH NGUYỄN...

● **TRUYỆN DỊCH :**

Kahlil GIBRAN, THẢO SƯƠNG — Carson McCOLLERS,
HOÀNG NGỌC NGUYỄN — Ernest HEMINGWAY, NGUYỄN
KIM PHƯỢNG...

● **PHÒNG VẤN :**

CUNG TÍCH BIÊN, NGƯỜI CÒN NỢ ANH EM MỘT
CHẦU RƯỢU...

ĐẢNG - VÂN HẦU

ngĩ trong tháng⁴

NAM BẮC GIAO HÒA

NỘI vụ xảy ra ở Cao-ly : hai chính phủ của hai miền Nam, Bắc mới ký kết với nhau một hiệp ước cùng giảm bớt quân số. Bản thân của hiệp ước không có gì đáng kể, nhưng nó mở đường cho những hiệp ước có thể được ký kết, sau này. Nó chứng tỏ hai chế độ dân chủ và cộng sản không nhất thiết phải dùng vũ khí để giải quyết những vụ tranh chấp.

Đồng bào ta thấy thế đều mừng. Trước ngày 13-7, nhiều người tưởng đến ngày tái họp ở Ba-lê, 4 phái đoàn của hai phe sẽ thỏa thuận được với nhau về một vài vấn đề căn bản. Nhưng cũng có người không chờ đợi gì : họ suy luận rằng hoàn cảnh khác biệt đưa đến những giải pháp khác biệt.

Bắc Hàn, theo Cộng, là một nước nhỏ và nghèo. Núi non chiếm 9 phần 10 lãnh thổ, nhưng không phải núi non theo kiểu Mãn-châu, có nhiều quặng mỏ, mà theo kiểu Nhật-bản, không có gì, ngoài sâm cùng một ít loại thảo mộc. Bắc Hàn có một nửa biên giới là bờ biển, còn một nửa chia làm 2 phần, Bắc giáp Trung

Cộng, Nam giáp Đại Hàn — không thể đánh Trung Cộng để mở mang bờ cõi, Bắc Hàn chỉ có thể nhìn xuống phía Nam. Bài học chiến tranh, cách đây 10 năm, đã cho thấy cuộc phiêu lưu xuống phía Nam đắt giá quá mức : không kể những thiệt hại khác, Trung Cộng còn đòi đồng chí Kim Nhật Thành trả công cho cuộc viện trợ thất bại hồi bấy giờ. Chính phủ Bình-nhương trả nợ cho Bắc kinh đến nay vẫn chưa hết.

Hoàn cảnh của Bắc Hàn không khác gì hoàn cảnh của Đông Đức. Không thể tấn công các nước cộng sản khác, chính phủ Đông Đức biết trước không thắng được chính phủ Tây Đức, nên phải tìm cách giàn hòa.

Còn hoàn cảnh Bắc Việt thì khác. Về mọi phương diện, ngoài phương diện quân sự, các lãnh tụ miền Bắc không thể không có tinh thần tự suy tôn rằng Bắc Việt rất xứng đáng lãnh đạo toàn vùng Đông Nam Á. Khi tiến quân vào Nam, Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp đã biết trước rằng nếu chiếm được Sài-gòn, họ sẽ nhanh chóng chiếm được Nam - vang, Vọng - các, Kouala Lampour, Djakarta...

Một toán cướp nhắm vào một đàn bò mà chỉ được mấy con bò thôi, thì chúng có thể tạm hài lòng, nếu thấy việc đánh cướp khó khăn. Nhưng nếu có ý định cướp cả nhà lẫn đất, và làm chủ luôn vùng bị cướp, thì, nếu gặp khó khăn, chúng sẽ rút lui để chờ cơ hội khác, mà không thêm lấy một vài thứ vật vãnh... như mấy con bò, hay mấy ghé tông trường!

BÀI HỌC GIƠ-NEO

Cùng một lúc, hãng Reuter và nhật báo Mainichi cùng loan tin, giữa tháng Sáu : do một phái đoàn tư nhân Mỹ sang Trung Cộng và được Chu Ân Lai thiết tiệc, người ta được biết vị thủ tướng đầy danh vọng này đã ngầm nguyền tuyên bố rằng : «vụ ký kết Hiệp định Giơ-neo là một sai lầm to tát của đời ông — vì thiếu kinh nghiệm — mà sẽ không bao giờ ông mắc phải một lần sau.»

Lời tuyên bố được mấy ông Mỹ thân Cộng giải thích ý họ Chu muốn nói lúc bấy giờ ông còn quá ngây thơ, nên thành thật chờ đợi miền Nam chấp nhận tổng tuyển cử : Bắc Việt sẽ thắng trong cuộc tổng tuyển cử ấy, tất nhiên !

ĐVH thì khác. Không thể tin Chu Ân Lai ngây thơ quá, thành thật quá, nên bị lừa. Bởi vì họ Chu không phải mới ra đời. Sự nghiệp đầy oanh liệt và đảo điên của đảng Cộng sản Trung-hoa có thể do Mao Trạch Đông 10 phần, thì cũng do Chu Ân Lai 8 phần. Ai nói một lãnh tụ cộng sản đầy quyền biến

như họ Chu mà là người ngây thơ, thành thật, thì chính người đó ngây thơ.

Bởi vì Chu Ân Lai và Phạm Văn Đồng, ở Giơ-neo, đã phạm một lỗi lầm cực nặng. Lỗi lầm đó là bỏ mời bất bồng-Bồng, ở đây, là hy vọng đuổi người Pháp về hẳn nước Pháp vào năm 1956, hai năm sau ngày ký kết. Là chiếm đoạt miền Nam một cách dễ dàng. Theo sự tính toán của họ, người Pháp tiếp tục chiếm đóng miền Nam, tiếp tục bị dân chúng căm thù qua 1 chính phủ bù nhìn —kiểu Nguyễn Văn Tâm, Trần Văn Hữu —mà dân chúng khinh bỉ. Cứ như vậy, nếu Pháp chấp nhận tổng tuyển cử là điều hay, bằng không, dân chúng sẽ nổi lên tổng khởi chúng đi, lẽ dĩ nhiên dưới bóng cờ đỏ sao vàng.

Sự tính toán của cộng sản không sai, trong phần thứ nhất. Quân đội pháp bị đuổi khỏi VNCH, nhưng ông Ngô Đình Diệm không đợi họ mà đứng ra làm trước. Nhờ đuổi được quân đội pháp mà chính phủ Ngô Đình Diệm có uy tín đối với nhân dân. Chế độ cộng hòa được khai sinh và trưởng thành vững mạnh một phần lớn nhờ công lao đó.

Một chữ ký lỗi lầm đưa đến cuộc đấu tranh kéo dài ngót 20 năm. Hãy nhớ lại, năm 1954, sau trận Điện-biên Phủ, nếu cộng sản không ký kết mà tiếp tục chiến tranh, thì, trong mọi trường hợp, không thể có một chính phủ được dựng lên tại Sài-gòn mà được dân chúng thành thật công nhận như một chính phủ công khai hợp pháp. Nguồn gốc của sự công nhận đó bởi dân chúng chính là sự công nhận bởi Hà-nội. Trái hẳn

với thái độ triệt để chống đối và vô cùng khinh thị của họ đối với các chính phủ Tâm, Hữu... Cộng sản công khai công nhận chính phủ Ngô Đình Diệm, ít ra là trong mấy năm đầu — tháng 5-1968, Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng còn viết thư cho Tổng thống Diệm chính thức yêu cầu hiệp thương, trong một cử chỉ lịch sự và hoàn toàn bình đẳng.

Như vậy, chính Cộng sản gây nên những khó khăn sau này của họ. Ngót 20 năm, những người trí thức, công nhân, nông dân miền Nam dần dần tạo thành một nền nếp riêng, một đời sống tự lập (đối với miền Bắc), cho nên cứ theo đà của sự tạo thành đó mà quân lực miền Nam đứng vững trong tinh thần chiến đấu.

Năm 1953, thanh niên VN phải vào quân đội, mang nặng mặc cảm « viết gian theo pháp ». Năm 1955 đã thấy nhem nhúm một tâm lý mới, nhưng hầu hết các sĩ quan và binh sĩ đã nhập ngũ từ trước, vẫn không quên được quá khứ, nhất là đời sống giữa đồng bào miền Nam không giúp họ mau quên rằng phía bên kia ranh giới là những người kháng chiến. Từ năm 1959 trở đi, cuộc chiến tranh bùng nổ trở lại, với tất cả các sĩ quan cấp tướng là cựu sĩ quan trong quân đội của thực dân, và không bao giờ được tổng thống Diệm thật sự tin cậy và kính trọng. Một quân đội, dù ở dưới chế độ chính trị nào, không thể hiên ngang kháng địch dưới quyền tư lệnh của những nhân vật tương tự, với ý nghĩ rằng trước mặt họ là những chiến sĩ của cuộc kháng chiến thần thánh, của Điện-biên

Phủ oai hùng. Tinh thể, nếu cứ tiếp tục như vậy, không thể nào không đưa chúng ta đến thất bại.

Nhưng cuộc chính biến 63 đã đem đến những tai hại ghê gớm cùng một lúc với nhiều thuận lợi bất ngờ. Chỉ trong vòng 9 năm, hầu hết các tướng lãnh được người Pháp đào tạo đều đã ra khỏi quân đội. Các sinh viên khóa 12 Thủ-đức có nhiều người lập chiến công, đã lên đến trung tá, đại tá. Khóa 12 gồm hầu hết là trí thức trẻ. Họ đọc sách, suy luận và thành thạo trong lập trường chống Cộng sản. Các sĩ quan cấp úy, dù cho có ra đời ngoài Bắc, cũng không từng sống một ngày với kháng chiến, và cũng không quen biết mấy ai đã thật sự tham gia kháng chiến.

Đối với những người trẻ, chính quyền miền Nam có thể thổi nát xấu xa mà vẫn là chính quyền của họ. Một số người hăng hái chống đối bên này và hướng về bên nọ. Nhưng đó chỉ là thái độ của họ khi còn ở ngoại quốc. Vào lĩnh họ đụng chạm dần với thực tế, cho nên Cộng sản tấn công vào Quảng-trị, An Lộc, là họ xác nhận nhanh chóng tinh chất xâm lược của đạo quân viễn chinh có quá nhiều vũ khí tối tân của ngoại bang. Họ tác chiến ở An-lộc, Kontum, Trị-Thiên, như cha anh họ đã tác chiến ở La-ngà, Vinh-yên, Đường số 4. Một cuộc kháng chiến thứ 2 bắt đầu.

Cuộc kháng chiến được xác nhận cả ở trong lòng đại chúng. Sau vụ bội ước hưu chiến vào dịp Tết Mậu Thân, cả chế độ cộng sản mất dần uy tín. Nhất là đối với nông dân ở các thôn xã:

Cộng sản đã cương quyết bảo đảm với họ rằng chỉ một lần cố gắng sau cùng vào cuối năm Đinh Mùi là họ sẽ hoàn toàn thắng trận. Sự bảo đảm cần thiết để tận thu lương thực và nhân sự. Rồi Cộng sản đã thất bại. Chiến dịch Phụng Hoàng lợi dụng đúng lúc tinh thần của cán bộ, đảng viên đối phương bị giao động đến cùng cực, nên cơ sở cộng sản bị phá vỡ khắp nơi vì những vụ bồi chánh, những vụ tố cáo. Chỉ trong vòng 2 năm ít ra là 6 phần 10 vùng ảnh hưởng đỏ bị xóa thành màu trắng.

Trạng thái yên ổn vào mấy năm 70, 71, khiến cho rất nhiều người tin tưởng rằng chiến tranh sẽ dần dần tàn lụi. Rất nhiều quân nhân đã tính chuyện làm lại cuộc đời trong khi đợi chờ ngày đưa đơn xin giải ngũ. Đại đa số thường dân chỉ còn nhắc đến Việt Cộng rất ít trong câu chuyện suy đoán tương lai. Súng đạn, nói tóm lại, đang đi dần vào quên lãng.

Đề, như một tiếng sét, chiến tranh trở lại. Qua ít ngày hoang mang buổi đầu, tinh thần hừng khởi của quân đội làm cho toàn dân tin tưởng. Một ngày, lại một ngày, tướng Hưng ở lại An lộc. An-lộc vẫn còn. Một ngày lại một ngày, Kontoum giữ vững rồi đẩy lui quân địch. Các trại tị nạn đẩy người rời bỏ vùng bị địch chiếm. Khắp mọi nơi, người ta tranh nhau tuồng thuật những "pha" gay cồn của cuộc chiến đấu. Khắp mọi nơi, người ta xác nhận đại

bác 130 bắn vào đàn bà, con trẻ. Người ta xác nhận bộ binh cộng sản gồm toàn những thiếu niên khờ dại, vụng về.

Thì ra, thật dễ hiểu, trong khi quân ta trưởng thành thì quân địch tàn lụi, Người chiến sĩ trẻ nhất ở Điện Biên, đến 1972, đã 36 tuổi. Một số lớn trong bọn họ đã chết trong những trận đánh kinh hồn từ 65 đến 68, ở Bình-giã, Dakto, Sài-gòn, Huế... Một số nhỏ còn lại đã lên đến cấp chỉ huy tiểu đoàn, trung đoàn... đã có vợ, có con. Họ không muốn đánh nữa! Khắp miền Bắc chỉ còn có mấy lãnh tụ vào lứa tuổi Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Phạm Hùng là cay ăn, cay gở.

①

Bài học Giơ-neo thấm thía lắm thay! Bởi nghĩ thế nên nhiều người tin tưởng rằng thế cờ bạc đi vào "xanh, chín"... các lãnh tụ cộng sản chỉ có thể theo một con đường: được ăn cả, ngã về không. Và tự hứa với mình, trong 5 năm hay 10 năm, hễ chế độ dân chủ miền Nam đưa đến rối loạn thì ta lại đánh.

Không cần biết rằng trong năm năm nữa, chế độ miền Bắc có còn tồn tại hay không!

CHA VÀ CON

Một thanh niên có tên Nguyễn Thái Bình cướp phi cơ bị giết. Nhiều

người không tin, cho rằng FBI hay CIA đã giết anh để bịt miệng. Chắc không phải, vì khi CIA đã muốn, tướng Nguyễn Chánh Thi còn không ra khỏi được phi cơ, không tuyên bố được ồn ào, hưởng chi chú bé sinh viên tội nghiệp của chúng ta!

Có người lại cho rằng anh Bình bị giết mà cơ quan an ninh bắt giữ người cha của anh là vô lý: dưới chế độ dân chủ không có truyện cha phải mang tội vì con. Điều này chắc cũng không phải. Tin tức cho biết anh Thái Bình không ly khai với cha mẹ để đi vào chính trị. Ngay từ trước khi lên phi cơ anh đã nghĩ đến gửi lại những kỷ vật sau cùng.

Con đã không ly khai với cha mẹ là con ngoan. Thái Bình là một sinh viên ưu tú, không những rất thông minh mà còn rất đều đặn, nên mới được học bổng. Như vậy anh không thuộc hạng bạn trẻ vào đời rồi mới theo anh em mà bỏ lớp học đi biểu tình. Anh làm cả hai việc một lúc. Vậy anh là người có chủ đích từ lâu.

Ai đã đem chủ đích ấy cho anh? Hẳn nhiên là thân phụ anh. Công chức vào tuổi hơn 50, ông chắc hẳn đã tham gia kháng chiến từ 1946 đến ít ra là vài ba năm sau. Sau đó đã về thành, có thể vì không chịu được thiếu thốn. Cho nên về thành rồi mang nặng mặc cảm với kháng chiến, và, trước mắt con cái và bạn bè, không hề giấu rằng mấy năm kháng chiến là những năm thần thánh nhất của cuộc đời của ông.

Người công chức có một thời kháng chiến, mà sau này không đạt được địa vị nào quan trọng, thì luôn luôn nuối tiếc quá khứ. Cái gì của kháng chiến cũng tốt, cái gì của quốc gia cũng xấu, vì là của Mỹ, và Mỹ là đế quốc can thiệp, đế quốc xâm lăng. Anh sinh viên Thái Bình lớn lên trong niềm tin tưởng đó. Cho nên, nếu không đi ngoại quốc, chắc hẳn anh đã vào chiến khu và đã trắng xương tại một trận địa nào đó trong Nam. Hoặc ở lại Sài-gòn để hoạt động bí mật rồi vào tù ra khám... Nhưng anh đã đi ngoại quốc. Nhìn tấm ảnh anh đứng một mình nói chuyện với mấy chục người Mỹ tò mò dừng bước, người ta thấy ngay anh là một chiến sĩ có chủ đích, chứ không phải chỉ theo bạn hữu biểu tình chống chiến tranh cho vui mà thôi.

Con đường cô đơn đưa Thái Bình đến cái chết cô đơn — người Việt độc nhất trên một chuyến phi cơ chở toàn quân nhân Mỹ. Có người tiếc cho anh: giá có thêm một người bạn, anh có thể thành công lắm lắm... Một chuyến phi cơ không lẽ bị hai chàng trẻ tuổi bắt ra Hà-nội. Tin tức được loan đi, nghi cũng nhiều phần oanh liệt. Nhưng chỉ có một mình, anh không kiểm soát được phòng hoa tiêu, không thể giữ yên được một quả lựu đạn đã mở chốt trong tay trong nhiều tiếng đồng hồ. Anh không thể không đi tiêu, không thể không có những giây phút mệt mỏi. Như vậy có nghĩa là chưa làm đã thấy ngay thất bại. Thông minh như Nguyễn Thái Bình, anh há không biết trước điều đó

hay sao?— Mà cứ biết, cứ làm, có khác gì tự sát!

Bác cha mẹ nào nuôi con cho lớn cũng muốn nó là hình bóng của mình, nó nối tiếp cái chí nguyện dang dở của mình. Không phải chỉ có một Nguyễn Thái Bình mới có người sinh thành như vậy. Và, từ hơn 10 năm nay, không phải chỉ có một Nguyễn Thái Bình phải chọn cái chết đầy oan khiên như thế!

Ô HÔ ! KIM TIỀN

HAI lần, trên màn ảnh nhỏ, thiếu tướng Nguyễn văn Hiếu phúc trình trước dư luận về vụ Hội "Quý Tương trợ và Tiết kiệm Quân đội..." Nghe thiếu tướng nói mà Đặng Văn Hầu cười ra nước mắt.

Than ôi ! Trung tướng Nguyễn văn Vỹ, con người thanh cao, quyết bỏ tù người bạn ân nhân về tội rủ rê thượng cấp ăn tiền. Ông trung tá có lòng thương bạn phải lãnh án 10 năm. Nhưng khắp nước đều ca tụng trung tướng không vì ân nghĩa mà làm sai phép nước.

Nào ngờ đâu bây giờ mới vỡ lẽ ! Ông bạn chí tình kia đưa một áp phe 6 triệu tất nhiên phải được chia 2... Còn có 4, quá ít chẳng ? Tại sao không ! Bạn

có xem tivi ngày thứ Sáu 14-7, hồi 22 giờ, bạn có thấy cuốn sổ chi thu bạc tỷ mới thấy cái gan của nhà lãnh đạo. Bạn có thấy cuốn vở học trò để ghi những số tiền trăm triệu bồi hoàn cho quân nhân xuất ngũ, mới thấy lòng tham của trung tướng cao cả đến đâu.

Thiếu tướng Hiếu nói giấy tờ, sổ sách ở các đơn vị đã bị thất tán một phần lớn. Sổ sách trung tướng chỉ có thể thôi. Nền ủy ban điều tra đánh phải chấp nhận số chi thu tổng quát, cộng hai bên vào khoảng 8 tỷ, theo như lời khai. ĐVH nhớ có lần hỏi lại tá Đính, phụ trách nghiên cứu cho "công ty", và đã được trả lời về kế toán : — « Trên thì có trung tướng trong sạch nhất đời rồi, dưới lại có chúng tôi toàn là chuyên viên, việc sổ sách thì thôi khỏi nói ! »

Nghĩ ngợi băn khoăn từ dạo ấy, đến bây giờ mới hiểu chuyên viên tài thật !

Dân chúng cảm ơn lắm ! Vụ thổi nạt to lớn, người phạm tội thần thế đến như vậy, mà được đưa ra công khai trước khi trình lên Tổng thống trước khi đưa ra tòa, là một dấu hiệu tốt đẹp về dân chủ : dân phải được biết trước tiên ! Xin cảm ơn Thiếu tướng.

Nhưng có điều cần được trình bày. Về nguyên tắc, ĐVH hiểu rằng ủy ban điều tra không phải chỉ có nhiệm vụ thăm cứu, mà còn có nhiệm vụ tâm lý chính trị. Làm thế nào cho hơn 1 triệu quân nhân tin tưởng vào sự ngay thẳng và tinh cương quyết của chính phủ trong công cuộc bài trừ tham nhũng? Vì thế chúng ta chấp nhận những trường hợp đặt ra nghi vấn, kể cả những vụ liên hệ đến một vài cá nhân ở ngoài quân đội. Như vụ bà X, em gái ông K, ở nhà anh và lấy số điện thoại của anh, làm môi giới không cần thiết để bán cho anh mấy trăm tấn sắt mà ông ta chưa cần dùng (vì trong kho còn rất nhiều), để lấy mấy triệu bạc hoa hồng. Trước pháp luật, bà X không có tội, ông K cũng không, không kể rằng sau khi đồng bạc xuống giá, sắt nằm trong kho cũng có lời khá bộn. Với tư cách cựu tướng lĩnh, chủ tịch kiêm tổng giám đốc một công ty xây cất được lập thành bằng vốn do quân nhân đóng góp, thủ đoạn của ông K, rất thông thường tại các công ty hùn vốn vô danh khác — bất cứ ai được bầu làm CT kiêm TGD cũng lợi dụng chức vụ để kiếm lợi riêng, nên mới thường có tình trạng công ty phá sản mà hội đồng quản trị giàu to! — thủ đoạn của ông K và bà X, có tác dụng gây thiệt hại cho quân nhân. Những người góp tiền hàng tháng cho họ có cơ hội kiểm chác đều có quyền được biết để xác nhận bà X là một nhà buôn lưu manh, ông K là một (cựu) cấp chỉ huy phản bội.

Đến đây thì thiếu tướng Hiếu vẫn có phần đúng, dù có phần hơi quá.

Nhưng ông đã sai khi nói tới Kỹ Thương Ngân hàng. Có thể nói ông đã tỏ ra bất công. Vì chắc hẳn, là nhân vật cao cấp, ông thừa hiểu về truyền thống của các ngân hàng. Ông thừa hiểu hoa hồng cho môi giới là thể lệ chung được áp dụng cho tất cả các ngân hàng trên thế giới, kể cả ngân hàng quốc gia, kể cả cho những vụ cho vay của quỹ tín dụng của nhà nước — ví dụ Trung tâm Khuếch trương Kỹ nghệ — mà cho vay có bảo đảm hẳn hoi. Ông thừa hiểu thể lệ về biệt phái ngoại ngạch, nhất là ở các cơ sở quốc doanh: quân nhân được biệt phái đến Ngân hàng Quốc gia, Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp v.v... đều được hưởng thêm trợ cấp tương đối cao (chức vụ giám đốc được có 75 ngàn là ít). Thiếu tướng cũng thừa hiểu thể lệ chung của các ngân hàng, kể cả ngân hàng nhà nước, trên khắp thế giới về việc tặng thưởng cho nhân viên (lương tháng 14) và chia phần cho hội đồng quản trị khi có lãi.

Sở dĩ ĐVH dám nghi thiếu tướng có hiểu những điều đó vì, sau cùng, ông có đặt câu hỏi rằng « may mà có lãi, còn ngộ không may lỗ vốn thì ai phải chịu? ». Câu hỏi này đã được ĐVH đặt ra với đại tá Cáo, đại tá Tùng, đại tá Đinh, và cả ba ông trả lời không thể lỗ vốn được. ĐVH không tin và đã viết ra điều đó cách đây 10 tháng. Nhưng thiếu tướng, đại diện cho Ủy ban Điều tra, có lẽ không nên nói như vậy. Nhất là cơ sở được nói đến đã có lãi liên tiếp trong 2 năm. Vì sao? — vì lợi của thiếu tướng rất quan trọng, và do đó, rất nặng

nề. Vì báo chí có quyền hỏi về tương lai, còn Ủy ban Điều tra chỉ điều tra về quá khứ.

Quá nặng nề đối với một chuyên viên đã mười mấy năm làm giám đốc tại ngân hàng lớn thứ nhì trong nước, làm tổng giám đốc một ngân hàng mới mẻ, với số vốn nhỏ bé hơn 200 triệu đồng bạc, ông Nguyễn Chánh Lý có lấy làm vinh dự lắm hay không? Đối với một người hoạt động mấy chục năm trong giới kinh tế và tài chính, sự đào tạo nên một tên tuổi có tin nhiệm và được tôn trọng là sự nghiệp của cả đời người... ĐVH thiết nghĩ rằng thiếu tướng Hiếu đã làm đau đớn người khác, không phải là quân nhân, một cách vô ích khi ông nói, đại ý, rằng ở Kỳ Thương UBĐT không tìm thấy chứng cứ vì các tay chuyên môn đã dùng thủ đoạn tinh vi mờ ám mà bôi xóa đi hết. Trong khi đó thì thiếu tướng có đầy đủ tài liệu trong tay để biết đích xác rằng khởi hành với số vốn hơn 200 triệu, các tay chuyên môn đó, trong 2 năm, đã đem về cho quân nhân hơn 200 triệu bạc lời.

ĐVH có hân hạnh quen biết ông Nguyễn Chánh Lý. Tất cả mọi người đều biết ông Lý đau dạ dày, không uống rượu, không cờ bạc, chỉ thích nghe

‘băng’ và đọc sách — đọc cả *Mười Tinh Mầu Hoa Đào* của Nguyễn Mạnh Côn!

...Bởi vì biết mới nói. Thiếu tướng Hiếu được ca tụng là người trong sạch và có chân tình với binh sĩ thuộc quyền. Rất có thể vì tình cảm ấy, và chịu ảnh hưởng của sự tức giận khi cầm đến sổ sách chi thu mấy nghìn triệu đã rách bươm nên thiếu tướng Hiếu tỏ ra gay gắt vào cả lúc không cần thiết.

Đã đành rằng vụ Tương trợ và Tiết kiệm QĐ đã rõ rệt là một vụ trộm cướp trắng trợn, bất nhân kinh khủng. Quyền lợi của quân nhân bị xúc phạm một cách tàn bạo, nên người dân thường nghe trình bày còn căm tức đến nghẹn họng... Nhưng dù sao, Ủy ban Điều tra vẫn có bổn phận phải cố giữ cho kỷ được sự bình tĩnh và sáng suốt, khách quan, thận trọng. Nhất là thận trọng. Một lời buộc tội thốt ra, làm sụp đổ uy tín và phá hoại an ninh tinh thần của người khác một cách không cứu vãn được.

Thời gian qua. Nhiều người không quên rằng trong bao lâu ông Nguyễn Văn Vỹ đã được coi là người sạch sẽ nhất nước.

DẰNG-VÂN HẦU



NGUYỄN MẠNH - CÔN

Kinh tế và Cách mạng

(tiếp theo)

Kính tặng Anh N.V.H., Ph D. Kinh tế học

NGUYỄN MẠNH-CÔN

Trong kỳ trước, tác giả đã trình bày 3 nguyên nhân sâu xa của nền kinh tế hiện đại, kể từ thời khởi thủy về sau :

1. Con người tài năng xuất hiện và hợp nhau thành đẳng cấp, lãnh đạo, thống trị và bóc lột đại chúng.

2. Chế độ thừa kế làm cho đẳng cấp tài năng lớn mạnh, sử dụng phương tiện nhiều hơn tài năng, khiến cho sự cách biệt giữa đẳng cấp tài năng và đa số quần chúng nhuốm mùi bất công, tàn bạo.

3. Khi kiến thức được mở rộng vào đại chúng thì đẳng cấp tài năng lớn lên thành giai cấp ; giai cấp chia làm nhiều thành phần chống đối lẫn nhau. Đại chúng bất tài bị cuốn hút và sử dụng như phương tiện tranh đấu.

(tiếp theo)

VẬ sau đây là nguyên nhân thứ 4 và thứ 5 :

4.— Ở nhiều nước, công việc sản xuất hàng hóa làm xuất hiện một nền kỹ nghệ tập trung tại một số địa điểm có đường giao thông thuận tiện. Sự tiến bộ của khoa học cũng làm cho dân số tăng nhanh, và các chính quyền càng ngày càng phải dùng nhiều người trong nhiều cơ quan để giải quyết mọi vấn đề được đặt ra bởi dân số ấy. Đó là 2 nguyên nhân căn bản của nền văn minh

thành thị. Người nông dân bị quyến rũ bởi đời sống nhàn hạ và đầy đủ tiện nghi của thành phố, càng ngày càng bỏ ruộng đất để tập trung vào các thị trấn. Ở một số nước có chiến tranh, dân chúng ở lẻ loi các thôn xã càng tìm về thành thị nhiều hơn. Sự tập trung một số lớn dân chúng không có nghề rõ rệt, làm cho đời sống ở thành thị trở nên khó khăn, phức tạp... Lâu dần, các thành thị lớn hầu như có một đời sống riêng và trở thành một thứ

quái vật, mà các chính phủ phải dựa theo chứ không thể chỉ huy được nữa.

5 — Phương tiện giao thông nhanh chóng cho phép nhiều vùng lớn của một nước, như ở Hoa-kỳ, Liên Xô, Cộng hòa Nhân-dân Trung hoa, có thể kết hợp chặt chẽ thành một quốc gia cực mạnh. Hoặc giả nhiều nước, ví dụ ở Tây Âu, ở Trung Đông — hoặc, sau này, ở Đông Nam Á châu — có thể liên kết với nhau để trở thành một thế lực mạnh mẽ không kém. Nhưng căn cứ vào 4 điểm ở trên, thì các quốc gia cực mạnh, hoặc các tổ hợp quốc gia đều ở trong tình trạng kinh tế có quá nhiều mâu thuẫn. Người ta sợ rằng các thế lực lớn sẽ chia nhau thống trị và bóc lột các quốc gia nhỏ, rồi sau cùng sẽ quay lại tàn sát lẫn nhau để chiếm ngôi bá chủ. Đó là tâm lý chung của giai cấp tài năng, một sự kiện không thể nào không xảy ra, trừ phi người ta tìm được cách đối khác nền nếp và khung cảnh sinh hoạt để những con người tài năng có thể tìm thấy những lãnh vực hoạt động thuận lý hơn.

Nói tóm lại, sự tìm kiếm nguyên nhân của những mâu thuẫn và tranh chấp trong lãnh vực kinh tế đưa người ta đến những nhận định in hệt trong những trường hợp tương tự, trong lãnh vực chính trị, xã hội. Yếu tố quan trọng là tài năng, động lực cơ bản là sự tương giao, giao chiến, giữa những tài năng khác biệt ở trong những thân thể khác biệt.

Sự hoá giải trạng thái rối ren về kinh tế trở nên hết sức khó khăn. Giải pháp chia đều tài sản, hay nói cho đúng là tập trung tài sản để chia đều lợi tức, ví dụ có được thực hiện, vẫn không thoả mãn được lớp người tài năng. Karl Marx, trong công trình xây dựng chủ thuyết, chỉ thấy có sự nghèo khổ của giới công nhân, nên mới có ý tưởng là nếu công nhân (cùng tất cả những người nghèo khổ khác) thoát được vòng túng thiếu, thì xã hội sẽ tự nhiên được yên ổn.

Karl Marx không nhận ra rằng công nhân nghèo khổ có oán than nhưng không bao giờ dấy loạn nếu không có người kích thích và lãnh đạo, như Karl Marx, Lénine, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh.. Vì thế, nói ngược lại, nếu người ta tìm được cách chia đều tiện nghi cho dân chúng và dân chúng đã lấy thế làm hài lòng, thì chưa chắc nhân loại đã được yên thân, khi giai cấp tài năng không được thoả mãn, vẫn cần phải gây nên đấu tranh để vò xé lẫn nhau. Và lại, nói cho cùng, thì khi giai cấp tài năng không thấy quyền lợi, dù cho là quyền lợi tinh thần, của họ được thoả mãn, thì khi chính họ không xây dựng cho dân chúng, thì dân chúng làm thế nào để có được cuộc sống yên vui ?

Nói một cách khác, sự yên vui của nhân loại hoàn toàn trông cậy vào ý chí tốt đẹp của giai cấp tài năng. Điều mà người ta cần làm là tìm một phương cách nào đó, khả dĩ giúp giai cấp tài năng được thuận lý trong sự phát triển, hoai bảo của họ. Không phải giải quyết

sự mâu thuẫn giữa đa số và thiểu số ; không phải giải quyết sự tranh chấp giữa hai quan niệm kỷ luật và tự do, hay giữa cộng sản và tư bản... Những rối ren và loạn ly ngày nay không do một nhân dân nào, một quốc gia nào ; vì chỉ là sự thể hiện của cuộc tranh chấp phải trái, khôn đại, mạnh yếu, của một số rất nhỏ lãnh tụ của 3 tỷ con người trên thế giới.

Những nhân vật tài năng, lợi dụng được hoàn cảnh, nắm lấy quyền chứa tề, liên kết với những nhân vật tài năng khác, ở những nơi khác và thu phục những phần tử tài năng khác, thiết lập chế độ quyền lực, không nhất đán có thể bị thuyết phục đi vào con đường mới. Một xã hội lại bao gồm và chứa đựng nhiều tài năng còn ở trong tình trạng âm thầm chờ đợi:

một chế độ quyền lực buông lỏng tay kỷ luật là có ngay nhiều kẻ khác sẵn sàng chiếm đoạt.

Đó là điều khó khăn thứ hai. Không những phải giải quyết cho giai cấp tài năng đã xuất hiện, mà phải giải quyết cho mọi tài năng có thể xuất hiện. Nói như thế có nghĩa là phải đi sâu vào sự hiểu biết cái động lực mà, cho đến nay, người ta còn hiểu biết một cách mù mờ, là tài năng. Tài năng là gì, phát triển ra sao, tác động như thế nào trong những trường hợp được ấn định. Đó là điều người ta phải biết nếu muốn dần hòa hiện tại và bảo đảm luôn cả tương lai. Đó là điều rất khó, nhưng không phải là điều nhất thiết không thể thực hiện được.

CẦN PHẢI LÀM GÌ ?

Tôi đã viết nhiều bài về giai cấp tài năng và sự nghiệp, về sự cảm thông với Trời Đất. Tôi tin rằng khi đến đỉnh cao nhất của tài năng, *ít ra là trong một giai đoạn của đời sống của nhân loại*, con người sẽ có thể hiểu biết và hòa đồng tâm hồn mình vào Trời Đất. Tiến xa hơn một bước, những con người tài năng, trong tương lai, có thể kiểm soát sự vận hành của khí lực trong châu thân, chi phối dòng luân lưu của nguyên tử, tự biến hóa thành năng lực vi vút trong không gian, từ hành tinh này đến hành tinh khác, từ định tinh này đến định tinh khác. Nhưng đó là viễn mơ

của người làm lý thuyết, xin bạn đọc đừng chú ý.

Chúng ta đang bàn về kinh tế, là một hậu quả và bình diện của trạng thái phát triển của tài năng. Trong nhiều bài khác, tôi đã trình bày về sự cần thiết phải có một đường hướng thuận lợi cho sự phát huy tài năng đã có, và một chế độ thuận lợi cho sự hình thành và tiến bộ của tài năng ở tuổi trẻ. Muốn như thế, chúng ta phải có một quan niệm siêu hình có thể được các nhà khoa học hiện nay chấp nhận : những hiểu biết đầy đủ về đặc tính và nhu cầu của lĩnh

hồn, dưới mọi hình thái, và một ý thức sáng tỏ về đời sống con người, là những điều kiện cần bản cần thiết cho các nhà khoa học xác định mục tiêu và cách thức làm việc của họ. Đó là nói về tài năng ở trình độ cao nhất.

Chúng ta cũng phải có một ý định tổ chức xã hội, từ giáo dục đến kinh tế, đến chính trị, thế nào để trí thông minh và kỷ ức của tuổi trẻ không bị kìm hãm, ngăn cản, ngay từ thuở nhỏ. Và khi lớn lên, người người cần được hướng dẫn và giúp đỡ, để mở rộng thiên tư vào những môi trường thích hợp. Trong một bài về giáo dục, tôi đã trình bày một số nguyên tắc về giáo dục, mà về sau, bạn Nguyễn Tử Đóa đã công phu phát triển thêm cho gần gũi với thực tế VN hơn— Chính Văn số 5,6; Bộ mới, số 5.

Bây giờ tôi xin trình bày một số ý nghĩ về một nền kinh tế lành mạnh ở Việt-nam hay ở Hoa-kỳ. Công cuộc xây dựng, muốn tránh hết những mâu thuẫn đã có, tất nhiên sẽ đòi hỏi những đổi mới tận gốc rễ. Bởi thế, tôi coi đó là một cuộc cách mạng.

TỰ DO CẠNH TRANH VÀ LUẬT CÔNG BẰNG

Trong khi sáng tạo lý thuyết của ông, Karl Marx đã nhận thấy, trong mọi cuộc đấu tranh kinh tế, rằng chính đấu tranh kinh tế gây cho người đời một phần lớn những phiền não, đồng thời là

nguồn gốc của mọi âm mưu thống trị, bóc lột của giai cấp tư bản đối với giai cấp vô sản. Nghi như thế, nên Marx đề nghị một biện pháp (tưởng rằng) giản dị và thực tế, là tập trung mọi phương tiện sản xuất vào tay Nhà Nước, để Nhà Nước phân phát đồng đều mọi thứ tiện nghi cho dân chúng.

Không nói về những khó khăn mà những người cộng sản đã gặp phải, đến độ, với tất cả hăng say và thiện chí có thể có, họ không thể nào thực hiện được nền kinh tế 'triệt đề' tập trung như Marx mong muốn, chúng ta hãy nói về những sai lầm của ông đã hiện ra rõ rệt:

Thứ nhất, Marx hiểu kinh tế như nguồn gốc của mọi tranh chấp mà không hiểu nó như hậu quả của những cuộc tranh chấp khác, tranh chấp của giai cấp tài năng. Vì thế, sự công bằng về hưởng thụ vật chất, nếu được thực hiện, chỉ thỏa mãn được một số nhỏ người không tài năng, ít tham vọng.

Thứ hai, ngoài dân chúng được đặt vào chế độ phân phối đồng đều, chế độ lý tưởng của Marx vẫn đòi hỏi một số nhân sự khá lớn giữ việc điều hành sản xuất, phân phối hóa phẩm. Kinh nghiệm năm 1945-1949 của đảng Cộng sản cho thấy rằng đa số cán bộ không bằng lòng chấp nhận chế độ 'đồng cam cộng khổ', đặt các cấp chỉ huy vào cùng mức ăn uống, áo quần với đội viên. Sự phản đối của họ vững và mạnh đến độ chính phủ HCM phải đặt ra chế độ cấp dưỡng cán bộ, với đầy đủ nghi thức đặc tấu, trung tấu, tiểu tấu. Nói một cách khác, giải

pháp tập trung kinh tế đưa đến sự bình thành của một lớp người mà Djilas gọi là « giai cấp mới ». Không khác gì dưới chế độ độc tài quân chủ của thời trung cổ xa xưa, chỉ một số người nắm được chính quyền là được hưởng thụ đầy đủ hoặc thừa thãi, còn đại chúng đành cúi đầu chia nhau phần còn lại. Công bằng, nếu có, chỉ có ở giữa dân chúng nghèo khổ với nhau.

Thứ ba, Marx chỉ thấy sự khác biệt ở số lượng phương tiện mà mỗi cá nhân nắm được để sử dụng. Marx không thấy sự khác biệt ở chính con người, trong tâm hồn, về tài năng. Chỉ tiếc rằng tài năng có một phần trời sinh, nhưng lại có một phần do đào luyện, mà nói đến đào luyện là nói đến hoàn cảnh và phương tiện. Khi xã hội không công bằng, cổ nhiên những thanh thiếu niên sinh trong gia đình nghèo khó không được đào luyện xứng, đầy đủ. Những thanh thiếu niên ấy thuộc thành phần ưu tú, đã thua kém về phương tiện đấu tranh vật chất, lại bị thiệt thòi ngay trong căn bản kiến thức, không thể nào được thoả mãn trong một chế độ mà hiện nay chúng ta gọi là tự do cạnh tranh—bốn chữ tự do cạnh tranh, chỉ được dành riêng cho những người vốn đã có sẵn ưu thế.

HOÀN CẢNH SỐNG

Xưa kia, triết học Phật Không dạy người Á châu đào tạo cho họ một nếp sống khác hẳn hiện nay, một nếp sống

thiếu thốn, bần lầy nước đọng mà tự lấy làm đủ, làm vui. Về phương diện vật chất, có thể nói sống như thế là sống trái với bản năng hưởng thụ và ý chí tiến bộ vốn có sẵn trong con người. Dưới bề ngoài mềm mỏng, tư tưởng Phật Không thật ra cũng chuyên chế và độc đoán không kém gì chủ thuyết mác-xít.

Người phương Tây từ xưa, và chúng ta từ ít lâu nay, sống buông thả trong bản năng. Cũng không phải hoàn tốt đẹp, vì bản năng, cũng như tài năng không được điều tiết, đã đưa chúng ta đến hoàn cảnh có nhiều tiến bộ, nhưng cũng chứa đựng quá nhiều mâu thuẫn

Thứ nhất, như đã trình bày, chế độ kế thừa vốn dĩ là hậu quả tự nhiên của ý chí bảo tồn nòi giống. Nhưng khi đời sống xã hội càng ngày càng tiến tới tập trung, thì phương tiện đấu tranh mà các bậc cha mẹ để lại cho con cái không những đầy đủ để bảo đảm cho chúng một cuộc sống có an ninh lâu dài, mà còn cho phép chúng bội tăng số phương tiện ấy để dùng vào việc lấn áp và thống trị kẻ khác.

Thứ hai, kinh tế được phát triển mạnh ở đâu, tất nhiên an ninh xã hội và hưởng thụ tiện nghi được tập trung ở đó. Các thị trấn, các đô thành mỗi ngày một mở rộng, mỗi ngày một cuốn hút dân chúng từ ngoài ruộng iầy vào. Thành thị là nơi thi thố tài năng, là nơi thành tựu của những tài năng ngoại hạng. Cho nên tất cả mọi tuổi trẻ thông minh và có hoài bão sự nghiệp, đều thấy thành thị là nơi phải

Đầu... Không một người thành công càng ngày càng đông đúc và nghèo túng, như Lincoln thì hàng trăm nghìn người Một tâm lý trong học phải hợp với những hoải bảo không được hưởng dẫu, khiến cho tất cả các bậc cha mẹ, hễ thu xếp được đôi chút phương tiện, là cho con đi học đến mức độ cao nhất có thể được, mặc dù có rất nhiều người biết đích xác rằng, trong lúc này và từ nay trở đi, một người thợ chuyên môn giỏi có khả năng kinh tế hơn một giáo sư đại học rất nhiều... Chúng ta gọi đó là tâm lý cạnh tranh máy móc, hướng về học vấn từ chương và bằng cấp lý thuyết.

KINH TẾ THUẦN TÚY

Trước tình thế đó, các nhà kinh tế, từ những chuyên viên vô danh trong phòng diện toán đến những tay bác học nổi tiếng khắp năm châu, đều đang cố gắng aleo đây, để thỏa mãn cùng một lúc 2 yêu cầu, là thỏa mãn những nhóm kinh tế đã nắm được gần hết chủ quyền quốc gia, và thỏa mãn cả những đòi hỏi giàu sang hay no đủ của đại chúng.

Thứ ba, tâm lý bất trắc trong thời chiến, tâm lý dồn ép của số đông, tạo nên một trạng thái đấu tranh tích cực và mù quáng. Nhất là sự áp dụng những nguyên tắc lỗi thời, không căn bản luận lý, vào một xã hội thiếu hẳn kỷ luật tinh thần và an ninh tâm lý (như xã hội VN hiện nay) càng thôi thúc cho cuộc đấu tranh trở nên gay gắt hơn, liều lĩnh hơn. Một nền giáo dục không chủ đích cứ mãi mê đào tạo cho thật nhiều thanh niên có vốn liếng trí thức, rồi buông thả họ vào giữa một xã hội

Nói về kinh tế, chúng ta biết là phức tạp vô cùng. Chúng ta biết có rất nhiều nhân vật cực điểm thông minh cũng không thể hiểu biết được tất cả mọi vấn đề của kinh tế. Chúng ta biết, trong lúc này, trên thế giới, có không biết bao nhiêu nhà bác học chia nhau thành nhóm và suy nghĩ bạc đầu về những đề tài lớn như giá trị đồng bạc (đô-la, rúp, phật-lăng, yên...), như thị trường sản xuất và tiêu thụ, như điều hòa quyền lợi nhỏ giọt cho công nhân.

(Xem tiếp trang 103)

VŨ TIẾN PHÚC

Chủ quyền V.N. trên đất Bắc Lào

CUỐI THẾ KỶ XVI, PHẠP NHÂN DANH GI ĐỀ HÀNH QUÂN SANG LÀO ?

I- Cuộc nam tiến của người Nam-chiếu và oai võ của Abe No Nakamaro Triều Hành.

VÀO hồi thịnh thế, niên hiệu khai nguyên của vua Minh Hoàng nhà Đường, Trung-hoa thiết lập 6 đô hộ phủ:

— An Đông đô hộ phủ thống trị các nước Tân La, Bách Tế, Cao Câu Ly ở bán đảo Triều Tiên.

— An Bắc đô hộ phủ thống trị các bộ lạc du mục ngoài sa mạc Qua Bích (Gobi).

— Thiên Vu đô hộ phủ thống trị miền Mông Cổ Mạc Nam.

— Bắc Đĩnh đô hộ phủ thống trị phần đất Tân Cương ở ngoài Thiên Sơn, phía tây Kim Sơn.

— An Tây đô hộ phủ thống trị các đất ở phía nam Thiên Sơn đến biên giới Ba Tư. Ba Tư cũng có lệ triều cống.

— An Nam đô hộ phủ, phủ trị đặt tại Long Biên thống trị Giao-châu và các

nước ở miền Nam. Chiêm Thành, Chân Lạp tuy độc lập song vẫn sợ oai võ của Thiên Triều nên thường dâng cống lễ vật rất cung thuận.

Trong số người lãnh chức An Nam đô hộ có một người Nhật là Abe No Nakamaro (A Bồi Trọng Ma Lữ) được vua nhà Đường cho tên họ mới là Triều Hành. A Bồi Trọng Ma Lữ từ Nhật đến Trường An, kinh đô nhà Đường, du học vào năm 717. Có thi tài, thường giao thiệp với Lý Bạch, Vương Duy. Năm 761, vua nhà Đường cho rằng Triều Hành có tài lo việc phương xa nên Triều Hành được bổ làm chức An Nam đô hộ.

Lúc bấy giờ, phương Nam đương biến động. Giặc biển Đồ Bà xuất phát từ đảo Java, tung hoành ở Nam Hải. Vì có nước Hoàn Vương (danh hiệu nước Chiêm Thành dưới triều đại 5 vua Panduranga) che chở ở phương Nam nên cõi Giao Châu thuộc về An Nam đô hộ phủ chưa lâm nguy cho lắm. Mỗi quan tâm chính yếu của quan đô hộ thì sĩ người Nhật là núi rừng tây bắc Giao-châu,

Người Thái ở Văn Nam quật khởi, vua Nam-chiếu là Bi La Cấp thống nhất 6 chiểu (Mông Huê, Việt Thác, Lãng Khung, Đẳng Đam, Thi Lãng, Mông Xá) làm cho các quan tiết độ sứ ở đạo Kiểm của nhà Đường phải lo phiền đến hẻo ruột gan. Năm 750, quân Nam Chiếu vây thành Côn-minh, thủ phủ Văn Nam, tin báo về Trường An, vua tôi nhà Đường phải lo ứng chiến một cách vất vả, khó nhọc. Quân nhà Đường đánh giặc ở miền núi thường bị những trận phục kích của người Nam-chiếu mà thua vỡ, toi bời.

Triều Hành cho rằng cái họa Nam Chiếu thế nào cũng đến Giao-châu. Thành Côn Minh mà bị vây thì thế nào cũng có lúc quân Nam-chiếu thuận theo dòng sông Nhi Hà mà xuống đánh thành Long Biên. Đợi đến lúc quân giặc vây thành rồi mới phản ứng, dâng thư cáo cấp về Trường-an như quan tiết độ sứ, đạo Kiểm Nam đã làm thì què lẫm. Chi bằng liệu thế tấn công trước thì hơn.

Lúc ấy, đã có những bộ lạc Thái xâm nhập miền Thượng Lào (Xa Lý), thượng lưu vực sông Đà. Ở Xa Lý, người Thái xung đột với người Kha. 6 tiểu vương quốc của người Kha ở đất Lào đương bối rối trước nạn xâm lăng của người Thái. Triều Hành liên kết với người Kha, dùng người Kha làm hướng đạo, tiến binh từ Giao-châu vào Xa Lý với danh nghĩa tiêu trừ giặc cướp.

Sứ nhà Đường ghi chiến công của Triều Hành ở các đất Đức Hóa, Long Võ (miền núi giữa Bắc Việt và Văn Nam)

và Xa Lý (Thượng Lào). Sau Triều Hành một thế kỷ có Cao Biền là người đã ngăn cản quân Nam-chiếu tiến vào Giao-châu. Các vua Nam-chiếu thấy đường sông Nhi Hà bất lợi, bèn chuyển tâm tiến theo đường sông Mêkong, sông Ménam.

Trong việc bảo vệ Giao-châu, người Việt đã hợp tác chặt chẽ với Cao Biền, tuân theo hiệu lệnh điều khiển. Người Việt cũng quan niệm được rằng muốn bảo vệ Giao-châu thì phải có thế lực chính trị ở Xa-lý (Thượng Lào) Trấn Ninh vì những đất này tiếp liền bờ cõi với Bắc Việt. Không thể bỏ trống phía sau lưng e bị giặc tập kích bất ngờ.

Đường Hưng Hóa, Điện Biên Phủ, Trấn Ninh là những con đường cần phải phòng ngự cần mật bằng cách dân trải thực lực, đưa dân mình đến ở, dùng dân địa phương làm chủ lực chiến đấu cho công tác sơn phòng.

II— Từ Điện Biên Phủ đến 9 châu Cam Lộ.

Điều đáng buồn và đáng tức cười nhất là có khá nhiều trí thức khoa bảng Việt Nam, kể cả mấy vị thạc sĩ về luật học, mỗi khi bàn việc tiến quân sang Lào là giở cái túi quốc tế công pháp ra. Các vị ấy chỉ biết có thứ quốc tế công pháp học từ trong lò thực dân Pháp ra mà không cần biết gì Lịch sử Việt nam cả. Nếu các vị ấy chịu khó khảo cứu sử sách một chút thì đã thấy rằng thực dân Pháp đặt nền thống trị ở Ai Lao, cũng viện dẫn quốc tế công pháp, nhân danh Việt-nam mà chiếm các đất Sầm Nưa, Trấn Ninh, 9 châu Cam Lộ.

Các đất này vốn là phiên thuộc của Việt Nam. Kề gần thì Trấn Ninh — bây giờ ta thường gọi là Cảnh đồng Chum — thuộc về Việt Nam từ năm 1448, đời Lê Nhân Tông. Sứ giả nước Bồn Man ở Trấn Ninh vâng lệnh vua mình, nạp bản đồ, xin được quy phụ vào nước Việt. Các đất Nam-chương (Luang Prabang) Thượng Mékong, Cam M'ên thuộc về Việt Nam từ đời Lê Thánh Tông. Kề xa thì vùng Thượng Lào và Trấn Ninh là căn cứ dụng võ của Lý Bôn (Tiền Lý Nam Đế) và Lý Thiên Bảo. Lý Thiên Bảo há chẳng từng lập nước Đào Lang ở Trấn Ninh đó sao ?

Sử nhà Minh coi vùng Xa Lý và Trấn Ninh là đất Việt.

Trong một phiên họp khoáng đại của Nghị viện Pháp ngày 4 tháng 2 năm 1893, Deloncle đã làm một bài thuyết trình dài, mách nước cho chính phủ Pháp viện dẫn quốc tế công pháp mà tranh quyền bảo bộ đất Lào với quốc vương Xiêm La. Với những sử liệu chắc chắn, không thể chối cãi được, Deloncle cho biết chủ quyền thiên tử của vua Việt phải được coi trọng hơn chủ quyền thiên tử của vua Xiêm. Tranh nhau ở đất Lào từ thế kỷ XVIII, XIX, quân Việt thường là thứ quân chiến thắng.

Nhân danh một bản thỉnh cầu của triều đình Huế, năm Đồng Khánh thứ II (ngày 7 tháng 5 năm 1886), Pháp đã chính thức dùng võ lực ở đất Lào. Vì sao phải có bản thỉnh cầu đó ? Lúc bấy giờ, Pháp là nước chiến thắng, quân lực đương mạnh, cứ xua quân vượt đèo

Lao-bảo, đèo Napé mà đến đất Lào thì đã ai ngăn cản được mình ? Người Kha và người Lào đâu phải là đối thủ của Pháp. Tuy nhiên, Pháp đã không hành quân trước khi có bản thỉnh cầu của Triều đình Huế, ủy nhiệm cho Pháp việc bảo vệ quyền lợi Việt Nam ở tây biên Trường Sơn:

Vì chủ quyền Việt Nam là chủ quyền có thực ở các phủ Trấn Ninh, Trấn Tĩnh, Lạc Biên, Trấn Định, Trấn Biên, Mường Lu v.v... nên Pháp phải đợi có sự ủy quyền của Việt Nam rồi mới hoạt động cho đúng quốc tế công pháp.

Không biết các nhà khoa bảng Việt Nam, trong đó có những vị thạc sĩ luật học, đã đọc qua bản thuyết trình của Deloncle chưa ?

Theo truyền thuyết, nguồn gốc dân Thái ở Bắc Việt và Lào quốc là do một trái mướp thần mọc ở Điện Biên Phủ hay ở Mường Deng. Trái mướp này rã của Thiên Đế tạo ra, đến lúc chín tung hột ra khắp bốn phương để hóa thành các bộ tộc Phou-Lào, Phou-Thái, Thái-Khao, Thái-Đam, Thái-Đeng, Thái-Nua, Phou Eunes. Youns, Lus. Từ lưu vực sông Nam Hou, dân Thái dần trải thực lực theo dòng chảy sông Mékong, Mécnam và ở cả Miền Điện.

Điện Biên Phủ, xưa là châu Ninh Biên, thuộc tỉnh Hưng Hóa. Châu Ninh Biên giữ một địa vị trọng yếu trong việc giao thông Bắc Việt — Thượng Lào. Vua Tiên Lý Nam Đế lập căn cứ dụng võ ở động Khuất-liêu (Hưng Hóa) là để

tiện đường rút qua Thượng Lào những khi giao tranh thất thế với quân đội nhà Lương.

Ngày 20 tháng 11 năm 1953, tướng Navarre đem 6 đại đội nhảy dù giao cho De Castries chiếm Điện Biên Phủ là để cắt đứt liên lạc của quân Việt Minh với quân Pathet-Lào, cô lập hoá những lực lượng Việt Minh đã xâm nhập từ trước vào Thượng Lào vậy. Có điều Navarre không thạo sử sách Việt, Lào, không biết rằng ngoài đường Điện Biên thông thường, các sắc dân còn có thể sử dụng đến 6 nẻo đường xuyên sơn khác.

— Đường thứ nhất là Mường Nhiep — Mường U Tây qua đèo Phú Nam Khê.

— Đường thứ hai là đường Lai Châu — Phong Saly qua đèo Phú Đen Đinh. Đường này ở phía tây bắc Điện Biên Phủ 80 cây số. Phú hay Phủ là phiên âm tiếng Pou của Lào, có nghĩa là núi.

— Đường thứ ba là đường xuyên sơn Nam Lâm ở phía bắc Điện Biên Phủ 30 cây số.

— Đường thứ tư là đường xuyên qua đèo Tây Chang.

— Đường thứ năm đi từ Hoà Bình qua Sầm-nửa xuyên đèo Sala,

— Đường thứ sáu xuyên qua 6 đèo ở phía tây và phía nam Sơn La.

Cần gì phải đi đường Điện Biên, men theo lưu vực Nam-youn để bị quân

Pháp triệt kích. Giả dụ quân Pháp tăng cường lực lượng chặn hết 6 nẻo xuyên sơn trên thì Việt Minh vẫn có thể sang Lào bằng những đường ở lưu vực sông Mã.

Sầm châu tây tiến mười ba động,

Hiu hắt mây trời nhớ đại dương.

Tướng Navasse không thạo sử sách Việt Lào, không biết địa thế, địa hình, chiến bại là đáng kiếp lắm.

Truyền thống dụng võ của người Việt ở tây biên Trường Sơn là giữ vững Trấn Ninh, Sầm Nưa để mở mang thế lực xuống phía Nam. Diêm thành công lớn nhất của nhà Nguyễn Gia Miêu là mở được 9 châu Cam Lộ, ruộng vườn 922 xứ, dân số 10.793 người.

Từ đời Nam Nội Õi Noa đến đời các tù trưởng Sa Ôn, Sa Khả, Sa Chiêu, Sa Ngân v.v... quân Việt lúc nào cũng giữ được ưu thế. Được như vậy là nhờ biết nắm các đất yết hầu, khi thắng thì có đường tiến lên, khi thua thì có nơi cố thủ. Điện Biên, Trấn Ninh, Sầm Nưa là đất dụng võ của người Việt, những thứ đất mà danh từ quân chính ngày xưa gọi là thiên phủ, thiên hiểm.

Quân hình, binh thế từ Trấn Ninh đến cao nguyên Bolovens.

Xiêm La (bây giờ là Thái Lan) dụng nước theo lưu vực sông Ménam, chiếm các đất giữa hai sông Ménam và Mékong cũng có ý dân trải thế lực qua tả ngạn sông Mékong cho đến Trường Sơn.

Lấy việc gần nhất mà nói thì đầu thế kỷ thứ XIX vì người Việt đã có chủ quyền thiên tử đối với vương quốc Vạn Tượng, lại có quan chức thu thuế ở 9 châu Mường Vang, Mường Bồng, Na Bì, Làng Thòi, Tầm Bồn, Ba Lan, Thượng Kế, Tá Bang, Xương Thạnh, nên Xiêm La phải lập một phó vương quốc ở cao nguyên Bolovens để giữ thế quân binh.

Xét địa hình nước Lào thì cao nguyên Trấn Ninh nằm giữ được địa lợi ở phương Bắc, cao nguyên Bolovens nằm giữ được địa lợi ở phương Nam. Phó vương quốc ở cao nguyên Bolovens lập ra ở đầu thế kỷ XIX mang tên là Champassak. Bolovens là tên những bộ lạc người Kha thuộc chủng tộc Indonésien có tương quan huyết thống với người Jarais, Rhadés ở cao nguyên Việt Nam. Champassak là tên kép, ghép từ chữ Champa (Chiêm Thành) với chữ Sak, một giao dịch trường quan trọng giữa người Lào, Việt, Xiêm, Miên.

Cao nguyên Bolovens với sức đất phì nhiêu có thể biến thành một kho lúa gạo. Vùng Attapeu giữa vĩ tuyến 13 và vĩ tuyến 16 có nhiều mỏ vàng. Nhà địa chất học kiêm chuyên viên thăm khoáng là M. Bel đã báo cáo cho quan toàn quyền Paul Doumer biết về mỏ vàng ở Ban Phi, mỏ thiếc ở Nam Pa Then.

Khỏi cần nói ra, ai cũng biết núi rừng Bolovens có rất nhiều lâm sản quý.

Từ Qui-nhơn dùng ngựa đi Attapeu qua ngã An Khê mất 15 ngày đường.

Danh hiệu Champassak được đặt ra vì các vua Xiêm không thừa nhận chủ quyền dù là chủ quyền lịch sử của các vua Chân Lạp. Nguyên vùng này nằm trong lãnh thổ Lục Chân Lạp của người Cam Bốt Trí (Cambujas) Thủy Chân Lạp là vùng biên Hồ và duyên hải Hà Tiên thuộc đế quốc Phù Nam. Thừa lúc Phù Nam suy yếu liền quật khởi, xâm lấn đất đai và thay thế Phù Nam nắm quyền bá chủ với các nước ở bán đảo Mã Lai. Trước Cam Bốt Trí thì người Chiêm Thành đã dựng nước ở cao nguyên Bolovens. Vua Chiêm là Aschay bị đuổi ra khỏi Bolovens vào năm 239 trước Tây Lịch.

Tuy bị đánh đuổi song các vua Chiêm không cam lòng chiến bại nên vẫn giữ mối liên lạc với dân Kha, giúp đỡ dân Kha thoát ly quyền thống trị của Cam Bốt Trí. Thế lực của các vua Lâm Ấp như Phạm Văn, Phạm Trấn Long, Phạm Đầu Lê vẫn ảnh hưởng đến sinh hoạt chính trị ở vùng này.

Vua Xiêm dựng ra Phó vương quốc Champassak không thừa nhận chủ quyền lịch sử cổ hữu của Chân Lạp mà lại thừa nhận chủ quyền lịch sử của Chiêm Thành là vì Chân Lạp là nước bị Việt Nam bảo hộ. Nếu thừa nhận chủ quyền lịch sử cổ hữu của Chân Lạp thì tức là mở đường Tây tiến cho người Việt Nam từ Qui-nhơn, An-khê tràn lên. Thừa nhận chủ quyền lịch sử của Chiêm Thành thì có thể chiêu dụ những dân Chiêm ở miền Khánh Thuận hoặc lưu lạc ở Cao Miên về đây dựng lại cơ nghiệp.

Chiêu Nam Cốc (danh hiệu Vua Việt gọi theo tiếng Xiêm) đã có những cứ điểm vững chắc ở Trấn Ninh, Sầm Nứa, Tầm Bồn thì Phật vương (Rama, danh hiệu vua Xiêm) phải có Champassak để cho thế lực 2 nước được quân bình.

Đến khi người Pháp hiện diện ở Đông Dương khi đặt quyền thống trị trên đất Lào họ phải nhận danh chủ quyền thiên tử của Vua Việt Nam để cho được danh chánh ngôn thuận mà bắt vua Xiêm phải nhượng bộ. Về việc Champassak thì họ viện cớ bảo vệ địa phương và di chủng Chiêm-thành. Toàn quyền Paul Doumer có dự án đường sắt Qui Nhơn — Attopeu để củng cố thế lực Pháp ở Hạ Lào. Dự án này cũng như dự án đường sắt Quảng Trị — Savan-nakhet đều không thực hiện vì các nhà tư bản Pháp vừa vụ lợi vừa cận thị chỉ muốn hưởng những món lợi dễ dàng ngay trước mắt mà thôi... Việc kiến chính trị không đi đôi với sự trục lợi kinh tế.

Trong chiến cuộc hiện tại ở đất Lào, năm 1968 là năm toàn thắng của phe Bắc Việt — Pathet Lào. Năm này phe Cộng Sản kiểm soát 2/3 lãnh thổ Lào và 1/3 dân số. Tháng 9 năm 1969, quân đội Hoàng gia Lào và các lực lượng phản công đặc biệt gồm có chỉ nguyên quân Lào, Thái, Mèo, Kha, Hộ v.v... với sự yểm trợ của những oanh tạc cơ D52 đã chiếm lại 2/3 các đất mất từ năm 1964. Ở miền Bắc, thắng lợi rõ ràng nhất là việc chiếm đoạt Mường Pháo, tổng hành dinh Cộng Sản.

Riêng căn cứ Pati của Mỹ ở phía bắc Sầm Nứa, một cái dinh đóng vào lưng Bắc Việt, thất thủ từ năm 1968 thì không sao tái chiếm được. Tướng Mèo là Wang Pao đã đem quân xung kích đến gần Pati nhưng Cộng Sản đánh cắt đường tiếp viện ở phía Nam, Wang Pao (Vương Bào) sợ bị lâm vào cảnh cô quân tuyệt viện nên vội vàng tháo lui ngay.

Ba trọng điểm của chiến sự là Trấn Ninh, Tầm Bồn (Tchépone) Attopeu (cách Qui Nhơn 15 ngày đi ngựa) rất có thể còn bị các phe lâm chiến chiếm đi, chiếm lại toi bời! Đề mất Trấn Ninh thì Bắc Việt có thể bị uy hiếp nặng nề nên Bắc Việt cần phải chiếm Trấn Ninh cho kỳ được. Trái lại vương quốc Lào không thể để Trấn Ninh lọt vào tay Cộng Sản vì Cộng Sản có thể dùng Trấn Ninh làm cứ điểm xuất phát uy hiếp Nam Chưông (Luang Prabang) và Vạn Tượng. Cộng Sản cũng cần chiếm Tầm Bồn (Tchépone) để bảo vệ đường tiếp vận xuống cao nguyên Bolovens để chế ngự mặt trận Kontum, Pleiku, Stung Treng, Kratié. Chúng ta không thể dung túng cho giặc được an dưỡng ở đó.

Trấn Ninh, Tầm Bồn, Attopeu, những tranh địa xung yếu. Đã gọi là tranh địa thì các phe lâm chiến phải cố mà tranh cho mình. Ai tranh được thì người đó thắng.

Cao đến ngày có một giải pháp trơ vơ cho toàn bộ Đông Dương thì 3 cứ điểm vẫn tiếp tục làm những nơi tranh địa giằng co giữa các phe lâm chiến!

! Ủ TIẾN PHÚC

M Ặ C Đ Ồ

*Từ quan điểm Hàn Tú-Anh
đến bức hình chụp chung Mao-Nixon
(tiếp theo và hết)*

IV

Cũng trong tinh thần biện luận một chiều như độc giả đã nhận thấy trong đoạn trình bày tổng quát về nền kinh tế Hoa Lục kết thúc chương tư, toàn thể chương năm, dưới tiêu đề « Ý thức hệ trước hết », là một biện minh trạng cho công cuộc xây dựng ý thức hệ từ 1949 (hay xa hơn nữa, từ 1919) đến 1966, thời gian sắp bước vào cuộc Cách mạng Văn hóa.

Trình bày ý hướng chỉ đạo cho chính sách cách mạng của Mao Trạch-Đông tác giả viết : « Việc cải tạo con người, thay đổi những nhu cầu cũng như nội dung của tinh thần, cũng quan yếu như cải tiến hòn đất Trung Hoa ; trên thực tế hai công việc đó phải tiến hành song song.

Thật vậy năng lực vật chất cần thiết cho sự thiết lập một xã hội mới bắt nguồn từ tinh thần đã thay đổi của cả tập thể; không triệt để thông cảm thì không thể có cố gắng tuyệt đối, việc đó không thể do từng cá nhân mà phải thực hiện do ý thức của toàn thể khối quần chúng lao động. Việc cải tạo tinh thần và xã hội thành đạt được là do sự giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa và do việc nâng cao ý thức chính trị, đồng thời với việc thi hành những lý thuyết, vì không được đưa vào thực hiện lý thuyết chỉ là những lời lẽ suông. Học tập, tìm hiểu, và nhất là áp dụng (cần chú trọng tới nguyên nhân tính nổi lên tư tưởng và hành động) sẽ tổng hợp lý thuyết và thực tế cách mạng mệnh danh "Tư tưởng Mao Trạch Đông", đó là con đường nó giúp tự cải tạo, tập suy tưởng đúng, biện chứng, khoa học, như một người mác-lê chân chính. Ngày nay 700 triệu người đang tập suy nghĩ và hành động bằng cách dựa theo đường lối Mao."

Trên bình diện cá nhân, Mao chủ trương hai yếu tố cần yếu: chủ nghĩa Mác-Lê (học thuyết chính trị) và khoa học (trong việc tìm hiểu những định luật của vũ trụ), hai yếu tố phải gắn liền với nhau. Do đó những Thanh niên Lao động được yêu cầu phải "hồng (Mác Lê) và chuyên (khoa học)". Trên bình diện tập thể, Mao cho rằng một quá trình tranh đấu giữa những yếu tố tương phản sẽ tiếp diễn hoài hoài không thôi. Tác giả viết: "Trong khuôn khổ của quá trình đó ta nhận thấy những phong trào, những phát động, giống như những ngọn thủy triều

dâng lên lời cuốn toàn bộ dân chúng với bề mặt và số lượng mà không có lời lẽ nào so sánh nổi. Luôn luôn không ngớt như những ngọn sóng vỗ bờ ý thức, những phong trào ý thức hệ do đôi khi phát hiện rất êm ả: được tung ra do một bài diễn văn, hoặc, chẳng hạn như trường hợp cuộc Cách mạng văn hóa, bằng một bích chương dán trên tường một học hiệu. Đó là "tia lửa duy nhất" nó châm ngòi cho quần chúng bắt vào tham dự, bành trướng đến độ mọi người đều bị dính hết vào trong quá trình."

Căn cứ trên hai điểm căn bản (khuôn mẫu hồng và chuyên, và quá trình tranh đấu thường xuyên giữa những mâu thuẫn) tác giả tự vạch ra một cách riêng rẽ trình bày và giải thích những thăng trầm của chính sách Mao Trạch-Đông. Trong bất kỳ một biến cố nào đã xảy ra tác giả đều tìm thấy nguyên lý đối tính bi kịch (duodrame) thường xuyên, kết euộc bao giờ Mao cũng phải, vì Mao đã tiên liệu cả. Các điểm làm cho ai nấy phải ngạc nhiên là tác giả cho biết luôn luôn trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung-hoa đối tính bi kịch diễn tiến, cứ thống nhất tư tưởng rồi lại nảy sinh tranh luận, phê bình và tư tưởng không thống nhất nữa. Để sau cùng tư tưởng Mao lại đưa ra chiếc chìa khóa thống nhất. Điểm ngạc nhiên là lẽ phải thần thánh của Mao vậy. Mặt khác, những biến cố đã xảy ra từ 1949 cho tới nay sự thật có những nguyên nhân mà bên ngoài đã nhìn thấy nhưng trong con mắt tác giả đó chỉ là những diễn biến hợp lý của đường lối

Mao Trạch Đông bất biến. Tác giả mô tả như sau những phát động ý thức hệ từ phong trào học tập đầu tiên phát xuất năm 1949 cho đến cuộc Cách mạng Văn hóa 1966.

Năm 1949, sau khi thắng về quân sự và cướp được chính quyền, Mao còn phải thắng trên mặt trận tâm lý nữa. Vì thế cần phát động hai phong trào : phong trào học tập mác-xít để lôi kéo đám trí thức, công chức và dân các thành phố đồng thời với phong trào chống nạn mù chữ ; mặt khác tại nông thôn là phong trào cải cách ruộng đất nhằm triệt hạ đám địa chủ và đưa nông dân vào đời sống mới. Có chừng mười vạn trí thức, giáo sư, văn nghệ sĩ và sinh viên được đưa về nông thôn tham dự những cuộc đấu tố. Kết quả có một phần được thật sự cải tạo, còn phần lớn trở nên bất mãn trước sự đối đãi nặng tay của cán bộ. Do đó đến 1951 phải phát động phong trào học tập và cải tạo tư tưởng, tiếp theo là phong trào sửa đổi lề lối phục vụ quần chúng của văn nghệ sĩ căn cứ trên những thuyết giảng của Mao về văn học và nghệ thuật tại Diên-an năm 1942. Hai phong trào này xem ra ít kết quả vì tác giả cho biết đến 1966, tức hơn mười năm sau, vẫn còn có những văn nghệ sĩ chưa hề bao giờ thăm viếng một công xã.

Đề cập tới hai phong trào có tiếng vang lớn trên quốc tế là Tam Phản (1951) và Ngũ Phản (1952) tác giả không mất nhiều công giải thích sự cần thiết ra sao, chỉ cho biết theo con số chính thức thì có nửa triệu người (bán chính

thức từ 800.000 đến 1 triệu) bị giết chết, và kết quả đạt được là ở thôn quê cũng như tại các thành phố đã thanh lọc được gần hết những phần tử phản động trong bộ máy nhà nước cũng như trong cơ cấu đảng, đồng thời một số lớn điệp viên của Quốc Dân Đảng bị lộ diện và tiêu diệt. Vẫn theo tác giả, nhờ có hai phong trào chống phản động đó Kế hoạch ngũ niên thứ nhất (1953—1957) đã phát động được trong một không khí thuận lợi. Nhắc tới hai trường hợp Cao Cương (một lãnh tụ Đảng công khai chống chính sách ruộng đất của Mao và đòi tách rời khu vực Mãn-châu) và Hồ Phong (một lãnh tụ văn nghệ đã theo Đảng nhưng bị tố cáo vẫn còn giữ tư tưởng Quốc Dân Đảng) tác giả cho biết phong trào thanh trừng kéo dài tới 1956 và chia ra hai thời kỳ : trước hết (1952-1954) thanh trừng những phần tử phản động ra mặt, và sau đó (1955-1956) thanh trừng những phần tử phản động âm núp.

Nhắc tới vụ Trăm Hoa (phát động năm 1956) tác giả nhiệt liệt phủ nhận dư luận tại ngoại quốc cho rằng đó là một bước lui của Mao Trạch Đông, đó chỉ là một bước tiến tới xã hội chủ nghĩa bằng đường lối tranh luận và phê bình.

Đồng thời với Trăm Hoa, tác giả ghi nhận bắt đầu có ảnh hưởng từ bên ngoài vào tư tưởng một số phần tử trong Đảng sau những vụ chiến tranh xâm lăng Ai-cập (vụ Suez), Ba-lan và Hung nê-dây, Stalin bị hạ bệ. Tác giả nhìn nhận phong trào Trăm Hoa không đi tới những kết luận dứt khoát và Mao

bắt đầu lo ngại hậu quả có thể lan tới Hoa Lục của chủ nghĩa xét lại. Cuốn sách của Mao ấn hành năm 1957, «Giải quyết đúng những mâu thuẫn trong quần chúng», có mục đích ngăn ngừa khuynh hướng xét lại. Tuy nhiên, nhân chuyến Nga du (tháng hai 1957) của Mao những mâu thuẫn giữa Bắc kinh và Mạc-tư khoa trở nên trầm trọng. Mao nhận thấy xã hội Nga bắt đầu sa đọa (điểm đầu tiên xuất hiện trên hệ phổ Mạc-tư khoa từ 1953) và tham những phát hiện trong bộ máy nhà nước Nga cho nên có đưa ra những khuyến cáo, ở trong nước nhiều cuộc thanh trừng trong nội bộ Đảng đã phải quyết định.

Hậu quả của vụ xích mích với Nga là cần thiết phải tự lực về kỹ nghệ do đó có vụ phát động Bước Tiến Nhảy Vọt song song với phong trào lập công xã. Tác giả ghi nhận có sự chống đối nhiệt liệt trong nội bộ Đảng do « một vài nhân vật » lãnh đạo. Mâu thuẫn lan tới cả quân đội. Nguyên do theo tác giả là yêu cầu của Khroutchev muốn biến Hoa Lục thành căn cứ của quân đội Nga. Trong khi có một số tướng lãnh (Bành Đức Hoài) đưa ra chủ trương đào tạo một binh đội chuyên viên, Mao và đa số lãnh tụ khác chống lại khuynh hướng muốn lệ thuộc về quân sự vào Nga như vậy. Kết quả Lâm Bưu được đưa lên thay thế Bành Đức Hoài với nhiệm vụ thanh trừng mọi phần tử trường giả và hữu khuynh đồng thời cải tạo quân đội. Sau đó Nga quyết định bỏ rơi Trung Quốc để quay ra thân thiện với Mỹ.

Tác giả nhìn nhận thời gian 1960-1963 nếu so sánh với những năm trước có sự trì trệ trong công cuộc phát triển kinh tế tại Hoa Lục. Nhưng có chậm về kỹ nghệ lại có lợi về ý thức hệ vì những năm đó với quyết định của Mao Trạch Đông đảm nhận « một gánh nặng hơn », tức là Trung Quốc đứng ra lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới thay thế cho Nga đang bắt đầu bị hủ hóa, Mao càng đặt thêm vững vai trò lãnh đạo của mình.

Tới 1961, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn vừa trong nội bộ Đảng vừa trong hàng ngũ quân đội. Một bên chủ trương tiệm tiến, dựa vào lực lượng Nga, đặt nặng về chuyên môn hơn về chính trị; một bên chủ trương quân đội phải là công cụ của Đảng và cần đặt ý thức hệ lên trên hết chứ không thể chỉ có một đạo quân nhà nghề. Với Lâm Bưu, phe thứ hai thắng thế không những ở trong quân đội mà còn trong phong trào phát triển lực lượng dân quân (được tái lập từ 1958). Làm sống lại tinh thần Diên-an, phe chống xét lại của Mao đưa quân đội trở lại kiểm soát nông thôn bằng một phát động mới là phong trào giáo dục xã hội chủ nghĩa tại nông thôn khơi mào từ 1963. Mục đích của phong trào này là chống lại những trường hợp hủ hóa khám phá thấy trong tổ chức Đảng tại nông thôn. Cũng trong mục đích này có những đoàn thể được làm sống lại hoặc mới thành lập để hậu thuẫn cho cán bộ quân đội kiểm soát nông thôn. Kết quả là « mỗi xí nghiệp, mỗi công xã, mỗi học hiệu,

là nơi phát huy Tư tưởng Mao Trạch Đông; khắp nước là một nhà trường lớn phát huy Tư tưởng Mao Trạch Đông. Và tác giả kết thúc chương năm bằng nhận định về sự vững tâm của chính quyền Mao Trạch Đông một mặt ngăn chặn khuynh hướng xét lại trong nội bộ Hoa Lục, một mặt chấp nhận sự thách đố do việc hai Đại cường Nga Mỹ toan tính chia nhau làm bá chủ thế giới.

Nếu căn cứ vào những sự thật đã xảy ra tại Hoa Lục những biến cố mà tác giả đã ghi lại trong chương năm không hoàn toàn thuận lợi cho chính sách Mao Trạch Đông, mà rõ ràng có một cuộc tranh giành quyền lãnh đạo. Thứ nhất là vụ lãnh tụ Cao Cương đứng lên công kích Mao Trạch Đông kết quả Cao bị thanh trừng và phải tự sát, nhưng hành động kiểm thảo chính sách Mao Trạch Đông cũng đưa đến kết quả khác là Lưu Thiệu Kỳ được Đại hội Đảng (1955) bầu lên chức vị Chủ tịch Nhà Nước, kéo theo một tay chân của Lưu là Đặng Tiểu Bình vào chức Tổng bí thư Đảng. Thứ hai là vụ Bành Đức Hoài viết thư cho Mao (1959) đã kích Bức tiến Nhảy vọt và Chế độ Công xã là những bước tiến vội, sai lầm với đường lối xã hội chủ nghĩa. Nhưng phen này Mao đã thủ thắng, Đại hội Đảng đã đổ cho Bành thân Nga, muốn biến Hoa Lục thành căn cứ của Nga, Bành bị thanh trừng nhường chỗ cho Lâm Bưu đứng ra vận dụng quân đội củng cố quyền hành cho Mao. Cuộc tranh chấp giữa phe Lưu Thiệu Kỳ và phe Mao diễn biến rất gấp, một bên Lưu ra

sức vận dụng bộ máy Đảng đề cử cố địa vị, một bên Lâm Bưu cũng lo củng cố địa vị trong bộ máy quân đội. Năm 1962 phe Lưu thắng thế trước Hội nghị Trung ương Đảng qua bài tham luận đã kích công tác kinh tế và chính trị. Mao phản công lại bằng cách báo động có sự hiện diện của những phần tử tư sản trong Đảng và sự cần thiết của một cuộc đấu tranh giai cấp trường kỳ và đả diện. Cuối năm 1964 phe Mao tỏ ra lấn lướt hơn và Lưu Thiệu Kỳ và Đặng Tiểu Bình bị lên án công khai đã tiếm nhiệm chủ nghĩa xét lại. Hơn một năm sau (mùa hè 1966) Hội nghị Trung ương Đảng được phe Mao triệu tập và đạt kết quả Lưu bị loại. Từ đó phe Mao vận dụng đủ mọi cách để hạ bệ Lưu và Đặng Tiểu Bình và thanh trừng toàn bộ phe của Lưu gồm nhiều lãnh tụ ở Trung ương, cấp miền và cấp tỉnh. Cuộc phát động giáo dục xã hội chủ nghĩa tại nông thôn, song song với việc đưa quân đội về quản lý mọi tổ chức Đảng tại nông thôn cũng như việc dựng lại Quân đội Nhân dân Giải phóng và phục hồi những đoàn thể nông dân cũ đều nằm trong mục đích đánh bại những vây cánh của Lưu trong tổ chức Đảng, bắt đầu từ cấp nhỏ. Đánh rằng kết cuộc Mao và phe của ông ta vẫn thắng nhưng thắng trong một cuộc tranh chấp gât gao, những biến cố đã xảy ra không thể coi (như tác giả trình bày) như những diễn tiến biện chứng của việc thực triển chính sách Mao Trạch Đông.

V

Trong chương sáu, dành tiếng trình bày tư tưởng Mao Trạch-Đông, tác giả đã có mục đích biện luận rằng xã hội chủ nghĩa qua nhân quan và đường lối thực hiện Mao Trạch-Đông là đáp số đúng cho những vấn đề nhân bản, nhất là trong xã hội Trung-hoa. Để chứng minh, tác giả đưa ra bốn nhận xét : 1. Những cuộc nông dân nổi dậy tại Hoa Lục đều được nối tiếp bằng một tổ chức tập sản, chẳng hạn như vụ Thái Bình Thiên Quốc giải phóng đôi chân phụ nữ và còn tổ chức phụ nữ thành những đoàn du kích quân. 2. Tư tưởng biện chứng đã có từ lâu vì nhiều triết thuyết căn cứ trên đối tính, chẳng hạn ý niệm về âm dương rất gần với nguyên lý của Lênin về đồng nhất trong mâu thuẫn. 3. Quan niệm con người được giáo hóa sẽ cải thiện là một căn bản của nền đức lý Trung hoa. 4. Danh từ "cách mạng" đã có từ đời Hán và là khẩu hiệu của nông dân nổi dậy đối đầu người thụ phong mạng Trời.

Đặc điểm của tư tưởng Mao Trạch Đông là sự ứng dụng những nguyên lý mác xít vào xã hội nông dân Trung-hoa và chủ trương luôn luôn trau dồi lý thuyết cách mạng bằng thực thi cách mạng. Theo Mao, một khi xã hội chủ nghĩa thành công những mâu thuẫn vẫn còn trong hệ thống xã hội mới, vì những thói quen tiềm ẩn, những phương cách tư tưởng và những tình cảm của thời

trước lúc nào cũng muốn ngăn bước tiến bộ. Mâu thuẫn không riêng ở trong đời sống dân chúng mà còn ngay trong nội bộ Đảng. Về điểm này Mao phân biệt mâu thuẫn giữa cách mạng và phản cách mạng với mâu thuẫn «trong nhân dân», cho nên không chủ trương như Stalin là tiêu diệt mà phải giáo hóa đối nghịch bằng phê bình, tự phê và học tập. Tác giả nhấn mạnh tới điểm khác biệt này giữa cách mạng Trung-hoa và cách mạng Nga.

Kiên trì tin theo con đường cách mạng đã chọn cũng là một đặc điểm của tư tưởng Mao. Qua điểm này tác giả muốn đề cập tới vụ tranh chấp Nga-Hoa trên lý thuyết và trong thực tế, cho rằng bọn xét lại Nga không đủ kiên trì trong khi Trung Quốc sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy nhất thời để đạt tới trong tương lai mục đích đã sáng suốt tự đặt ra. Quyết tâm được nói ra của những người cộng sản Hà-nội kéo dài chiến tranh tới người Việt-nam cuối cùng là một phản ảnh hay một ảnh hưởng của tư tưởng Mao Trạch Đông.

Sách được viết ra cách đây đa năm năm, vào thời kỳ mà hầu như khắp thế giới đều tin chắc và lo ngại một cuộc đụng độ không thể tránh giữa Hoa kỳ và Trung Cộng. Cuộc phân tích tư tưởng Mao Trạch Đông của tác giả cũng được chiếu rọi bởi ánh sáng của nhận định

rất phổ biến đó. Nông thôn vô sản của Mao nhất định sẽ bao vây và tiêu diệt những đô thị thành trì của tư bản. Căn cứ trên hai đặc tính mà tác giả gán cho tư tưởng và chủ thuyết Mao Trạch Đông (một là nhất thiết đúng, hai là kiên trì cho tới cùng) và nhìn vào những biến đổi gần đây tại Hoa Lục (Mao và Chu cương quyết bước lên trên mọi khó khăn để thực hiện cuộc bắt tay với Mỹ) hành động của Mao Chu có thể mang hai ý nghĩa trái ngược: hoặc Mao đã cảm thấy thất bại thật sự và lật ngược hết bằng cách cầu thân với kẻ thù chính trên lý thuyết là Mỹ; hoặc đây chỉ là một bước lùi, một mưu toan nhất thời sửa soạn cho một bước tiến nhảy vọt nữa. Giả thiết thứ nhất đúng thì bao nhiêu nhận định của tác giả đáng đem đổ hết xuống sông. Giả thiết

thứ hai đúng thì đây lại thêm một dịp để cảnh giác những người đặt hết tin tưởng vào ý niệm chiến tranh vô ích từ đây nhân loại sẽ tiến bộ trong đua tranh hòa bình, Mao Chu không đồng tin như vậy, con mèo chỉ thu hình cơ móng sắc lại để chờ dịp. Tuy nhiên, trong khi chưa có thể biết đích giả thiết nào đúng, dưới ánh sáng của những biến cố mới, ít nhất độc giả của bà Hàn Tú-Anh cũng có thể vững tin ở một điểm là tác giả quả tình có quá ư lạc quan khi quan sát Hoa Lục dưới bàn tay cai trị của Mao Trạch Đông. Cho dù có lùi vì mưu kế thì sự tạm lui bước đó cũng tố cáo rằng những thành đạt tại Hoa Lục không như tác giả đã nói, hoặc nếu tin nơi tâm thành của một nhà văn, tác giả đã lấy ước vọng làm sự thật.

VI

Tiếp tục khai triển tư tưởng Mao Trạch Đông, trong chương bảy tác giả lấy cuộc Cách mạng Văn hóa làm một tỉ dụ của sự ứng dụng tư tưởng Mao Trạch Đông vào hoàn cảnh thực tế. Những xáo trộn lớn tại Hoa Lục khởi đầu từ 1966 là một căn thiết về hai phương diện đối nội và đối ngoại. Trong nội bộ, những thành quả cách mạng và đường lối Mao Trạch Đông đã không ngăn ngừa được sự hình thành và củng cố của một « giai cấp mới » rập khuôn trên đất Tàu những gì đã xảy ra trong xã hội Nga từ 1930 trở đi và trở nên tích cực đi ngược lại

cách mạng dưới thời Khroutchev. Trên quốc tế khuynh hướng xích lại gần nhau giữa Nga xô và Hoa-kỳ, được thể hiện ngay trong diễn tiến của chiến tranh VN, đất Hoa Lục trước nguy cơ có thể phải đương đầu với một trận chiến ở ngay trên đất mình. Cải tạo một lần nữa tư tưởng của bảy trăm triệu dân Hoa Lục trở nên một nhu cầu cấp bách đối với nhóm lãnh tụ trung thành với đường lối Mao Trạch Đông.

Theo tác giả, ngay từ sau khi lui vào hậu trường (1959), Mao đã lo điều chỉnh những nguyên tắc lý thuyết

và những kỹ thuật áp dụng đường lối cổ hữu của mình mà cuộc Cách mạng Văn hóa sẽ thực hiện. Những biến cố 1966 thật ra chỉ là giai đoạn ba của một kế hoạch khởi đầu bằng những cố gắng nhân dân hóa quân đội mà Lâm Bưu đảm nhiệm từ 1962 song song với phong trào bán quân sự hóa toàn bộ những tài nguyên tại Hoa Lục. Hai công cuộc song song này có thể coi như một cố gắng phục hồi tinh thần của thời cách mạng giải phóng. Mặt khác, đó cũng là một cố gắng tổ chức quân đội và điều hành sinh hoạt quốc gia trên căn bản phân tán mỏng ra hậu phương, hầu đối phó khi cần với một cuộc đổ bộ lên Hoa Lục. Cuộc Cách mạng Văn hóa là giai đoạn tập kích thẳng vào «giai cấp mới» với hai mục đích: một là tẩy trừ những phần tử có khuynh hướng xét lại trong mọi bộ phận của guồng máy chính trị, kinh tế, văn hóa; hai là tiêu diệt trong khi còn kịp thời mọi mầm mống phản động có thể trở thành động lực tác hại nếu xảy ra chiến tranh.

Phát động cuộc Cách mạng Văn hóa những người chủ xướng đã trao nhiệm vụ hành động tích cực trong tay đám tuổi trẻ. Tác giả giải thích điều này bằng lý luận cho rằng thành phần trưởng giả còn lưu tích rất đông trong các học hiệu, giao cho tuổi trẻ tự động thanh lọc hàng ngũ của họ mới hữu hiệu. Cuộc Cách mạng Văn hóa cũng là cơ hội chờ đợi để thực hiện một chủ trương của Mao Trạch Đông tức là chế độ nửa học nửa làm. Chế độ khoa cử hoàn toàn bị bãi bỏ và được thay bằng chủ trương dân chủ hóa tối đa

chế độ học vấn. Trên thực tế sau Cách mạng Văn hóa học sinh trước hết được biến thành công nhân, nông dân hay dân quân để chịu một thời gian tôi luyện một, hai, ba năm, rồi mới được lựa chọn cho theo đại học. Không được lựa chọn tức là suốt đời không còn hi vọng học lên cao nữa. Mãi tới những dòng kết thúc chương này tác giả mới đã động tới Lưu Thiếu Kỳ, thứ Kroutchev Tàu, người cầm đầu một nhóm chủ trương quay lại tư bản chủ nghĩa.

Trở lại những thực tế mà thế giới bên ngoài đã ghi nhận được về Hoa Lục, cuộc Cách mạng Văn hóa không là gì khác một chiến dịch lợi dụng tuổi trẻ để bị kích thích hầu làm một cuộc thanh trừng rộng lớn phe Lưu và Đặng Tiểu Bình cũng như để quét sạch mọi căn cứ tâm lý nơi mà chủ nghĩa xét lại có thể dùng làm địa bàn phát triển. Phong trào Vệ binh Đỏ trong thực tế đã phá tán toàn bộ tổ chức Đảng và cơ cấu Nhà Nước. Đây không phải là hành động quá trớn của đám tuổi trẻ hăng say ngu ngốc hành động quá trớn do phe Mao toa-tơ tính từ trước, khi những phá tán đã tới cực độ, Lâm Bưu tung quân đội ra nắm lại trật tự và nương vào nhiệm vụ đó sắp đặt lại một hệ thống kiểm soát (thiết lập chế độ ủy ban cách mạng hoàn toàn mới) loại trừ hẳn mọi ảnh hưởng của phe Lưu Thiếu Kỳ. Đi xa hơn nữa, Mao còn triệu tập một Đại hội Đảng để Đại hội biểu quyết chấp thuận một Bản Điều Lệ mới và bầu ra một ban Chấp hành mới. Cuộc Cách mạng Văn hóa như vậy chỉ là một mưu tính triệt hạ phe đối

địch với một giá sinh mạng và tàn phá bất kể. Muốn triệt để thi hành chính sách Mao Trạch Đông những người Cộng sản Bắc kinh có thể có những quyết định tàn bạo hơn nữa và không làm cho ai ngạc nhiên. Nhưng bảy năm sau khi thấy một lần nữa Mao phải hy sinh cánh tay phải của mình, và cũng là nhân vật số hai trong nước mà tên tuổi được ghi rõ trong bản Điều lệ được Đại hội biểu quyết chấp thuận hồi 1969 (Bản Điều lệ là một bản văn có thể coi như một thứ Hiến pháp), đó là Lâm Bưu, người ta phải tự hỏi phải chăng cuộc Cách mạng Văn hóa đã không đạt mục đích mà Mao đã định, hay có yếu tố nào khác đã ảnh hưởng tới Mao Chu. Cho tới nay các quan sát viên về Hoa Lục đều đồng ý ở một điểm: mỗi đổi thay về phương diện đối ngoại đều gắn liền với một đổi thay về phương diện đối nội. Mao vui vẻ hàn huyên với Nixon cho chụp hình đăng báo cả nước coi thể tất phải có một dụng tâm nào đó về phương diện đối nội. Ít nhất về điểm này có một điều chắc chắn là Lâm Bưu không còn phục vụ đặc lực đường lối Mao Trạch Đông nữa. Cũng nên ghi nhận thêm là cùng lõ bộ với Lâm Bưu còn đồng đủ những tướng lãnh cao cấp trong Hải Lục Không quân.

Giúp vào sự suy luận, nên kể tới đoạn trích dẫn dưới đây do tác giả viết đề mào đầu cho chương tám đề cập tới chính sách đối ngoại của Mao. Tác giả viết:

"Cần trích dẫn những lời của Mao Trạch Đông là bởi nền chính trị của Trung Quốc đã hoàn toàn được sắp xếp

căn cứ theo quan điểm của Mao về thế giới, đến độ người ta có thể gần như đồng nhất hóa những nét lớn của cuộc tiến hóa và của nền chính trị Trung Quốc với những tư tưởng của Mao Trạch Đông và cuộc tiến hóa bản thân của Mao. Hầu như, chứ không phải bao giờ cũng thế, như chúng ta đã thấy trong những chương vừa qua. Cứ mỗi khi gặp khó khăn Mao Trạch Đông lại đề ra một chọn lựa rõ rệt và lối ra được từ giữa cuộc tranh luận nóng nhiệt một kết quả cụ thể, dẫn nhân dân Trung Quốc tới mục đích đã định. Nhưng sau mười bảy năm kinh nghiệm và dưới ánh sáng của cuộc nổi dậy đang diễn tiến tại Hoa Lục, thật rõ ràng là những ai cứ tưởng Mao Trạch Đông là nhà độc tài, hành động theo ý riêng, những người đó đã lầm lớn. Đặc điểm của phần lớn những vấn đề không phải là do tư tưởng thống nhất mà do đối tính, ngay cả trong những tuyên bố chính thức cũng vậy; ngay từ bước đầu đối tính đã là một nét đặc sắc của Đảng Cộng sản Trung Hoa."

Nếu tạm gạt sang bên những thắc mắc của hầu hết các nhà bình luận trên thế giới khi họ đặt vấn đề ông già họ Mao sẽ còn cầm đầu Hoa Lục được đến bao giờ và sau Mao có ai tiếp tục nối chính sách của Mao hay không, ta có thể tin rằng cho tới nay Trung Quốc là Mao vậy. Một tay Mao đã tạo nên nước Tàu đỏ hiện thời, bao nhiêu những lãnh tụ khác ở chung quanh Mao chỉ là những phương tiện cho Mao vận dụng, khi hết cần có thể liệng bỏ đi không tiếc.

Hai chương cuối cùng, tám và chín, dành cho những tương quan giữa Hoa Lục và thế giới bên ngoài theo quan điểm của Bắc-kinh và cho vai trò gương mẫu của Trung Quốc lãnh đạo phần thế giới nghèo chống lại các đế quốc cấu kết.

Đối với những người, bất kỳ ở đâu, cần theo dõi chính trị quốc tế thái độ hợp lý nhất là so độ *hết thấy* những yếu tố soi sáng có thể thâm lược được và từ đó mới rút ra những kết luận khả dĩ đúng. Lối lý luận một chiều, lược bỏ những yếu tố bất lợi, chỉ giữ lại những điểm thuận hợp với ý hướng chủ quan và căn cứ trên đó đề lý luận hầu lôi kéo người khác đến kết luận do mình đã định sẵn. Đó là thói quen của những người viết cộng sản. Hăng say biện minh cho cái phải của Mao Trạch Đông, tác giả không tránh khỏi chui vô mô hình tư tưởng và nghị luận cộng sản. Hai chương cuối cùng của sách vì vậy không đem lại cho người đọc những ánh sáng mới ngoại trừ một kiểu mẫu về biện luận một chiều. Đã đành trong vụ biện luận một chiều vẫn phải vận dụng tới những sự kiện có thật, không hẳn chỉ là một mớ những sự việc nguy tạo, nhưng đó là những sự kiện được nhìn thấy và mô tả bằng nhãn quan cộng sản Bắc-kinh.

Trọn chương tám tác giả căn cứ trên nguyên lý đối tính (đã được ghi nhận là căn bản khi nghiên cứu nội tình Hoa Lục) để trình bày vì sao Trung Quốc đã phải có một chính sách đối ngoại thù nghịch với các đại cường tân đế quốc mà tiêu biểu là Hoa-kỳ và Nga. Trong con mắt tác giả Hoa-kỳ hiện tại (tức

là từ sau đệ nhị thế chiến) không có mục đích nào khác là bành trướng tổ đa về hướng Tây, lý thuyết tân biên cương của John F. Kennedy đã được cụ thể hóa bằng việc quân đội Mỹ đặt chân lên miền Nam VN, sau khi đã có chân đứng vững tại Úc châu và được Anh quốc—đã xuống hàng chư hầu của Mỹ—tận tình hậu thuẫn, và trước khi toan tính những mưu đồ đối với Hoa Lục. Thái độ chỉ biết có một phía của tác giả được chứng tỏ chẳng hạn như trong lập luận Trung Quốc không hay biết chi hết Nga hay Mỹ (hai đại cường này có sự trung gian của Nam và Bắc Hàn) đã gây chiến tranh Triều-Tiên và trước những kế hoạch quá nguy hiểm cho Trung Quốc Bắc-kinh mới phải quyết định nhảy vào vòng chiến để tự vệ và do đó Trung Quốc bị Liên Hiệp Quốc liệt vào sổ đen, ngăn cản ý hướng hòa bình và giao hảo mà Bắc-kinh sẵn có đối với thế giới bên ngoài. Chỉ h thế giới bên ngoài qua những hành động thù nghịch đã định sẵn cho Trung Quốc một chính sách đối ngoại. Không làm được gì khác Trung Quốc đành « ngã về một bên » Nga để đối lại với chính sách thiên Trường Giới-Thạch của Mỹ. Cho tới chiến tranh Triều Tiên kết thúc, rồi tới hội nghị Genève 1954 về Đông Dương và sau đó tại hội nghị Bandung, đường lối của Trung Quốc là đi tìm sự giao hảo với thế giới. Nhưng qua những cuộc tiếp xúc cấp đại sứ với Hoa-kỳ tại Varsovie chưa hề bao giờ Bắc-kinh thấy Hoa-thịnh-đốn đáp ứng mọi đề nghị cởi mở.

Nỗi oan của Trung Quốc được tác giả viết như sau : « Những sáng kiến của

Trung Quốc mưu cầu hòa bình đều được diễn giải như một « chiến lược quy mô » có mục đích lôi cuốn thế giới vào chủ nghĩa cộng sản. Thật ra Trung Quốc tranh đấu cho sự độc lập của mình đối với Nga. Trung Quốc đâu có mong muốn thiết lập chế độ cộng sản tại Đông Nam Á hay bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Điều mà Trung Quốc mong muốn không phải là cộng sản chủ nghĩa mà là một nền trung lập đích thực, điều này đã nhiều lần Trung Quốc minh xác, chẳng hạn như tại hội nghị Genève về Lào Quốc từ 1961 đến 1962. »

Đã bị Hoa-kỳ bao vây về chính trị Trung Quốc còn bị làm khó trong mọi cố gắng kiến thiết kỹ nghệ trong nước. Ban đầu Trung Quốc còn trông cậy được nơi nước anh em Nga-sô, nhưng về sau ngày một tỏ lộ thâm ý của Nga đồng tình với Mỹ chia đôi ảnh hưởng trên thế giới. Ngay từ thời Stalin tuy bề ngoài Nga có những hành động giúp đỡ Trung Quốc nhưng trong thâm tâm Stalin vẫn khi rẽ Mao Trạch Đông và đã có những hành động theo Mỹ ủng hộ phe Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Đặc biệt khi đề cập tới chính sách nước đôi của Nga và Mỹ đối với Hoa Lục sau thế chiến thứ hai, tác giả có nhận xét này đáng được lưu ý và suy gẫm. Tác giả viết : « Đại sứ Hoa-kỳ tại Trung-hoa, Patrick Hurley, có nói với Roosevelt rằng Hồng quân được sự giúp đỡ của Nga (điều này sai).

Nếu ta có thể lôi kéo Staline « công khai ủng hộ Tưởng Giới Thạch » bọn cộng sản Tàu sẽ bắt buộc phải chấp nhận một chính phủ « liên hiệp » với Tưởng. Đối với người Mỹ, chính phủ liên hiệp đó được coi như một chế độ « canh tân » vững. Tưởng Giới Thạch vẫn nắm quyền, bọn cộng sản sẽ bị tan loãng đến một mức độ vừa phải, và ta sẽ có thể lợi dụng chương trình và uy tín của họ trong dân chúng hầu lôi kéo dân chúng về với Tưởng. Như vậy Trung-hoa vẫn giữ được mãi trong vòng ảnh hưởng của Mỹ—khi đó còn bành trướng hơn tại Á châu—và sau đó, sau khi Tưởng đã củng cố được địa vị, một trận tàn sát mới sẽ loại trừ được hết bọn cộng sản. »

Đối với Nga, nhất là từ thời Kroutchev và cả sau Kroutchev nữa, Hoa Lục bao giờ cũng bị đối đãi như một chư hầu, chính Kroutchev năm 1958 đã đưa ra đề nghị đánh đổi kiến thức nguyên tử bằng một chế độ gần như là thuộc địa của Nga : quân Nga đóng tại các vị trí chiến lược, quân đội trao cho Nga điều khiển. Trước thái độ cứng cỏi của Mao, Kroutchev đã xử sự hệt như đại diện của Mỹ đối với vấn đề Đài-loan.

Bị cản trở đủ mặt, không được một chút giúp đỡ nào từ bên ngoài tự lực Trung Quốc đã đạt những kết quả tuần tự và rực rỡ về kỹ nghệ hạch tâm, dữ kiện này đã cắt đứt mọi âm mưu của

Nga Mỹ đưa vụ 'thăng bằng trong không khí' ra đe dọa thế giới. Từ nay khó lòng sẽ có chiến tranh nguyên tử nữa vì không quốc gia nào dám quyết định gây hấn để bị hủy diệt. Trung Quốc nghiêm nhiên trở thành một lực lượng đáng kính nể nhất thế giới vì một khi quay lại chiến tranh quy ước thì lực lượng

người của Hoa Lục đã vô địch và lực lượng đó lại áp dụng chiến tranh nhân dân là một phương tiện rất đa hiệu. Chiến tranh nhân dân chỉ có hiệu lực tự vệ như đã có những chiến lược gia Tây phương nhận xét, nhưng chống xâm lăng thì chỉ cần tới hình thức chiến đấu đó cũng đủ.

VII

Từ nhận định chiến tranh nhân dân chỉ có mục đích và hiệu năng tự vệ tác giả bắt sang vai trò của Trung Quốc trên thế giới, trong chương chín tác giả nêu làm tiêu đề cho chương này mấy câu trích dẫn Mao Trạch Đông thừa đủ để tóm tắt lập luận của tác giả: Trung Quốc hiểu hòa chỉ biết sát cánh với các quốc gia hiện đồng cảnh ngộ với Trung Quốc thời trước, đứng cùng đứng trong một Mặt trận thống nhất chống mọi âm mưu tham lam từ bên ngoài. Mao viết: «Mỗi có bốn mươi lăm năm trôi qua từ ngày cách mạng 1911, nhưng bộ mặt Trung Quốc đã thay đổi hẳn. Trong vòng bốn mươi lăm năm sắp tới, tức là vào năm 2001, Trung Quốc sẽ còn thay đổi to lớn hơn nữa. Trung Quốc sẽ thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa và kỹ nghệ. Nhất định là sẽ phải như vậy.

« Trung Quốc...đáng lẽ ra đã phải đóng góp rất lớn cho nhân loại. Từ lâu nay phần đóng góp đó ít ỏi quá. Chúng ta rất lấy làm áy náy. Nhưng chúng ta là những người khiêm nhường. Không phải

trong lúc này mà trong vòng bốn mươi lăm năm nữa cũng thế. Trong những quan hệ quốc tế, chúng ta, người Trung Quốc, chúng ta cần dứt bỏ chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, nhất quyết, tận tình, triệi đề và toàn diện dứt bỏ.

«Chúng ta không bao giờ được có một thái độ sô-vanh nước lớn. Mỗi quốc gia, lớn hay nhỏ, đều có những ưu và nhược điểm hết...»

Trong chương này, sau khi nhận định rằng bao nhiêu hi vọng chớm nở tại hội nghị Bandung 1955 đến nay hầu như tan ra mây khói, thế giới đệ tam luôn luôn bị các cường quốc đưa ra đe dọa (không đúng) có 'nguy cơ nhân mãn, mặt đất không nuôi nổi nhân loại, tác giả nhìn nhận Trung Quốc có nhiều thất bại trong những năm đầu thập nguyên 60 tại một số quốc gia thuộc thế giới đệ tam. Thất bại vì tại nhiều nơi đã có những cuộc nổi dậy của phe quân nhân được sự hỗ trợ của Hoa-kỳ với chủ trương phải ôn hòa tiến tới xã hội chủ nghĩa. Nhưng vấn đề đặt ra là nhân dân tại các quốc

gia thiếu đói có chấp nhận đường lối ôn hòa đó không. Đề tự trả lời, tác giả đã kích những sở đoản của những chương trình viện trợ Mỹ. Mặt khác tác giả còn cho rằng Hoa-kỳ đã đi tới giai đoạn không thể kham được hết mọi trách nhiệm ngày một to lớn trên khắp thế giới (điều này đúng) và cả trong không gian nữa. Chiến tranh VN được đưa ra như một gương mẫu của sự đề kháng của một dân tộc nhỏ bé trước những phương tiện to tát của đại cường. Không hi vọng nơi các đại cường, thế giới đệ tam chỉ còn một đường là noi gương Trung Quốc. Về phần Trung Quốc, trước sự liên hợp hành động giữa Hoa-kỳ và Nga, Trung Quốc quyết tâm đứng lên lãnh đạo các nước nhỏ bé, quyết tâm chấp chận hiểm nguy, «có đánh phải hi sinh cả quốc gia cũng không từ». Tư tưởng Mao Trạch Đông sẽ hướng dẫn cuộc cách mạng thế giới, kinh nghiệm

cách mạng đã kết tinh tại Hoa Lục và đạt tới chót đỉnh của chủ nghĩa Mác Lê. Như Chu Ân Lai đã nói, nếu một quốc gia Á, Phi hay ở đâu khác bị xâm lăng Mỹ, Trung Quốc sẽ chi viện và hỗ trợ nước đó, nếu hành động đó gây nên một cuộc xâm lăng vào ngay lãnh thổ Trung Quốc, chúng ta sẽ đứng lên đề chống lại và chiến đấu đến cùng... Trung Quốc đã sẵn sàng. Một khi chiến tranh đã xảy ra thì không còn biên giới nào nữa.»

Lời của Chu viết trong thư gửi cho nhà văn nữ người Mỹ Anna Louise Strong, một người da trắng tận tình hâm mộ Mao, từ ngày 4 tháng sáu 1966. Câu nói được trích dẫn với dụng ý để độc giả so sánh với những lời lẽ mới đây của Chu trong những ngày đứng ra tiếp đãi thượng khách của chế độ Bắc-kinh là vợ chồng ông Richard Nixon.

Đóng cuốn sách của tác giả Hàn Tá Anh lại, cảm tưởng bàng bạc suốt thời gian đọc sách cho tới nay còn giữ được, đó là sự hiện diện vừa rõ ràng vừa ập hiện của con người duy nhất Mao Trạch Đông. Từ hàng đầu tới hàng cuối của sách chỉ là một bài ca ngợi nói lên tất cả sự cảm phục của tác giả đối với con người út nhất cũng đã làm khất hân nước Tàu của ba bốn ngàn năm cũ.

Nếu tạm gác sang bên mọi suy xét cá nhân, mọi phản ứng của một người liên hệ (không một người Việt Nam nào có thể cho rằng không liên hệ với những gì đã xảy ra tại Hoa Lục), còn lại một thắc mắc lớn, và cũng là điểm chủ tâm của hết thảy những người quan sát tình hình thế giới, đó là câu hỏi: Một con người

như Mao Trạch Đông liên tiếp trong bao năm, trải qua bao nhiêu thử thách, vẫn luôn luôn giữ vững địa vị lãnh đạo số một trên một hệ thống chính trị quy mô và phức tạp, liên tiếp gắng công trong bao năm mà đến nay vẫn còn phải có những quyết định như vụ quật ngã Lâm Bưu, tiếp sau những vụ như Cách mạng Văn hóa một lúc quét sạch toàn bộ tổ chức Đảng, con người đó đã đặt vững uy tín của mình đến độ nào, và uy tín đó có còn tỏa lan ra ngoài kể vị, một khi chẳng bao lâu nữa Mao sẽ nằm xuống? Cho đến nay không một quan sát viên nào đã nhìn thấy ở sau lưng Mao một người kế vị xứng đáng, xứng đáng trong ý nghĩa của danh từ kế vị, đó cũng là điều thắc mắc căn bản thứ hai.

Không tìm ra được giải đáp đáng và chắc chắn cho hai thắc mắc đó thì tất cả những viễn tượng đã mở ra sau cuộc viếng thăm Hoa Lục của Tổng thống Mỹ đều là những xây dựng trên nền móng không đủ bảo đảm vững chắc. Có thể chỉ là những thành đạt nhất thời, như những thành đạt của Mao trong vòng mấy chục năm nay.

MẠC - ĐỎ

ĐÓN ĐỌC :

HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA QUỲNH ĐẠO

THUYỀN

(truyện dài)

BA ĐOÁ HOA

(tập truyện)

sắp do TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

NGUYỄN-ĐÌNH-TOÀN



Phòng lạnh

PHÚC đẩy chiếc cửa kính dày của tiệm nước bước vào, ngờ ngắc tìm một bàn trống. Chàng cũng đoán là Khánh chưa tới nhưng chàng vẫn đảo mắt nhìn xem có Khánh không.

Phúc kiểm được một bàn trống.

Chàng ngồi xuống và kêu một tách cà phê khi người bồi đến hỏi.

Phúc ngó ra ngoài cửa kính, trời hãy còn nắng và phố khá đông đúc. Phúc thử nhìn xa hơn xem có thấy Khánh đi tới chẳng.

Chàng nhận ra chàng vẫn còn bồi hợp trong lúc chờ đợi nàng.

Phúc cũng đã nói trước với Lãm là chiều nay anh sẽ đi ăn cơm khách. Như thế chàng có cả một buổi tối để đi chơi với Khánh.

Chàng sẽ dùng cái khoảng thời gian này làm những gì với Khánh đây ?

Trước hết Phúc tự hỏi, ta còn yêu nàng chăng ?

Đó là một điều, ngay từ lúc chưa lấy Lãm, chàng đã nhiều lần tự hỏi, và chàng tin rằng, có lẽ chàng không yêu Khánh, bởi vì, nếu chàng yêu nàng không có gì cản trở hai người lấy nhau cả.

Họ đã quyết định không lấy nhau, hay ít ra, Phúc đã một mình quyết định như thế, và điều này phải được coi như dấu hiệu đích thực chàng không yêu Khánh.

Nhưng rõ ràng là chàng đã không quên được nàng.

Trong nhiều ngày, nhiều lúc, những lúc Phúc tưởng không có lý do nào hình bóng Khánh có thể lớn vồn hiện đến với chàng cả. Vậy mà chính trong những lúc ấy, Khánh đã hiện ra, đã khuấy động tâm trí chàng và Phúc còn e tình trạng có vẻ nặng nề hơn nữa, Khánh đang dần dần trở thành nỗi ám ảnh đối với chàng.

Ta tiếc nàng thực chẳng ?

Phúc tự hỏi và chàng nghe ngân nga trong trí tưởng cái âm vang tưởng vừa nặng nề vừa lạnh lẽo của câu hỏi đó, làm cho Phúc đôi khi thấy vắng vát.

Thành thử Phúc ngồi chờ Khánh phút này, chàng còn có cảm tưởng như chàng ngồi chờ cho cái tình cảm nào đó hiện lên, đến với mình một cách rõ ràng hơn.

Phúc bỏ đường vào tách cà phê.

Khánh vẫn chưa đến.

Buổi chiều ở bên ngoài cửa kính đã bắt đầu dụi đi.

Phúc nhìn theo những viên gạch vỡ đổ chới dưới chân những đám cỏ ngoài công viên. Công viên dường như vừa được quét dọn sạch sẽ, cỏ trông xanh mướt. Có lẽ những trận gió trong cơn mưa lúc xế chiều đã làm cho công viên có cái vẻ sạch sẽ như vậy.

Khánh đã tới từ lúc nào.

Nàng đến trước chàng và ngồi xuống chiếc ghế đối diện.

Khánh hỏi :

— Anh đợi em có lâu không?

Phúc ngược mắt nhìn Khánh.

Chàng muốn thử tìm xem cái cảm tình thực của chàng trong

cái giây đầu tiên nhìn thấy nàng, nhìn thấy lai nàng giữa lúc chỉ người, đối có hai với chàng ra sao?

Chàng nói :

— Anh cũng vừa tới.

Khánh có vẻ như vừa đi bộ loanh quanh khá lâu, nàng xách một túi giấy nặng, có lẽ là vài vốc đề may quần áo.

Người bồi tới hỏi, Khánh gọi một ly nước chanh.

Nàng kiếm chỗ để mấy chiếc túi trên mặt bàn.

Phúc nhìn thấy một giọt mồ hôi nhỏ óng ánh trong mái tóc mai của Khánh.

Nàng rất tự nhiên. Dường như nàng không cho cuộc hẹn hò với Phúc như thế này có một vẻ gì quan trọng cả, dù Lâm có thể bắt gặp, ít ra thì Khánh cũng phải nghĩ đến điều đó chứ ?

Phúc hỏi :

— Em đi mua đồ hả ?

Lâm tới lúc này mới có vẻ bình tâm, không bị các chuyện lật vạt chiếm hết ý nghĩ, như kiểm chỗ để mấy cái túi giấy, nhích người kéo chiếc ghế cho ngay ngắn vừa ý.

Nàng ngừng mắt lên nhìn Phúc.

Khánh nói

— Em đi loanh quanh từ lúc này.

Phúc lặng lẽ nhìn Khánh.

Có lẽ từ phút này Khánh mới dần dần nhận ra địa vị của mình.

Nàng mở sặc lấy chiếc khăn tay nhỏ ra chạm mồ hôi trên trán, hai bên thái dương và trên miệng.

Khánh kêu :

— Trời nắng, nóng quá.

Quán hàng có lắp máy lạnh, thành thử trong giây lát, Khánh lấy được vẻ bình thường trở lại.

Người bồi mang ly nước của nàng lại.

Khánh tự bỏ đường vào ly nước của mình như mọi lần nàng vẫn làm. Nàng cầm ly nước lên uống.

Ly nước che khuất miệng và mũi nàng.

Phúc chỉ còn nhìn thấy hai mắt Khánh sau thành thủy tinh của chiếc ly. Phúc nhận ra trên hai mép Khánh, trên hai đôi mắt nàng, khoảng giữa hai hàng lông mày giao nhau của Khánh có những nếp nhăn nhỏ. Hai mắt Khánh ướt, lúc nào cũng ướt như thế, trông long lanh một nửa có vẻ đam mê, một nửa có vẻ khô đại.

Buổi chiều ở ngoài trời lúc đó đã rút lên khá cao. Cả cái công viên rộng lớn bên ngoài nhìn không còn thấy một bóng nắng nào.

Phúc nhìn lên cái cao ốc phía xa.

Nắng hắt nghiêng từ phía dưới thấp lên trên đó, mặt trời như thế đã gần rớt xuống chân trời, chút nắng cuối cùng đã soi trên những ô kính các khuôn cửa của dãy lầu kế cận với cao ốc, soi rõ màu của những tấm màn che cửa các căn phòng chàng nhìn thấy và trên sân thượng của cao ốc, nơi người ta dùng làm quán ăn, được trần thiết giống như một con tàu, cái ống khói của nhà bếp đang thả những đám khói đen.

Phúc tưởng tượng đến một cuộc chạy trốn, chàng sẽ đưa Khánh tới một nơi xa lạ nào đó, cả hai người chưa ai hề có lần đặt chân tới, và ở nơi đó chàng với nàng sẽ khởi sự lại cuộc tình đã làm hỏng.

Nhưng chàng trốn ai? Lắm ư?

Câu trả lời thầm lặng đó, cùng một lúc hiện đến cùng với khuôn mặt Khánh giống như cánh buồm của con tàu lặng lẽ nhả khói mà chàng không nghe một tiếng động nào kia, con tàu vẫn còn đang chạy, chưa đến nơi, vậy mà chàng đã tưởng tới, đã vẽ thấy trong trí cái cảnh nắm tay Khánh cùng đi trên một cái lối đông đúc những người xa lạ, vào bến, chàng và nàng chẳng quen ai cả, vậy mà Khánh vừa đi vừa nghiêng

minh, cúi đầu chào hết người nọ đến người kia, làm như họ đứng đó để đón nàng vậy, nàng điệu bộ quá sức, nàng nhoẻn miệng cười, nàng làm chàng khó chịu dù nàng có vẻ lộng lẫy, nàng đã ăn vận một cách hơi lỗ lã, nhưng nàng lại chẳng hề bận tâm về điều đó, nàng còn có vẻ hài lòng nữa là chẳng khác, và trong đầu Phúc dường như chia ra làm hai phần rõ rệt, một phần là bóng dáng của chiếc tàu trời lênh đênh trong yên lặng, một phần là cái cảnh ồn ào và kỳ quặc của Khánh xuống tàu, nhưng một lát sau Phúc tự trấn tĩnh và chấm dứt cơn mơ tưởng huyền hoặc của mình.

Khánh vẫn yên trước mặt chàng.

Nàng mở to mắt nhìn Phúc. Dường như nàng cố tìm trên nét mặt chàng một vẻ quen thuộc hay xa lạ. Chiều ở bên ngoài tím kính trong khoảnh khắc xuống thấp hơn một chút nữa. Ánh nắng trên đầu các ngọn cỏ đã trở thành màu sẫm và chính cái màu sẫm đó lại đang mau chóng sẫm đi thêm

nữa. Phúc nhìn lên cao, nhìn lên cái ống khói bấp giã làm cái ống khói tàu trên đó, bây giờ cũng không còn một chút nắng nào nữa.

Bầu trời chỉ còn rạng sáng bằng cái ánh sáng của mặt trời đã lặn hẳn từ phía chân trời tới.

Từ các mái hiên của những căn lầu cũ trong khu phố trước mặt Phúc và Khánh, những con gôi bắt đầu bay tủa ra phất chốc hợp thành từng bầy bay vùn vụt trên bầu trời phía xa và trên các ngọn cây, sà xuống rất thấp, là là trên mặt đất và các khoảng trống dưới các tàn cây trong công viên.

Phúc cố gắng nhìn những cái bóng đen nhỏ bé di động đó đến lúc chàng quay lại, nhìn thấy hai mắt Khánh chỉ còn là hai cái chấm đen đang loang dần ra, lẫn vào hai hàng lông mày, lẫn vào hai hàng lông mày, đọng trong hai quầng mắt và trong một giây, hai mắt quá mỏi, Phúc tưởng như nhìn thấy hai mắt Khánh bay như hai con gôi vậy.

2

Khánh nhìn lại Phúc trong lúc chàng đắm đắm nhìn nàng.

Càng nhìn chàng, nàng càng cảm thấy một sự khó khăn, rất

khó khăn cho nàng trong cả hai việc, tiếp tục yêu chàng hoặc quên chàng.

Khánh tin chắc rằng Phúc còn yêu mình.

Nhưng, Khánh cũng nhủ thầm, có còn ích gì cái tình yêu đó ?

Khánh nhìn ra ngoài cửa kính.

Buổi chiều, lúc buổi chiều đang dần dần tắt đi, luôn luôn tạo cho Khánh cảm tưởng buồn rầu. Nàng tưởng như ngay chính trong lòng mình, trong tâm hồn mình, cũng có một cái gì đang tắt đi nữa. Cái gì đang tắt đi, nếu không phải là ngày xanh của mình, tuổi xuân của mình, kỷ hạn của mình đã rút ngắn thêm đi một chút nữa ?

Cho nên, có những ngày, có dịp ra bãi biển chơi, dù rất sợ cảnh chiều tối, Khánh vẫn tìm cách nấn ná, ngồi lại một mình ngắm ngày hết trên mặt biển. Khánh cũng cho rằng phải ngồi ở chỗ nhìn thấy trời nước mênh mông như ở biển, mới thấy hết cái đáng sợ của ngày tàn.

Trời còn đang sáng, đang bao la, trong phút chốc tất cả đã tối đen, chìm ngập trong bóng đêm, liệu có cái gì có thể tồn tại trong cuộc đời xoá không khiếp dù rất êm đềm như thế ?

Tốt hơn hết, Khánh nghĩ, chẳng nên nhớ rằng đã có một thời hai người yêu nhau, đã có một thời nàng yêu chàng, bởi vì nếu nghĩ như thế, nàng không

thể không nghĩ thêm rằng, bảy giờ hai người sẽ ra sao ?

Không ngẫm nghĩ và càng lúc nàng càng nhận ra cuộc chia lìa với Phúc không nhẹ nhàng như nàng tưởng. Nhiều lúc, ngồi một mình, nghĩ đến chàng, nàng chưa nghe một vẻ gì trầm trọng trong cuộc chia tay này cả. Nàng vẫn có cảm tưởng nó giống như những lần hai người chia tay khác, đó chỉ là cuộc tạm biệt. Rồi sẽ có những lần gặp gỡ khác.

Khánh cố tình không nghĩ đến Lâm, không nghĩ đến sự ràng buộc giữa Lâm và Phúc, bởi vì nghĩ như vậy nàng sẽ nhận ra, giữa hai người không phải chỉ có sự ràng buộc mà thôi, cái chữ đó chưa đủ để chỉ sự liên hệ giữa hai người. Sự thật có thể Phúc không còn là Phúc nữa, không thể nói đến chàng, nghĩ đến chàng mà không kể đến Lâm. Một cái việc hết sức tâm thương, không ngờ lại có hiệu lực đến thế. Một đám cưới ? Một cái việc hoàn toàn chỉ có tính cách hình thức lại có thể ảnh hưởng sâu xa tới mọi chuyện như vậy sao ? Khánh không tin, nhưng mọi sự lại khiến cho nàng không thể không tin cho được, vì từ đó, tất cả những điều Khánh nghĩ ra, cảm thấy, tưởng tượng, liên quan tới nàng và Phúc dường như đều tiết ra một chất độc.

Khánh bắt đầu cảm thấy đau đớn, bức tức, và đôi khi nặng nề hơn, giận dữ oán trách Phúc.

Nhưng khi ngồi trước mặt chàng, nàng lại thấy rõ không phải như thế.

Chẳng phải chính nàng đã tìm đủ mọi cách để tránh cuộc chung sống lâu dài với chàng chẳng? Cho đến bây giờ, xét cho kỹ, Khánh không hề biết tại sao nàng đã không lấy Phúc.

Nàng buồn vì ngay chính điều ấy đối với nàng cũng không có một ý nghĩa rõ ràng. Quả thật có những lúc nghĩ đến Phúc, nghĩ đến lúc rồi đây, nàng chẳng thể nào còn gặp gỡ lại được chàng như xưa nữa, Khánh tưởng chừng như mất hẳn đi một nửa người, mất hẳn đi một nửa sức nặng. Sự mất mát ấy làm thế nào, lấy cái gì có thể đền bù vào đấy? Cứ tưởng tới việc đó Khánh đủ choáng váng mặt mày.

Đó có phải là dấu hiệu họ còn yêu nhau? Hay đó chính là dấu hiệu chứng tỏ, họ không hề yêu nhau nhưng họ lại cư xử với nhau như những người yêu nhau?

Khánh nhận ra nàng đã có những ý nghĩ, xúc động hình như trái ngược hẳn nhau, về Phúc.

Lòng tự ái bị tổn thương chẳng?

Khánh một nửa muốn khám phá rõ ràng điều đó, một nửa nàng lại muốn ngoảnh mặt làm ngơ, cứ coi cuộc tình của nàng với chàng như trang sách nàng đã gấp lại, nàng không muốn mở ra nữa, không muốn đọc tiếp, còn bận tâm đến nữa mà làm chi?

Thế nhưng tại sao nàng lại tới nơi hẹn này với Phúc?

Khánh chẳng hề có ý muốn chiếm lại chàng, nàng cũng không hề có ác tâm muốn làm Lâm đau lòng. Nhưng Khánh biết rằng chuyện nàng gặp lại Phúc này, gặp lại chàng một mình, gặp chẳng phải vì tình cờ, hai người đã hẹn nhau trước, vẫn biết chính Phúc đã gọi đây nói cho nàng và đề nghị cuộc gặp gỡ này, nhưng Khánh đã bằng lòng một cách mau chóng, tưởng chừng như giữa hai người vẫn không hề có một sự thay đổi nào, sự thực cũng có thể như thế, họ không ai thay đổi cả, nhưng hoàn cảnh đã thay đổi, song làm thế nào nàng có thể tin được rằng Phúc không thay đổi? Khánh bỗng nhiên cảm thấy bồn chồn không muốn ngồi lại nữa. Nàng cầm ly nước lên uống một hớp lớn. Nước lạnh làm dịu bớt thần trí. Nhưng Khánh vẫn muốn đứng dậy đi chỗ khác. Nàng biết rõ là nàng muốn đi tìm một chỗ nào khác chứ không phải nàng không muốn ngồi với

Phúc nữa. Rõ ràng là hai người chưa nói được gì với nhau cả, chưa nói được điều gì cần nói.

Cần nói ? Ý nghĩ chợt hiện ra trong óc này làm Khánh thêm bối rối. Làm như nàng đã có sẵn trong đầu một điều gì đó để nói với Phúc. Không, thực ra nàng không định tâm nói với Phúc một điều gì cả. Nàng không có lòng oán trách chàng, không mong sửa chữa những việc đã xảy ra, không muốn chiếm lại chỗ của mình, lại càng không nghĩ đến việc chiếm chỗ của Lâm.

Như thế, nàng còn điều gì cần nói với chàng ? Và Phúc, chàng còn điều gì cần nói với nàng ?

Cùng một lúc Lâm lại cũng cảm thấy ít nhất hai người cũng nên nói với nhau một điều gì đó. Không lẽ, chỉ vì việc Phúc lấy Lâm, chàng lấy Lâm không phải vì chàng không muốn lấy nàng, ít nhất Khánh chủ quan nghĩ như vậy, đến nỗi hai người chẳng còn một điều gì đã nói với nhau nữa sao ?

Khánh càng suy nghĩ càng thấy bối rối. Sự suy luận của nàng diễn ra đôi lúc chậm chạp, đôi lúc mau chóng, có lúc nàng tưởng như trí óc bị che mờ bởi một đám mây u ám, có lúc nàng lại thấy trong đầu chói lọi như bị chiếu rọi bởi một nguồn ánh sáng gay gắt tựa mặt trời giữa trưa.

Nhưng cả hai tình trạng đều có vẻ bất thường cả, thành thử nó chẳng làm cho nàng thấy rõ một điều nào hết. Và dường như chính sự không rõ ràng này đã làm cho Khánh trở nên bồn chồn không yên tâm.

Nàng bảo với Phúc :

— Anh đi với em được chứ ?

Phúc hỏi :

— Đi đâu ?

Khánh nói :

— Đi chỗ khác.

Chiều đã dịu, nhưng vì quán lợp máy lạnh, ở trong quán bước ra Khánh cũng vẫn cảm thấy khó chịu.

Khánh cầm túi đi về phía đầu đường. Lối đi chật hẹp vì những người giữ xe đã để những chiếc xe gửi choán gần hết lối đi.

Hai người đi lại chỗ Phúc để xe, kẻ cặm mấy cái quán bán hoa. Những quán hoa này cũng là nơi hai người vẫn thường mua về trưng trong những ngày còn vui sống với nhau. Khánh cũng nhớ lại lần thứ nhất hai người tới đây mua hoa, nàng đã mua một bó glaiuclis đỏ thắm, và Phúc đã mua cho nàng một bông hồng màu gạch non, hai người đã trả những đồng tiền khác nhau. Khánh cảm bông hoa và thầm nghĩ, chàng lười biếng nhưng chàng cũng có vẻ lãng mạn. Nàng đã giữ bông hoa

cho đến lúc nó hoàn toàn khô héo trong chiếc bình nhỏ để trên bàn ngủ. Cái ngày ấy cũng đã quá xa, sau này tình của hai người đã trở nên nồng nàn hơn, chẳng cần đến những sự bày tỏ phù phiếm tương tự nữa, nhưng cái bông hoa nhỏ ấy luôn luôn vẫn còn giữ mãi màu tươi thắm trong trí tưởng của Khánh, mỗi lần nhớ lại Khánh vẫn còn tưởng thấy đóa hoa trong cái vại vừa hé nở của nó, và cái màu hồng nhạt ấy còn thắm tươi mãi, chính Khánh đã giấu chàng, đã đi mua một ống sáp môi đúng màu đóa hoa để thỉnh thoảng thoa môi. Đức không hề ý, chàng không biết,

Bông hoa Khánh cũng không thích lắm đâu, nhưng mỗi lần nghĩ đến Phúc, cái đóa hoa chàng cho nàng đó lại lớn vồn trong tưởng tượng của nàng, dù nàng nghĩ đến chàng trong lúc buồn

rầu hay vui thích, cả những lúc nàng không vui, không buồn, hoặc tình cờ trong khi đi đường, đi qua các vườn hoa, nhìn thấy những đóa hoa tươi tốt hay khô héo, nàng vẫn thấy lần khuất cái bóng dáng của bông hoa cũ, phảng phất chút hương thơm còn sót đã bám đầu đó trong những nếp gấp của trí nhớ, và chính cái mùi vị hư ảo có lẽ chỉ có trong tưởng tượng đó, đã nhiều lần làm cho nàng se lòng, nghĩ đến chàng. Chính trong những lúc như thế nàng nhận ra có một vẻ gì không được bền chặt trong cuộc tình giữa nàng và chàng, nàng có cảm tưởng giữa hai người rồi ra, nếu có còn, cũng giống như đóa hoa tươi tốt, ngát thơm trong trí tưởng, một thứ hạnh phúc để mơ tưởng nhiều hơn là để sống.

3

Khánh bảo Phúc :

— Kiểm một chỗ ngoài thành phố đi anh.

Phúc không nói gì. Chàng cho xe chạy ra khỏi thành phố. Họ tìm một quán ăn vào ngồi ăn. Cả hai người đều không mấy chú ý đến những món ăn đã gọi. Tuy nhiên họ vẫn ăn một bữa ngon lành.

Khánh cũng cố giữ cho không khi vui vẻ.

Nàng nói :

— Lần lúc em nghĩ tới Lãm cũng thấy ngại.

Phúc bảo :

— Không. Lãm có nó ...

Phúc rót nước vào ly cho Khánh. Cái công việc này lại làm

chàng nhớ những buổi đi ăn với Khánh ở trên Đà-lạt, nước lạnh, đá lạnh, trời lạnh, trong bữa ăn Khánh nhiều lần đã ngưng tay, áp bàn tay nàng lên tay chàng bảo: "tay anh lạnh ngắt", hai người dường như chìm trong bầu không khí lạnh mát, Phúc có cảm tưởng chính cái lạnh đã làm cho hai mắt Khánh trong vắt, chàng nhìn thấy trong hai mắt nàng bóng những tấm kính của tiệm ăn, bầu trời sáng sủa, khô ráo, những lúc hai người đi với nhau quanh hồ, Phúc tưởng như nhìn thấy màu của hồ nước long lanh pha lẫn trong hai mắt Khánh.

Bây giờ đây cầm chai nước rót vào ly cho nàng, Phúc bỗng nhiên thấy buồn. Trước hết, cái không khí lạnh mát không còn. Chàng cũng ngược mắt nhìn vào hai mắt Khánh. Cái bóng trong sáng của bầu trời cũng đã lặn sâu, biến mất, chỉ còn cái bóng âm u của khu vườn bên ngoài tiệm ăn.

Nhưng, Phúc tự nhủ, tất cả những thứ đó cũng chỉ là ảo tưởng. Ta tiếc nàng đến thế thật chăng? Dù sao những ngày ta đã sống với nàng có lẽ đã là những ngày hạnh phúc.

Khánh mở to mắt nhìn Phúc.

Khánh mở to mắt ra như thế, Phúc càng nhìn thấy rõ hơn cái bóng âm u của khu vườn bên ngoài.

Phúc tưởng chừng lòng chàng cũng đầy những bóng hoang mang, tất cả mọi cảm xúc, ý nghĩ của chàng, cũng gần giống như khu vườn nhìn thấy kia, có lúc tưởng như rất rõ ràng, chẳng khác những vầy cây nứa nê, có chỗ lại hoàn toàn rút chìm vào bóng tối mông mênh không phân biệt được một bình thù nào nữa.

Ở tiệm ăn ra cả hai người đều không thể quyết định sẽ đi đâu.

Hai người bước những bước chập choạng trên cái lối đi bằng đất ra tới khu vườn, nơi dề xe của các khách hàng vào quán ăn. Phúc đã nắm bàn tay Khánh dẫn đi, bàn tay nàng ngoan ngoãn nắm trong tay chàng, bàn tay toát ra một chút lạnh lẽo, cái lạnh lẽo chẳng phải vì thời tiết mà trở thành lạnh nữa, cái lạnh lẽo run rẩy chứng tỏ nàng đã đau đớn, có lẽ ta đã làm cho nàng tủi hổ, Phúc thầm nghĩ, chàng không muốn chạm phải cái lạnh lẽo đó trên tay nàng, không muốn cái sự lạnh lẽo đó bám trong lòng bàn tay nàng, không muốn là người gây ra điều đó. Không phải là nỗi buồn thăm sao, khi chính chàng cầm lấy sự lạnh lẽo đó trong tay nàng?

Phúc mở cửa xe cho Khánh. Chàng đóng cửa xe lại. Coàng đi vòng sang phía cửa xe bên kia,

mở ra, trèo lên ngò. Chàng thấy chân tay mỗi buồn đến không muốn mở máy cho xe chạy nữa. Chàng ngồi yên nhìn qua tấm kính chắn ra khu vườn, nhìn ngược trở lại quán hàng thấp đèn sáng, chỗ hai người vừa ngồi, bây giờ cũng lại cách chỗ hai người một khu vườn. Cái ánh sáng chói từ những ngọn đèn trong quán chiếu hắt ra ngoài thềm, xuống những bụi cây thấp dưới chân thềm, có một vẻ gì giống như những kỷ niệm, những mảnh quá khứ trong khu vườn u tối của tâm hồn chàng, vẫn còn soi chiếu trên những cái đã vắng không, đã lạnh lẽo, chẳng còn ích lợi gì. Phúc tưởng như nghe thấy cái tiếng vang âm lẳng lẽ của chuỗi ngày không đó rợn lên trong tâm trí. Chàng thấy lòng mềm yếu khác thường, tưởng chừng như ngay lúc ấy, Khánh đề nghị với chàng một cuộc phiêu lưu khác, chàng sẵn sàng hưởng ứng. Nhưng chính cái ý nghĩ sau cùng này lại khiến chàng có đủ sức đưa tay mở chiếc chìa khóa công tắc xe, làm cho máy nổ, và chiếc xe sẽ rung lên, làm Phúc tỉnh cơn mơ tưởng, lấy lại sự bình tĩnh điều khiển chiếc xe chạy.

Đêm trên những quãng đường ở ngoại ô vắng ngắt.

Khánh quay kính cửa xe xuống cho gió thổi lùa vào trong xe. Nàng nghĩ thấy mùi cỏ ướt và

mùi đất ẩm hai bên cánh đồng đầy trong không khí.

Phúc hỏi :

— Về Sài Gòn trở lại ?

Khánh nói :

— Đâu cũng được.

Phúc tư hỏi, chàng nên hiểu câu nói của Khánh như thế nào ? Chàng cho xe chạy thong thả trên đường. Nhưng phút chốc những ngọn đèn trong thành phố đã thấy hiện ra trước mũi xe.

Phúc cũng nhớ ra từ buổi chiều, từ lúc chàng nắm tay nàng đi trong khu vườn của quán ăn, chàng chưa tỏ một cử chỉ âu yếm nào đối với nàng.

Chàng liếc mắt nhìn Khánh.

Nàng ngồi ngả đầu ra phía sau nệm xe, vẻ mệt nhọc.

Phúc cho xe chạy chậm lại.

Chàng gọi :

— Khánh.

Nàng quay mặt lại. Phúc đã chờ sẵn, Khánh chỉ xoay người một chút môi nàng đã chạm vào môi chàng. Phúc hôn phớt trên môi Khánh. Khánh không nói gì. Nàng nhìn chàng qua cái ánh sáng chớp chờn của những đèn đường phía xa, của chính hai ngọn đèn của chiếc xe hai người đang đi hắt qua tấm kính xe vào.

Phúc cho xe chạy sát vào bên lề xa lộ.

Chàng nói :

— Ở lại đây một lát.

— Khánh vẫn chẳng nói gì. Nàng nhìn ra ngoài cửa xe. Dưới chân con dốc nhỏ, từ mặt lộ xuống khu ruộng bên dưới, thửa ruộng ngay chỗ Phúc đang ngừng xe đó, nước giống như một cái ao nhỏ, mặt nước gợn sóng, Khánh nhìn thấy ánh sáng xanh biếc của mặt trăng và những vì sao phản chiếu trên nếp nhăn nheo của những đợt sóng, trên những khoảng nước bằng phẳng, những đám cỏ đẫm những chiếc ngọn nhọn hoắt nhô ra khỏi mặt nước:

Phúc cũng quay sang phía Khánh, nhìn nàng, nhìn xuống cái mặt nước long lanh bên ngoài cửa xe. Chàng nhìn lại một lần nữa khuôn mặt Khánh kề sát bên cạnh.

Một cơn gió bắt từ dưới khu ruộng đẩy nước lên, đem theo mùi tanh nồng của cánh rừng đừa phía xa lại, làm Khánh rung mình.

Phúc bỗng nhìn thấy hai dòng nước mắt chảy tuôn trên má Khánh.

Những giọt nước mắt ấy phản chiếu với ánh trăng bên ngoài sáng long lanh.

Nhưng Khánh vội vàng chấm khô ngay những dòng nước mắt vừa chảy ra đó. Nàng mỉm cười với Phúc.

Phúc nhìn ra đằng trước mũi xe Đem bắt đầu có sương mù. Những ánh đèn chiếu thấp thoáng qua các tán cây, pha với cái ánh sáng vàng của lớp sương, biến thành màu xanh lục.

4

Khánh nhìn lại Phúc.

Nàng tưởng chừng như có thể nhìn thấy trên mặt chàng cái vẻ thất lạc, một nét nào đó từ bao lâu nàng không nhận thấy, nàng muốn kiểm soát xem có đúng như vậy chăng.

Khánh cúi đầu, buồn bã, nàng thèm được nằm duỗi ra trong chiếc lát.

Sự ao ước này khiến Khánh nhớ đến căn phòng lắp máy lạnh trong khách sạn sạch sẽ nơi mà trước đây, nàng đã thỉnh thoảng đến với Phúc. Căn phòng có những lớp rèm bằng vải nâu sẫm, che kín cửa sổ, làm cho ánh sáng chiếu lọt vào phía trong trông lúc nào cũng lơ mơ như sắp tối. Đứng từ chiếc cửa sổ phía trong,

vén một góc tấm màn che lên, người ta có thể nhìn thấy chiếc sân tròn của căn nhà kế cận, trồng đầy hoa.

Những bụi hoa trồng trong chậu, trong những chiếc bồn đồ đất, nhưng chắc là được trồng nom, chăm bón cẩn thận nên rất tươi tốt, trở đầy bông.

Trong căn phòng đó họ đã sống với nhau những ngày, những giờ sung sướng. Khánh đã bảo Phúc, mỗi khi trở lại đây chàng hãy lấy lại cái phòng cũ. Lần cuối cùng hai người ở lại đó là ngày người ta đang cho sửa chữa lại căn phòng kế cận, buổi trưa đang ngủ, Khánh bỗng thức dậy và nghe thấy tiếng búa đập trên tường kịch kịch. Đó cũng là những tiếng động duy nhất nàng có thể nghe được trong căn phòng bị kín để lắp máy lạnh.

Những tiếng động nghe thấy trong một căn phòng đóng kín, không khí được điều hòa, nghe tưởng chừng như trong một cơn mơ nào, không có vẻ gì thật cả, cái tiếng động dường như khuỷa trong ngực Khánh làm lúc thờ.

Khánh bao nhiêu ngày sau đó còn nghe thấy những cái tiếng khuỷa động ngu ngu đó vang vang trong trí tưởng. Cũng chính những tiếng động đó, còn sót lại trong óc nàng, giống như những hạt sạn, nhiều khi làm

Khánh nhớ đến Phúc, nhớ đến những giây phút ai oán, chàng với nàng đã sống với nhau, khua động cái phần sâu thẳm trong lòng nàng, khích động dục vọng, và một đôi khi, còn làm cho nàng tưởng như liếng đệp áo quan của ai chết đó, chính nàng chết, và nàng ớn lạnh khắp xương sống.

Khánh nhớ lại lúc này nàng có bảo với Phúc, đi đâu cũng được, câu nói đó dường như đã thoát ra từ tấm rèm rung rinh của căn phòng cũ, nàng đã nhiều lần nói với Phúc như vậy, khi hai người còn hoàn toàn tự do, câu nói chính là lời hứa hẹn, bốn cột dây vui sướng của cả nàng lẫn chàng, và đối với hai người, nó gần như có nghĩa là, chúng ta hãy trở về chốn cũ.

Dĩ nhiên Khánh muốn đi với chàng. Nhưng đó có phải là việc nên làm nữa chẳng, nàng còn có quyền làm như vậy nữa chẳng, và sau cùng họ còn quá ít thời giờ, dẫu sao cũng sắp đến lúc Phúc phải trở về nhà, chàng không thể ở lại với nàng như xưa nữa, dù chàng có cứ ở lại với nàng, liệu nàng có thể vui sướng với cảm tưởng biết rõ Phúc trốn Lãm ở lại với nàng?

Cũng may chính Phúc đã dừng lại ở chốn này. Chàng có nghe thấy chẳng lời nàng nói? Khánh nên hiểu sự quyết định

này của Phúc có nghĩa như thế nào ? Cho mãi tới bây giờ đây, thực tình mà nói, Khánh chẳng thể biết rõ cuộc tình của hai người rồi sẽ ảnh hưởng tới đời nàng ra sao, liệu nàng có đủ sức vượt qua, hoặc giả nó quá dễ dàng đến độ chẳng gây ra một vấn đề nào cả. Câu chuyện dang dở không dứt khoát, giống như tình cảm của hai người đối với nhau, xen trong sự tiếc thương, âu yếm có sự nhàm chán, trót nhá, cả hai người đã muốn tìm cách sửa chữa cái điều họ cho là sai hỏng, nhưng họ đã không tìm thấy.

Tới lúc Phúc lái xe đưa nàng về nhà, từ trên xe bước xuống, Khánh mang đầy lòng sự hối tiếc dường như nàng đã để lỡ cơ hội, tất cả những nỗi ám ảnh, buồn chán vẫn còn nguyên vẹn cả, nàng cúi đầu bước những bước nặng nề trên đường.

Khánh có cảm tưởng bầu trời đầy sương dề trên vai nàng quá nặng. Nàng muốn bước mau cho khỏi lằm mắt nhìn của Phúc. Chàng còn dừng lại đó làm chi không cho xe chạy ?

NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

ĐÀ PHÁT HÀNH

HẠNH-PHÚC CÓ THẬT

của HUY-LỤC

★ Thi phẩm giá trị của nhà thơ thời danh, in trên giấy croquis, nền hoa bướm.

○ Mọi giao-dịch : số 164/20 đường Hiền-Vương, Sài-gòn.

những bài thơ tình đẹp

Chốn biệt mù

Sáng mai khi về em có khóc ?
(vì nỗi buồn như một thói quen)
hai tay bưng mặt em nào thấy
những phố điu hiu nhạt bóng đèn

Sáng mai khi về em có nhớ ?
phố núi âm thầm mây bay ngang
phố núi chiều mưa anh trở lại
một đời như gió vẫn lang thang

Sáng mai thôi nhé giờ đưa tiễn
đôi mắt sầu em có dõi theo
những phương trời nhớ mù che khuất
những bóng đường xa núi tiếp đèo

Sáng mai say khướt anh nào biết
đời đã già trên nỗi nhớ nhung
bỗng quen cay đắng như hằng sống
nước mắt đâu em khóc nữa nữa ?

Nước mắt đâu em khóc già từ ?
với đời nay bỗng đã phiêu du
với ta cõi nhớ nào hoang vắng
như khói trời bay chốn biệt mù.

KIM-TUẤN

Và một bài thơ không vui

hãy tưởng tượng
một lần nào chúng ta trở về
ngồi trên thềm nhà cũ
thấy sương mù
đi trong những lũng sâu
và những ngọn thông nghìn năm đứng rét
lắng nghe ta nói một lời vĩnh biệt

hãy tưởng tượng
một lần nào
tay cầm lại bàn tay em
những ngón thơm
khoảng sáu trong chiếc bình hồn tôi đã rỗng
và nụ hôn ghi
biết dấu răng còn in trở lại
(ôi đời má tiết trinh)

hãy tưởng tượng
một lần nào
chúng ta nhìn thấy nhau
trong mắt già nua
giống như màu vàng của những quả cà chua đã thối
và lệ cất mười năm
thành rượu đắng trên môi nhẵn

hãy tưởng tượng
một lần nào
tôi hát
trở về mái nhà xưa
trong khung cửa gỗ

người thân của chúng ta đã qua đời
và em

cũng vừa hay mất kiếp

hãy tưởng tượng

.

ôi trí óc ta

hết như con bò

bởi chỉ nhớ ghi được những điều đã mất,

DU. TỬ LÊ

3-72

Tình cờ

gặp nhau xưa bởi tình cờ

hỏi thăm lá gió hoài mơ mộng này

yêu em tình cũng heo may

rừng xuân chim hót trong cây nắng vàng

trăm lời gần bó hân hoan

ngàn hoa đỏ xuống môi nàng say mê

tay yêu em mãi quên về

ngõ xuân mở bước chiều nghe tỏ tình.

THÁI TỬ HẠP

Đêm xưa

đêm xưa là đêm của ngàn sao

em xưa là dân bộ lạc nào

sông của biển, thác nguồn của núi

mây của trời, mộng của chiêm bao

đêm biển thành môi của nụ cười
 từ em về hát dưới rừng mai
 đuổi theo con bướm chơi ngoài nội
 in xuống lòng ai những dấu hài

ta biển thành cây quế giữa rừng
 từ ngày xuân thả lá sang dòng
 quên lời thần chú xưa em móm
 nên mấy thu rồi chẳng trở hồng

sông biển thành băng giá hết rồi
 từ khuya khoắt ấy rất xa xôi
 em đem trăng đến bên lầu hẹn
 thắm ướt tình ai chút ngậm ngùi

mây biển thành chim hót lẻ loi
 từ sương mưa rớt hột hiên ngoài
 hương trầm không đốt nên lòng lạnh
 đàn rồi dây tơ nuôi tình hoài

mộng biển thành hoa ngủ với người
 từ môi ngậm kín những ngày vui
 tay không nâng rượu mời nhau nữa
 đời chớm tàn phai những ngọt bùi

đêm hết là đêm của ngàn sao
 em chẳng còn em của thuở nào
 sông quên biển, thác nguồn quên núi
 mây của trời và, ta của ai ?

MUÔNG-MÁN

Lỡ chuyến xe chiều

Chờ xe, xe đã đi rồi
 Hoài công suốt buổi tôi ngồi dưới mưa
 Xe đi lặng lẽ không ngờ
 Bánh lăn chậm chậm cho vừa xót xa
 Mây trời lớp lớp bay qua
 Xe đi mỗi một thêm xa cách người
 Chiều tàn trên mỗi lá rơi
 Bên đường sương có một người trông theo
 Xe đi lay động bóng chiều
 Mang trong lòng rộng ít nhiều dáng xưa
 Chờ xe xe vẫn không chờ
 Đường dài khuất bóng mưa mờ không gian
 Mai trong cõi mộng điêu tàn
 Tiếc ngơ ngàn chuyến xe vàng chiều mưa.

HẠC-THÀNH HOA

Đường xa quê

tặng THÁI

Anh với ngày xưa theo lãnh du
 Minh em thấp nển tạnh sương mù
 Khói chiều hoang giạt hồn trên mái
 Bay chút hương ngàn tóc chớm thu

Còn độ mùa đông thuở áo phai
 Đường xa quê di vắng mơ dài
 Thuyền trôi tới ino phương trời mọc
 Bãi vắng tìm qua buổi gọi dò

Đâu những lời xanh mộng tiếng em
 Vườn mê rụng trái chín môi mềm
 Nhìn em cả nụ cười trăm hạt
 Trong cánh tay vòng chết muốn thêm

Như bước ta lằm trong tiếng mưa
 Buồn đem mắt mộng ngóng đôi bờ
 Đêm khuya về lại dòng sông cũ
 Thấy thoáng đèn loi ngọn hững hờ.

Huế 1-11-1971

NGUYỄN CHÍ KHAM

Cuối năm ở một tỉnh X
 sau cơn say, làm thơ tặng vợ con

Tháng chạp mùa này sao lằm gió
 Quê người đầy rượu cũng không vui
 Đêm nay ta ngủ quên ngoài phố
 Mơ thấy em đang đứng mỉm cười

Thời thế đẩy ta đi xa tít
 Ta cay cú lằm chữ vui gì
 Mộng con mộng lớn thi nhau vỡ
 Ta tỉnh ra đủ thấy đại khờ

Ta chưa là thằng bất đắc chí
Cũng bị đời quật ngã như điên
Nên đêm nằm mộng thường hay thấy
Có một chàng điên sắp xuống trần

Ta là một thằng hiền như bụt
Bây giờ sầu rượu em biết không
Uống quên thời thế, quên đời chó
Quên cả thân ta nhẹ như bông

Tháng chạp mùa này ta cũng nhớ
Vợ con ta xa quá là xa
Vợ con ta nhớ ta muốn chết
Vậy mà ta uống rượu tà tà

Mẹ kiếp, trời sinh chi thứ rượu
Những thằng rất nhớ lại mau quên
Rượu vô trời đất xoay tròn lăm
Thấy vợ con như trái banh lăn

Ta biết thằng ta vô tình lắm
Nhưng đời không rượu lấy gì vui
Vợ con chắc hiền lòng ta chứ
Hiền thì ta lại uống say chơi.
HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

William SAROYAN

vườn thạch lựu



WILLIAM SAROYAN (1908—) ra đời ở Fresno, California, Hoa-kỳ, năm 1908. Cha mẹ ông là người Armenian (1) di cư đến đó làm việc trong những nông trại. Tuổi thơ của ông lớn lên trong khó khăn nghèo khổ. Phải giả từ học đường từ năm 15 tuổi, Saroyan đã phải tự đi kiếm việc làm — những công việc chẳng ra đâu vào đâu. Suốt thời gian đó, ông đọc thật nhiều và bắt đầu viết. Không chịu một khuôn phép, một nguyên tắc nào, ông viết ra những cảm nghĩ tuôn tràn từ trái tim, không từ chối với vì truyện không có một cấu tạo nhất thiết và không theo một chiều hướng đặc biệt nào. Hầu như chỉ là những tản văn gây niềm vui, tạo xúc động, đem đến cho người đọc sự ưa thích mà họ chỉ cảm chứ không giải thích hay phê phán nổi.

(1) Dân xứ Ac-mê-ni, một nước xưa ở miền Tây Á, giữa Thổ-nhĩ-kỳ, Nga và Ba-tư. Từ 1936, phần ở phía Bắc, quá bán dân số, trở thành Cộng hòa Xô viết, thuộc Liên bang Xô viết.

Vào cuối thập niên 1930—1940 nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch bản của ông đã đưa ông lên địa vị một nhà văn lớn. Với kịch bản *The Time of Your Life*, ông được trao tặng giải thưởng Pulitzer 1940, nhưng ông từ khước.

Truyện ngắn của Saroyan hầu hết lấy kinh nghiệm từ xã hội người Armenian di cư sống quanh Fresno. Với lối hành văn giản dị, trôi chảy, nhân vật của ông thường là những người yêu đời, nhiệt tình; nhưng thỉnh thoảng, như trong chuyện *The Pomegranate Trees* sau đây, những nhân vật đáng yêu ấy đã bị tiêu mòn nhiệt tình bởi ảo mộng. Đây là một truyện in trong tuyển tập *"My Name is Aram"*, xuất bản năm 1937.

Chú Melik của tôi gần như là một nông dân dở hơi nhất, tệ hại nhất từ bao giờ đến bây giờ. Chú quá giàu tưởng tượng, quá giàu thì si tính đối với công việc của chú. Chú chuộng cái đẹp. Chú muốn trồng cây và ngắm cây lá trở mạnh. Chính tay tôi đã trồng hơn một trăm cây thạch lựu cho chú nơi này một năm về trước, vào thời ấu thơ xinh đẹp cũ của thơ mộng của tuổi thanh xuân trên đời. Tôi đã xir dụng máy kéo hiệu John Deere. Cả ông chú tôi nữa cũng thế. Ấy là nghệ thuật thuần túy, không phải là canh nông. Chú của tôi chỉ một mực chuộng quan niệm trồng cây và ngắm cây mọc.

Nhưng cây không mọc. Ấy là vì đất. Đất là đất sa mạc, quá cằn cỗi. Chú tôi đã xới cây sáu trăm tám mươi mẫu đất sa mạc chú mua và bảo bằng thứ ngôn ngữ thi vị của giống người Armenia mà ai cũng đã từng nghe: "Nơi đây trên thửa đất hoang vu khô cằn này, một khu vườn sẽ trở đầy hoa thơm,

những mạch giếng sẽ khơi dòng trên đất và từ đấy mọi điều tốt lành sẽ hiện hữu."

"Đúng thế, thưa chú," tôi nói.

Tôi là kẻ thân quyền đầu tiên và độc nhất được chiêm ngưỡng đất đất chú tôi mua. Chú biết trong bản chất tôi là một thi sĩ và chú tin rằng tôi có thể thấu hiểu động lực rực ngời nào đã đưa đến cho ông cơn phá sản huy hoàng. Và cho cả tôi nữa. Hai chú cháu đều nhận biết đất chú mua là đất miền sa mạc vô giá trị, xa lìa hẳn đời sống văn minh ở dưới chân núi Sierra Nevada. Nơi đó gồm đủ các loại cây cỏ hoang dại vùng sa mạc đã mọc lên từ vạt đất nứt nẻ. Nơi đó đầy đầy những chuột sóc, rắn, loại cóc có sừng và đủ các hình thái nhỏ nhặt hơn của cuộc sống. Bầu trời thì rợp bóng chim ưng, phượng hoàng và diều hâu. Nơi đó là vùng đất của hoang vu và trống trải, của sự thực và phàm hạnh. Nơi đó là thiên nhiên ở mức độ kiêu hãnh nhất, khô cằn nhất, đơn độc nhất và yêu kiều nhất.

Chú tôi và tôi bước xuống chiếc xe Ford giữa thửa đất và bắt đầu dạo quanh.

« Đất này đây », chú bảo, « là đất của ta ».

Chú bước thong dong, xúi mũi giày vào trong đất. Một con cóc có sừng bò nhanh trên mặt đất cạnh chân chú tôi. Chú bấu chặt lấy vai tôi, vẻ sợ sệt, khựng lại.

« Giống vật này là gì thế? », chú tôi hỏi.

« Một chú thần lùn nhỏ. » tôi nói.

« Con vật có sừng kia kia? »

« Cháu không chắc lắm, chúng cháu gọi là cóc sừng. »

Con cóc dừng lại cách chúng tôi khoảng ba thước và quay đầu lui.

Chú tôi nhìn xuống con vật nhỏ, hỏi:

« Nó có độc độc không? »

« Nếu ăn nó hay nếu nó cắn nhầm chú » tôi nói.

« Cả hai. »

« Cháu không nghĩ rằng thịt nó ngon. Cháu nghĩ nó vô hại. Cháu thường bắt chúng nhiều lắm. Coi bộ chúng ừ rừ khi bị nhốt nhưng không cắn bao giờ. Để cháu bắt con này nhé. »

« Ừ, ừ. »

Tôi rón rén bước tới, vỗ lấy con vật trong khi chú tôi chú mục, nhìn.

« Cần thận nào » chú bảo « cháu chắc cháu nó không độc đấy chứ? »

« Cháu vẫn bắt chúng hoài. »

Tôi nắm con cóc đưa cho chú. Ông cố gắng giấu vẻ sợ hãi.

« Một sinh vật nhỏ bé, xinh xắn, phải vậy không? » giọng chú run run.

« Chú có thích giữ lấy không? »

« Không không, cháu giữ lấy. Chú chưa bao giờ gần một sinh vật tương tự vậy như phút này. Nó có mắt. Chú đoán chắc rằng nó đang nhìn chúng ta. »

« Vâng, có lẽ thế, nó đang nhìn thẳng vào chú đấy. »

Chú tôi nhìn con cóc. Trong nửa phút, cả hai nhìn thẳng vào mắt nhau. Con cóc quay đầu về một bên và ngó xuống đất. Chú tôi thở một hơi dài nhẹ nhõm.

« Hàng ngàn con như vậy có thể giết chết một người không chừng. »

« Chúng chả bao giờ đi từng hàng. Chú khó có thể nhìn thấy hai con một lượt nữa là! »

« Một con lớn biết đâu lại chẳng có thể cắn chết một người. »

« Chúng không thể lớn hơn nữa, như vậy là lớn hết mức rồi. »

« Đối với một sinh vật nhỏ dường này, con mắt chúng có vẻ đáng sợ. Cháu có chắc là nó không đề tâm mỗi lần bị bắt? »

« Cháu tin chúng sẽ quên tất cả khi chú thả chúng xuống. »

« Cháu thực tình cho như vậy sao? »

«Cháu không nghĩ rằng chúng có trí nhớ tốt.»

Chú tôi nhìn thẳng về phía trước, thở dài :

«Hãy đặt sinh vật bé bỏng này xuống. Đừng tàn ác với những tạo vật ngây thơ vô tội của đáng sáng thế vạn năng. Nếu chúng không có nọc độc, không đi từng đàn từng lũ và không hề có trí nhớ. Hãy trả con vật nhút nhát về với đất. Chúng ta hãy gương nhẹ với những sinh vật nhỏ sống cùng trên mặt địa cầu như ta.

«Đúng thế, thưa chú.»

Tôi nói, và đặt con cóc xuống đất.

«Nào, hãy nhẹ nhàng» chú tôi bảo «để khỏi di hại đến những sinh vật sống trên mảnh đất của ta.»

Con cóc bò đi biệt dạng.

«Những con vật nhỏ này đã sống trên loại đất như vậy hằng thế kỷ đó chú.

«Hàng thế kỷ cơ à, cháu có chắc không?

«Cháu không chắc, nhưng cháu nghĩ thế. Dù sao đi nữa chúng nó vẫn còn tồn tại nơi đây.»

Chú tôi nhìn quanh, nhìn những bụi xương rồng và chồi hoang mọc bừa bãi trên đất, nhìn bầu trời cao trên đầu.

«Thế rồi suốt thời gian dài ấy chúng lấy gì mà ăn,» chú tôi la lên thành tiếng.

«Làm sao cháu biết được.

«Cháu xem thử chúng có thể ăn những gì nào?

«Còn trùng, cháu đoán thế.

«Còn trùng? loại gì?

«Những con bọ nhỏ hay tương tự thế. Cháu không rõ tên. Ngày mai đến trường cháu mới có thể tìm ra.»



Chúng tôi tiếp tục dạo quanh thửa đất khô. Khi ngang qua mấy cái hang nhỏ dưới đất, chú tôi dừng lại và hỏi :

«Cái gì ở dưới này?

«Chuột đấy chú.

«Chúng ra làm sao?

«Ồ, đó là một loại chuột, thuộc loài gặm nhấm.

«Thế rồi những giống vật này sẽ làm gì trên đất của ta đây?

«Chúng đâu có hiểu đây là đất của chú. Chúng sinh sống ở đây đã lâu lắm rồi mà.

«Chú không tin trước đây con cóc nhìn người ta bằng mắt.

«Cháu nghĩ khác.

«Cháu có cho rằng chú khiếp hãi nó hay bất hoặc gì gì đi nữa không?

«Cháu cũng chẳng rõ nữa.

«Nếu chú sợ?» chú tôi nói «Không, chú chẳng có ý bảo thế. Một ngày gần đây chú sẽ cất một ngôi nhà nhỏ nơi này.

«Ồ, đây mới là điều cháu không hề biết!

« Đã hẳn rồi ! Chú sẽ cất một ngôi nhà thực tráng lệ.

« Xa quá mất thôi !

« Từ thành phố đến đây chỉ mất một giờ đồng hồ thì có là bao.

« Với điều kiện là chú chạy xe 50 dặm 1 giờ.

« Đầu đến 50 dặm, chỉ 37 thôi mà.

« Được rồi, chú lại phải mất to; một ít thời giờ nữa vì đường gập ghềnh !

« Chú sẽ xây một ngôi nhà xinh nhất trần đời. Còn giống vật nào sống ở đây nữa nhỉ ?

« Còn khoảng ba hay bốn loại rắn.»

« Độc hay không độc ?

« Đa số không độc, tuy nhiên rắn khoang thì độc.

« Cháu định bảo nơi này có rắn khoang sao ?

« Đây là loại đất mà rắn khoang thường ở nhất.

« Độ bao nhiêu ?

« Tính từng mẫu một hay hết cả 680 mẫu ?

« Từng mẫu một.

« Vâng, cháu có thể nói độ 3 con rắn mỗi mẫu, ước tính một cách chính xác.

« Đến ba con mỗi mẫu ? Ước tính chính xác ? » Chú tôi là lớn.

« Cũng có thể chỉ hai con thôi.

« Thế toàn thể thừa để tôi có dịp bao nhiêu ?

« Để cháu xem nào... 2 con một mẫu, mà 680 mẫu vị chi khoảng 1.500 con.

« Chúa ơi ! đến 1.500 con ?

« Một mẫu lớn lắm mà chú. 2 con một mẫu đâu có nhiều. Chú khó mà thấy được thường.

« Còn gì độc nữa không ?

« Những thứ khác cháu không được rõ. Tất cả không nguy hiểm lắm đâu. Ngay cả rắn khoang đi nữa, cũng chẳng nguy hiểm gì trừ khi chú dẫm phải chúng

« Hay lắm ! nào cháu đi trước đi và nhìn phía trước cho kỹ nhé; Nếu cháu có thấy rắn khoang thì đừng dẫm lên nó. Chú không muốn cháu chết giữa tuổi 11 của cháu.

« Thưa chú, cháu sẽ cẩn thận »

Chúng tôi đi vòng lại và trở về chiếc xe Ford. Tôi không gặp chú rắn độc nào trên lối về. Chúng tôi leo lên xe và chú tôi đốt một điếu thuốc.

« Ta sẽ tạo dựng một hea viên trên đất hoang dã, nứt nẻ này. Ta hiểu vấn đề của ta là gì và ta biết làm sao để giải quyết, bằng cách nào để giải quyết.

« Bằng cách nào hở chú ?

« Cháu định hỏi về chuyện mấy con cóc ? hay là rắn ?

« Cháu hỏi những vấn đề !

« A, việc đầu tiên chú thực hiện là mướn một số người Mỹ tây-cơ và cho họ bắt tay vào việc.

« Việc gì ?

« Khai khẩn, dọn dẹp thửa đất. Sau đó chú sẽ bảo họ đào mạch nước.

« Đào ở đâu nổi ?

« Cứ đào thẳng xuống. Sau khi chúng ta có nước, chú sẽ cho họ cày đất và bắt đầu việc trồng trọt.

« Chú sẽ trồng gì ? lúa mì sao ?

« Lúa mì ? » chú tôi la lớn « Ta làm gì được với lúa mì cơ chứ. Bánh thì 5 xu một ổ. Không, chú sẽ trồng thạch lựu

« Giá cả thạch lựu ra sao ?

« Thạch lựu ? Thực tế thì chưa thông dụng ở xứ ta.

« Chú sẽ chỉ trồng toàn thạch lựu, không thôi sao ?

« Chú định trồng nhiều loại khác nữa.

« Cây đào nhé ?

«Ừ, khoảng 10 mẫu.

« Thế có trồng mận không ?

« Dù sao mận là một trái cây đẹp, hình dáng đẹp, hương lại thơm và hột thật là ngon. Minh sẽ trồng khoảng 20 mẫu.

« Cháu hy vọng người Mỹ sẽ đào được nước. Đất này thì chả biết được có nước hay không ?

« Tất nhiên là có rồi. Sự khởi đầu mới là quan trọng. Chú sẽ chỉ cho họ cách coi chừng rắn rít. Thạch lựu này, đào mận này, còn gì nữa ?

« Trái sung ?

« 30 mẫu sung.

« Còn dâu ? thật tuyệt vời.

« Dâu ư ? » chú tôi nói, đưa lưỡi liếm quanh môi « một loại cây thực thích mà chú biết rõ nơi quê cũ. Cháu định mấy mẫu ?

« Khoảng 10 mẫu.

« Được, còn gì nữa ?

« Ô-liu cũng thích đó chứ, phải không chú ?

«Ừ, đây là một trong các loại cây trái khá. Gì nữa ?

« Cháu không tin cây táo sẽ có thể mọc được trên loại đất như thế này.

« Không, chú chả ưa cây táo một mảy may. »

Chú tôi nhấn ga và cho xe chạy khỏi thửa đất cần cỗi đến một quãng đường cũng cần cỗi không kém. Chiếc xe vòng lên, thụt xuống chậm chạp. Mãi đến lúc ra đến đường cái chúng tôi mới có thể cho xe chạy với tốc độ nhanh hơn.

« Nhớ điều này » chú bảo « khi về đến nhà, tốt hơn hết cháu đừng kể chuyện gì về đồn điền này của chú với gia đình nhé.

« Thưa chú, vâng. » (Đồn điền ? tôi tự nghĩ, đồn điền nào mới được chứ ?)

« Chú muốn gây ngạc nhiên cho gia đình. Cháu đã hiểu bà nội ra sao rồi ! Chú sẽ tiếp tục kế hoạch của chú và khi mọi việc đã xong đầu vào đây, chú

sẽ đưa toàn thể gia đình đến. Tất cả sẽ được một phen tha hồ ngạc nhiên.

« Đúng thế, thưa chú.

« Không có ngôn ngữ nào ca tụng cho siết.

« Đúng thế, thưa chú».



Mọi sự sau đó tiến hành theo chương trình chú tôi đã vạch. Người Mẽ bắt tay vào việc khai khẩn vùng đất. Cả thầy bầy người, trong vòng hai tháng họ làm được khoảng mười mẫu đất. Họ làm việc bằng xẻng và cuốc. Họ không hiểu bất cứ điều gì về bất cứ cái gì. Với họ mọi việc đều quá xa lạ. Tuy nhiên họ không than phiền. Họ được trả công, ấy mới là điều quan hệ đáng kể. Họ là hai anh em ruột và các con. Một hôm họ, người anh cả Diego hỏi chú tôi một cách hết sức lễ độ : họ sẽ phải làm thêm những gì ?

« Señor » gã nói « xin tha lỗi cho tôi, tại sao chúng ta lại chặt mất những cây xương rồng ?

« Tôi sẽ cho trồng cây trên đất này.»

Đám người Mẽ hỏi Diego những gì chú tôi nói và Diego lặp lại cho họ nghe. Tất cả chỉ lẳng lặng làm tiếp công việc được giao phó vì họ biết thật chỉ mất công toi để khuyên chú tôi rằng : Không thể nào trồng trọt cây trái trong tình trạng như thế này.

Tuy nhiên xương rồng chỉ được cắt sạch một thời gian ngắn thôi. Vùng

đất đã dọn sạch sẽ lại được dịp mọc tràn những mầm chồi hoang tốt tươi và những chồi xương rồng non mọc.

Trước sự kiện này chú tôi ngạc nhiên thắc mắc lắm.

« Phải đào sâu xuống mới hồng nhô được. Chú phải cho đào chúng lên.»

Chú tôi bản tính vẫn dẽ này với Ryan, người chủ xưởng dụng cụ canh tác. Ryan bảo đừng quá bận tâm như thế. Điều phải kíp làm ngay là cho chạy máy và máy thì « chạy » được công việc của một năm trong một ngày.

Do đó chú tôi mua một máy kéo hiệu John Deere. Máy rất đẹp. Gã thợ máy của Ryan dạy Diego cách xử dụng và ngày hôm sau, khi chú tôi và tôi ra thăm đất, chúng tôi đã có thể thấy chiếc máy chạy ngoài thửa đất và chúng tôi đã có thể nghe tiếng động rầm rầm vang dội trong sự vắng lặng kinh khiếp của sa mạc. Âm thanh không khiếp quá. Quả đáng sợ. Ấy thế mà chú tôi cho là tuyệt diệu.

« Tiến bộ lắm ! Đây là thời đại tân tiến dành riêng cho thế hệ cháu đó. Mười ngàn năm về trước hằng trăm người làm việc trong một tuần chỉ bằng một chiếc máy thời nay mà thôi.

« Mười ngàn năm về trước ? Chú định bảo mười ngàn năm về trước hay mới vừa hôm qua ?

« Dù sao chẳng nữa, chẳng gì bằng những tiện nghi thời bây giờ.

« Máy kéo không phải là một tiện nghi.

« Thế thì là gì? Bộ người tài xế không ngồi sao ?

« Người ta không thề đứng mãi được.

« Bất cứ trường hợp nào người ta dành chỗ cho cháu ngồi. Ấy là tiện nghi đó. Cháu huyết gió được chứ?

« Vâng được. Chú ưa nghe loại nhạc nào ?

« Nhạc ? Chú chả ưa nghe loại nào hết. Chú muốn cháu huyết gió với anh chàng Mễ trên máy kéo.

« Để làm gì ?

« Không cần phải để làm gì ráo. Huyết gió đi, chú muốn hẳn ta biết chúng ta đang có mặt ở đây và rất hài lòng về việc hẳn làm. Hẳn có thể cày 20 mẫu chưa chừng.

« Đúng thế, thưa chú.»

Tôi đặt ngón trỏ và ngón giữa vào mồm, thổi hết sức tôi. Tiếng dội lớn và hay. Tuy nhiên dường như Diego không nghe. Gã ở xa tôi quá. Chúng tôi rào bước về phía gã, tôi không hiểu chú tôi muốn tôi huyết gió với gã làm gì.

« Huyết nữa đi cháu » chú tôi giục.

Tôi lại huyết. Diego vẫn chưa nghe.

« To lên xem nào.. chú lại giục.

Lần này tôi vận chuyển hết sức lực mà huyết. Và chú tôi bưng hai tai chú lại. Khuôn mặt tôi đỏ rừ. Lần này thì gã Mễ-tây-cơ đã nghe. Gã chạy chậm máy lại, quay tròn một vòng và bắt đầu cày thẳng về phía chúng tôi.

« Chú có muốn gã quay lui như thế này không ?

« Chẳng hề chi.

Chưa đầy một phút rưỡi chiếc máy và gã Mễ đã đến nơi. Gã tỏ vẻ thích thú lắm. Gã phủ bụi và đưa tay quạt mồ hôi trên mặt, nhảy xuống đất.

« Senôr, » gã nói « thật tuyệt diệu.»

« Anh thích công việc này tôi mừng lắm.

« Ông chủ có muốn đi thử một vòng không ?»

Chú tôi dùng đấng, nhìn tôi.

« Tiếp tục đi, nhảy lên: nào và chạy một vòng ».

Diego nhảy lên và đỡ tôi theo. Gã ngồi trên chiếc ghế bằng kim khí. Tôi đứng cạnh gã, bám lấy gã. Máy kéo bắt đầu lắc lư rồi nhảy cồm lên và bắt đầu chạy. Nó chuyển động nhanh và gây quá nhiều tiếng động. Gã Mễ lái một vòng lớn và lui về phía chú tôi. Tôi nhảy xuống.

« Tốt quá » Chú tôi nói với gã Mễ.

« Làm việc tiếp đi nhé »

Gã Mễ lái chiếc máy lại chỗ cũ đang cày dở.

Mãi đến bao nhiêu tháng sau đó chú tôi mới kiếm được nước. Chú đã cho đào giếng khắp nơi nhưng không được. Dĩ nhiên chú có máy bơm nước nhưng mạch nước vẫn chưa tìm ra được. Một chuyên viên về thủy cục tên Roy, gốc người ở Texas và hai em trai của ông bắt đầu quan sát mảnh đất. Họ hứa với chú tôi sẽ khơi được mạch nước

cho chú. Phải mất ba tháng trời mới có nước mà nước thì toàn bùn lại chẳng nhiều nhặn gì. Chuyên viên ấy bảo chú tôi rằng dần dần sẽ khá hơn và ông ta trở lại Texas.

Lúc đó một phần nửa thửa đất đã được dọn sạch và cấy xoi. Lại có nước nữa. Thế là đủ điều kiện để trồng trọt.

Chúng tôi trồng thạch lựu. Sản phẩm tốt nhất, rất đắt giá. Chúng tôi trồng khoảng 700 cây. Chính tay tôi đã trồng ngót 100 cây. Chú tôi trồng ít thôi. Chúng tôi có đến 20 mẫu dành riêng cho vườn thạch lựu, một vườn cây xoi xoi hẻo lánh trong một vùng đất lạ khó kiếm. Thật là một điều nực cười, mới nghe thì ngỡ đầu bách lăm. Và riêng phần chú tôi thì như đã điên lên. Cái khó khăn nan giải là tất cả vốn liếng tiền bạc đều hết sạch. Thay vì tiếp tục chương trình và cố gắng lập một đồn điền 680 mẫu đất, chú tôi quyết định dâng hiến trọn sinh lực và thời giờ, tiền bạc cho mỗi một vườn thạch lựu.

« Chỉ có hiện tại mới đáng kể. Cho đến lúc chúng ta bán ra được thực nhiều thạch lựu và thu lại đầy đủ số tiền vốn.

« Đúng thế, thưa chú.»

Tôi không đoan chắc nhưng tôi hiểu rằng chúng tôi sẽ không gặt hái được lứa trái cây tốt, đáng giá hoặc ngon lành nào đâu trong vòng ít nhất là 2 hay 3 năm. Nhưng tôi, tôi không nói gì cả. Chú tôi phá sản. Không còn tiền đâu mà trả cho nhân công người Mỹ nên chúng tôi tự chăm sóc lấy mảnh vườn.

Chúng tôi đã sở hữu chiếc máy kéo và quá nhiều đất, bởi thế nên thỉnh thoảng chúng tôi lại đưa máy lái ra vườn, vòng quanh cây nát xương rỗng và xới đất giữa những hàng cây. Tình trạng này tiếp tục trong ba năm liền.

«Một ngày nào đó không xa,» chú tôi nói «cháu sẽ được thấy một khu vườn cây trái xinh tươi nhất trên thế gian ở ngay giữa sa mạc này».

Tình trạng nước vẫn chưa tiến triển theo thời gian qua. Nhiều bận, trong thoáng chốc mạch nước đột ngột vỡ ra trôi theo một vài viên đá cuội, thế là chú tôi lấy làm hài lòng tột độ. Nhưng qua đến ngày hôm sau nước vẫn sền sệt bùn lầy như cũ y hệt một trò lừa bịp, một lối chơi khăm. Vườn thạch lựu phải chống chọi đứng cầm lăm mới sống còn được nhưng rồi vì chưa bao giờ được cung cấp nước đầy đủ nên chưa bao giờ đem bông kết trái.

Đến năm thứ tư thì hoa bắt đầu nở. Đối với chú tôi đó là thắng lợi lớn. Chú cuống cuống vì sung sướng.

Dù thế những cành hoa nở rộ, khoe sức sống tươi vẫn không đậu trái. Hoa mỹ miều biết bao nhưng chỉ vẫn là hoa mà thôi. Tim thắm và cô đơn.

Năm ấy chú tôi gặt mùa được 3 trái lựu nhỏ. Tôi ăn một, chú ăn một, trái còn lại chúng tôi giữ lại làm kỷ vật trong phòng làm việc của chú tôi.

Một năm nữa lại qua. Tôi đây 15 tuổi. Vô số niềm hoan hỉ, điều kỳ diệu xảy đến cho tôi. Ý tôi muốn nói rằng tôi đã đọc được một số sách truyện của nhiều tác giả hay và chiều cao của tôi đã xấp xỉ chú tôi. Mãi cho đến phút này đồn đồn của chú tôi vẫn còn được giữ bí mật. Chú đã tốn kém quá nhiều nhưng không người tin tưởng rằng thế nào chú cũng tung ra thị trường vô số thạch lựu quý hiếm và thế nào cũng thu lại được số vốn đã mất. Và vẫn một mực nuôi nấng, tiếp nối giấc mơ kiến tạo một hoa viên ở ngay giữa lòng sa mạc.

Vườn cây không mọc mạnh. Chúng uể oải lớn từng chút một, khó mà có thể nhận ra. Có một vài cây héo khô rồi chết.

«Tình trạng như vậy là trung bình» chú nói «hai mươi cây trong một mẫu là vừa phải. Bây giờ chúng ta chưa vội trồng các loại cây khác. Chúng ta sẽ có dịp trồng sau này».

Chú vẫn tiếp tục trả tiền đất.

Tiếp đến năm sau, vụ mùa đó chú hái được 200 trái thạch lựu. Hai chúng tôi cùng làm việc với nhau. Trông những trái thạch lựu mới thật là thiếu nỡ làm sao. Chúng tôi đóng chúng vào những chiếc hộp thật đẹp và chú tôi cho chở

đến một nhà sản xuất si ở Chicago. Tất cả 11 hộp.

Suốt một tháng trông ngóng chúng tôi chẳng nghe tăm hơi, tin tức gì của nhà sản xuất. Một đêm chú tôi gọi điện thoại liên tỉnh đến Chicago. Người sản xuất, ông Dagostino cho chú tôi biết chẳng có ai thích thạch lựu cả.

«Mỗi hộp ông trả bao nhiêu?» Chú tôi gào lên qua ống nghe.

«Một mỹ kim» Dagostino thét trở lại.

«Không đủ thiếu vào đâu hết» Chú tôi gào «phải 5 mỹ kim, tôi sẽ chẳng bớt 1 cắc nào cả».

«Một mỹ kim mỗi hộp người ta cũng chẳng chịu nữa là».

«Tại sao lại không chứ?» Chú tôi la lớn.

«Người ta không biết loại trái cây này là gì».

«Ông thuộc loại thương gia nào đấy?» chú tôi lại gào thét. «Đó là thạch lựu. Tôi muốn 5 mỹ kim mỗi hộp».

«Tôi không thể bán với giá đó» người sản xuất gào trở lại «Chính tôi đã ăn thử một quả. Tôi chẳng thấy nó ngon lành thứ gì».

«Ông điên rồi!» Chú tôi lại thét lớn «không có loại trái cây nào khác trên thế gian mà được như thạch lựu đâu, 5 mỹ kim mỗi hộp thực chưa đáng một nửa giá».

«Nhưng tôi sẽ làm gì với thứ ấy. Tôi không thể bán chúng. Tôi không muốn chúng».

« Thôi được rồi, tôi biết » Chú tôi
thều thào «Trà hết về cho tôi, chờ cấp
tốc về cho tôi.»

Chú tôi tốn mất 11 mỹ kim trả
tiền cho cuộc điện đàm hôm ấy.

Sau đó 11 hộp trái cây được trả về.

Chú tôi và tôi ăn một bữa thạch
lựu no nê



Qua năm sau, chú tôi không thể trả
tiền đất được nữa. Chú giao lại tất cả
mọi thứ giấy tờ, giao kèo lại cho kẻ đã
bán thửa đất cho chú. Tôi có mặt trong
phòng làm việc lúc ấy.

«Ông Griffith ạ» chú tôi nói «tôi
bước lòng phải trả lại ông gia sản cũ của
ông Nhưng tôi muốn xin ông một ân
huệ nhỏ. Tôi đã trồng 20 mẫu thạch lựu
trên đất này và ông hiểu tôi sẽ sung
sướng thích thú ngần nào nếu được ông
bằng lòng cho phép tôi chăm sóc riêng
vườn cây của tôi.

«Chăm sóc vườn cây?» ông Griffith
ôi «mà để làm gì mới được chứ?

Chú tôi cố sức để giải thích nhưng
không được gì. Thật quá dỗi vô ích
gắng gỏi mãi để giải thích cho kẻ thiếu
tình cảm.

Thế là chú tôi mất đất. Mất luôn
vườn trái cây.

Khoảng ba năm sau, chú tôi và tôi
lái xe đưa nhau về mảnh đất cũ, để
thăm vườn thạch lựu. Hầu hết đã héo
chết. Đất đai lại mọc đầy xương rồng,
chồi hoang. Ngoài khoảng đất trồng thạch
lựu ra, toàn vùng chẳng khác gì quang
cảnh thuở hồng hoang của lịch sử địa
cầu.

Chúng tôi dạo quanh vườn một lát
rồi trở về xe.

Hai chú cháu leo lên xe, chạy về
phía thành phố.

Chúng tôi không nói gì với nhau,
dù một lời, bởi lẽ quả thực có quá
nhiều điều để nói. Và chẳng có ngôn ngữ
nào mà diễn đạt cho xiết.

WILLIAM SAROYAN

HỒ-THỊ NGỌC-TRANG dịch



NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Lô Ô số 121 Chung cư Minh Mạng Sài Gòn-10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới :

● NÈO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất Hạnh

● 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY

của Tạ Tỵ

● VÔ MÔN QUAN

của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch

● ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA

của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh

● NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

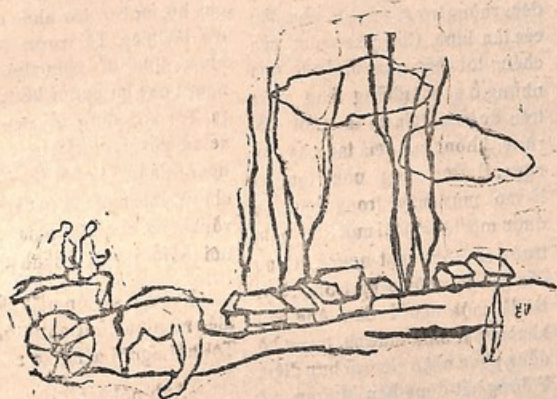
của Nhất Hạnh (tái bản lần VI)

● CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của Phan Huy Ích - Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gởi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ Thắng Tiết.

Slawomir MROZEK
trên đường đi



Slawomir MROZEK sinh tại Ba-lan năm 1930 và hiện sống tại Ba-lan. Dẫn đầu thế hệ mới của các nhà văn trẻ tuổi B.-lan, năm 26 tuổi, Slawomir Mrozek đã nổi danh lẫy lừng với vở kịch nhan đề Cảnh sát, xuất hiện ngay sau mùa « băng rã » tại đất nước ông.

Ông là một trong số những kịch tác gia tiên phong trong ngành kịch nghệ mới, thường được gọi là « Sân khấu Phi lý ».

Văn của S. Mrozek, ngoài tính chất hiện thực, còn có tính chất châm biếm tàn phá dữ dội. Tuy vậy, văn ông cũng không thiếu thi tính và những nét hấp dẫn kỳ diệu.

Năm 1969, nhà xuất bản Trình bày đã cho ấn hành bản dịch Con Voi (Diễm Châu dịch), thiên truyện đã đoạt Giải thưởng lớn của Tạp chí Văn hóa Ba-lan và Giải thưởng « Hải hươc Đen » của Pháp năm 1964.

Đoạn tác dưới đây được dịch từ bản Anh-ngữ, trích từ tập « 17 Short Stories from Everywhere » của Lee A. Jacobus.

QUA khỏi N. thì chúng tôi đi ngang những đồng cỏ bằng phẳng ẩm ướt, thỉnh thoảng có những đám ruộng trơ gốc rạ tựa như đầu các tân binh. Chiếc xe ngựa của chúng tôi chạy nhanh, lướt qua những ổ gà và những vũng nước trên đường. Phía xa là một dải rừng, không cao quá tai mấy con ngựa. Đường vắng như thường lệ vào mùa này trong năm. Đi được một lúc lâu tôi mới thấy phía trước có bóng một người. Càng đến gần tôi mới càng trông rõ y. Đó là một người đàn ông với khuôn mặt bình thường, trong bộ đồng phục nhân viên sở bưu điện. Y đứng bất động bên đường, và lúc chúng tôi đi ngang qua chỗ y, y nhìn chúng tôi một cách đứng đưng. Chúng tôi vừa đi khuất bóng y, thì lại nhìn thấy phía trước một người khác cũng mặc đồng phục tương tự, và cũng đứng bất động. Tôi quan sát y cẩn thận, nhưng chợt bóng một người thứ ba hiện ra, rồi một người thứ tư. Tất cả đều quay mặt ra đường lộ, mắt hết sức lạnh đậm, và y phục đều sần rách. Tôi bỗng dậy tính hiếu kỳ, liền đứng lên trên xe để nhìn qua vai anh xà ích cho rõ hơn. Rõ ràng — tôi lại thấy đằng xa một bóng người khác nữa. Qua thêm hai người, thì tính tò mò của tôi không còn kìm hãm được nữa. Tất cả những người đó đều đứng rất xa nhau nhưng có thể

thấy nhau từng hai người một, dáng điệu in hệt nhau, và chẳng quan tâm gì những người đi ngang qua họ, cứ trơ trơ như các cây trụ dây thép. Tôi rướn mắt lên nhìn; nhìn đi nhìn lại, cứ dứt người này lại người kế tiếp hiện ra. Tôi vừa định hỏi người đánh xe về mấy người la lùeng kia, thì người đánh xe chợt lấy chiếc roi chỉ về phía một người đang trước, rồi không quay lại phía tôi, chỉ nói : « Họ đang thi hành phận sự »

Lại một khuôn mặt bất động hiện ra, nhìn đứng đưng tôi trước. Tôi hỏi người đánh xe :

« Anh nói sao ? »

« Thì như tôi đã nói, có gì lạ đâu. Họ được chỉ định đứng đó thi hành nhiệm vụ. Chúng ta đi nhanh đi ! »

Người đánh xe lộ vẻ không muốn giải thích gì thêm, hay có lẽ anh ta nghĩ là không cần giải thích. Anh ta thúc ngựa chạy nhanh, thỉnh thoảng vung chiếc roi lên một cách máy móc không suy nghĩ. Những bụi cây bên đường, những miếu mộ, những cây liễu nhỏ hiện lên rồi vụt qua, đều đều giữa những thứ đó là những người mà giờ đây tôi nhìn đã quen mắt. Tôi cố hỏi người đánh xe :

« Họ thi hành nhiệm vụ gì vậy ? »

« Thế ông nghĩ là họ làm gì? Họ thi hành nhiệm vụ của chính quyền! Đó là đường dây điện tín đó!»

« Hà! , tôi kêu lên, « Đường dây điện tín thì phải có dây thép, có trụ chứ!»

Người đánh xe nhìn tôi rồi nhún vai. Anh ta nói:

« Thế thì đúng ông là một người khách lạ ở đây. Dĩ nhiên đường dây điện tín thường phải có dây thép và trụ. Nhưng đây là đường điện tín không dây. Trong kế hoạch thì thiết lập đường dây có dây, mà trụ dây bị đánh cắp mất cả, nên lại không còn dây.»

« Không còn dây?»

« Thì có gì lạ đâu. Đây, xem có dùng dây gì đâu. Chúng ta đi lên thôi!»

Tôi lặng thinh vì ngạc nhiên quá, nhưng không thể bỏ dở câu chuyện. Tôi lại hỏi:

« Nhưng làm sao lại như thế được, sao lại không dây?»

« Làm sao à? Thì người thứ nhất hét tiếng ám hiệu lên cho người thứ hai, người thứ hai cho người thứ ba, thứ ba cho thứ tư, và cứ hét như thế cho đến lúc ám hiệu về tới chỗ. Lúc này họ chưa có gì để truyền đi, nhưng nếu có, thì ông sẽ được nghe tận tai.»

« Điện tín kiểu đó mà được à?

« Tại sao lại không được? Dĩ nhiên phải được chứ. Chỉ hiềm là họ hay làm sai những lời của các điện tín. Nhất là nếu một người trong bọn họ say rượu. Họ sẽ thêm nhiều tiếng khác vào để đùa cợt. Điện tín vẫn theo cách đó truyền đi. Tuy vậy, trừ trường hợp đó ra, thì họ vẫn hơn điện tín có dây và có trụ. Ai cũng biết là con người sống động vẫn thông minh hơn bất cứ đồ vật gì chứ. Lại thêm gió bão không cản trở công việc, và tiết kiệm được trụ gỗ; ông cũng thấy đó, rừng ở xứ Ba-lan chúng tôi không nhiều gỗ lắm. Chỉ duy có điều là mùa đông, chó sói đôi khi xen vào phá việc. Mà thôi, chúng ta đi nhanh lên!»

Tôi hết sức lấy làm lạ, hỏi thêm:

« À, nhưng những người đó họ làm việc như thế có được sung sướng gì chăng?»

« Sao không? Việc có gì khó đâu? Chỉ cần là họ biết ngoại ngữ. Ông chủ sở bưu điện chúng tôi vừa đi Warsaw để nghiên cứu thêm. Những người này sẽ được phát cho những ống đồng dài, để khỏi phải hét bẽ phôi. Mà thôi, chúng ta đi lên!»

« Giả sử có một người bị điếc thì sao?»

« Đâu có dùng những người điếc hay cà lăm. Có một lần chọn phải một anh nói lắp, nhưng rồi

anh ta bị đuổi ra ngay vì làm
nghẽn đường truyền tin. Người
ta nói là ở chỗ cây số thứ hai
mươi đây kia, cái anh chàng
dừng đó từng học ở trường kịch
nghệ ra, anh ta hét rõ ràng lắm».

Tôi lại lắng thính, không
chú ý gì đến những người đứng
bên đường đó nữa. Chiếc xe ngựa
khập khênh qua đường trường,
tiến gần tới phía rừng.

Tôi dè dặt hỏi : « Hay lắm,
nhưng chẳng lẽ các ông không
muốn có đường điện tín với trụ
và đây sao ? »

Người đánh xe nhấn mạnh :

« Đầu được. Vả chăng, như
thế này, người trong vùng dễ
kiểm việc làm ở sở bưu điện.
Ngoài ra, trụ dây thép bằng người
lại có thể làm một cái gì khác
hơn, như khi một cái điện tín
quan trọng, không thể đánh sai,
thì người đánh điện tín sẽ đi xe
đến cây số mười hay mười lăm
gi đố, tặng cho mỗi người bên
đường kia một chút gì chẳng hạn.
Vâng, một đường điện tín không
dây thì hẳn phải khác xa với một
đường điện tín có dây. Tiến bộ
hơn chứ ! Mà thôi, chúng ta đi
nhanh lên thôi ! »

Chợt chúng tôi nghe một tiếng
gi như tiếng la yếu ớt vang lên,
ngoài tiếng bánh xe lăn ; tiếng la
như tiếng gió và tiếng hát xa xa.

Nghe tựa tựa như thế này :
Aaaaaaeaaauuaa...

Người đánh xe xoay nghiêng
người lại, vành tai lên nghe. Anh
ta nói :

« Đây, họ đang chuyển điện
tín. Chúng ta dừng lại sẽ nghe
rõ hơn. »

Tiếng bánh xe lăn đều dừng
lại, cả một vùng rộng yên lặng
thấm thẫm. Trong yên lặng bỗng
có tiếng vang vọng rõ ràng về
phía chúng tôi, một thứ tiếng nghe
như tiếng những con chim kêu
trong bụi cây. Người làm trụ dây
thép gần chúng tôi nhất liền khum
tay đặt lên lỗ tai. Người đánh xe
nói nhỏ nhỏ với tôi :

« Không bao lâu ta sẽ nghe
rõ. »

Quả nhiên tiếng « aa » cuối
cùng vừa dứt, thì từ phía sau một
khóm cây chúng tôi vừa đi qua
có tiếng vọng lại ngay :

« Chaaa chééét dääääm taaaang
vaáoó ngàääy thừưư sáááu ! »

Người đánh xe thở dài : « Cầu
Chúa siêu độ cho người cha kia »,
và anh ta quất ngựa cho xe chạy.
Lúc bấy giờ chúng tôi bắt đầu vào
biên rừng.

SLAWOMIR MROZEK
NGUYỄN KIM PHƯƠNG dịch

KINH DƯƠNG-VƯƠNG



Sinh hoạt

Viết cho sinh nhật đầu của Ưu
Đàm, con trai của bố mẹ.

(24 tháng Chạp Tân — Hợi 1971)

MÙA thu Cao nguyên chưa về hẳn. nhưng hơi thu đã thấy chớm trong những cơn gió gầy gầy lạnh, trên sắc lá những cây rừng ngả sang màu nâu nhạt. Một vài chiếc lá chín rụng xuống trên lớp cỏ may vãi hết bông, bắt đầu khô. Bầu trời xanh cao của mùa hạ chùng thấp xuống, mây trắng đầy trời : bay lang thang hay đùn lên sau những dãy núi xa phủ mờ mờ một làn sương khói mỏng.

Mặc dầu trời lạnh, buổi sáng đôi vợ chồng trẻ Mây và Lâm vẫn thức dậy sớm. trong khi bé Ưu Đàm, đứa con trai đầu lòng vẫn còn ngủ say trong chiếc nôi nhỏ đặt cạnh giường của hai người. Lâm hôn phớt lên má ấm của vợ, đánh thức nàng. Mây trở mình hé mắt nhìn, trông thấy chồng đang cúi xuống, nàng mỉm cười rồi nhắm lại, lần người qua nằm rón.

— Dậy thôi em. trời sáng rồi. Lâm thì thào vào tai vợ. Ngủ nướng xấu lắm.

Mắt vẫn còn nhắm, Mây lại mỉm cười, hai cánh tay giờ thẳng lên, Lâm cúi người xuống. Vòng tay Mây ôm quanh cổ chồng, Lâm nâng vợ dậy. Đó là trò chơi nhỏ nghịch ngợm, nũng nịu của Mây mỗi khi ngủ dậy.

— Cái cần trục của em. Mây vẫn gọi đùa chồng như vậy. Mỗi buổi sáng Mây đòi cho bằng được Lâm phải trục, nàng mới dậy. Và Lâm cũng cảm thấy sung sướng được tham dự vào cái trò chơi vô hại thân mật đó của nàng.

Mây đứng trước gương chải tóc. Lâm mở cửa lớn và cửa sổ. Bên ngoài sương mù bao phủ trắng xóa. Chìm trong màn sương mờ mờ, khi hiện ra, lúc biến mất, phong cảnh có cái vẻ huyền hoặc như diễn ra trong một giấc mơ êm. Hơi mát của một buổi sáng thu lùa những bụi sương bay vào nhà, Lâm ngừng mặt lên đón lấy tất cả bầu không khí trong sạch mát lạnh thiên nhiên vừa chia sẻ.

Lâm và Mây đứng tựa vào tường, chống tay lên thành cửa sổ, tầm mắt họ lướt đi chậm chậm. dừng lại từng lúc trên những tàng cây, mái nhà quen thuộc, nhưng dường như qua mỗi đêm, trong khi họ chìm sâu vào giấc ngủ không mộng mị, thiên nhiên đã lặng lẽ đổi khác và họ muốn tìm ra sự đổi thay đó. Lần nào cũng vậy, hoặc Lâm hoặc Mây, hay cả hai, khám phá ra cái điều hoàn toàn mới mẻ đó hôm qua chưa có.

— Sáng nay trời lạnh, phải không bố? Mây làm ra vẻ co ro, ngược lên nhìn chồng.

Lâm hiểu ngay đó là cái cớ để nàng nép sát thêm vào người Lâm, vòng một tay qua lưng ôm ngang hông chàng.

— Ừ lạnh ! Chiều ý vợ Lâm làm bộ hơi rùng mình, rồi cũng quàng tay qua vai kéo sát nàng lại. Được thế, Mây ngả đầu tựa trên vai chàng.

— Nhưng chưa thấm gì với cái lạnh ở Đà-lạt, anh nhỉ ?

— Ừ, Đà-lạt lạnh hơn nhiều.

— Em nhớ những sáng sớm hai đứa từ Yersin đồ dốc nhà thờ con gà, đi quanh bờ hồ Xuân Hương rồi lên chợ Hòa Bình ăn phở Tùng quá.

Lâm :

— Trời lạnh chỉ lạ, em nhỉ ? Thở ra khói, hai bàn tay ngon cứng đơ như que củi... Trên lông mi, trên tóc em sương sa bám trắng như có rắc phấn mỏng.

Mây nghiêng mắt lên nhìn chồng.

— Em chớp chớp mắt thấy ướt ướt như vừa mới khóc.

Vẫn tựa đầu lên vai Lâm, mắt nhìn ra trời sương, bất ngờ hai cánh tay Mây đổi chỗ, vòng ôm qua cổ Lâm tri xuống. Đang đứng co một chân Lâm vội vả để chân xuống, giữ lại thế. Mây cười khúc khích.

— Có con rồi mà còn nghịch. Chàng béo vào má vợ.

— Mới có 1 đứa mà. Mây cười cười.

— Chứ mấy đứa mới hết nghịch ?

— Một trăm.

— Á ! Nàng Âu Cơ. Lâm chế nhạo.

— Dạ ?

— Trời ! lại còn dạ. Lâm kêu lên. Rồi anh dắt con lên núi, em đem con xuống biển hả ?

— Không. Ở chung.

— Rồi lấy gì mà ăn ?

— Phá rừng làm rẫy.

Lâm :

— Ừ nhỉ... Anh không nghĩ ra. Nước mình có cả một dãy Trường Sơn mà.

— Hôm nay chắc trời nắng to, bố nhỉ ? Sáng nào sương mù xuống nhiều thì trưa đó trời nắng ghê lắm.

Lâm tán đồng bằng cách bóp nhẹ vào tay vợ.

— Đợt sương này mới xuống đó, bố 4. Mây lại nói. Lâm nhìn vợ.

— Rạng sáng, lúc con chó mực cái nhà bên cạnh qua bưởi thùng rác làm gà kêu, em chạy ra đuổi đã thấy sương xuống dày. Em đi một vòng thăm các chuồng gà, khi trở vào thì thấy sương đã tan. Tại sao sương xuống từng lúc vậy hả bố ?

— Trên trời có nhiều lớp sương, lớp này xuống hết rồi đến lớp khác.

— Thật không bố ? Máy hoài nghi.

— Thì anh cũng đoán mò !

Mây dậm chân nhè nhẹ làm nũng, khêu khêu mấy ngón tay lạnh vào cổ chồng.

— Đứng ! Lạnh anh, mẹ !

— U... u... Máy kêu nho nhỏ trong miệng như một con chó con ngậm vú da. Ai bảo anh xạo em. Em không chịu đâu.

— Mẹ trông cái cây bên góc nhà bác sĩ kia ! Lâm nói lắng. Mới qua một đêm mà lá rụng gần hết. Mới trước đây một tuần lá hãy còn xanh ròn.

Mây nhìn theo hướng mắt chồng.

— Cây rụng hết lá, trơ trụi, trông buồn quá hả, bố ? Mùa thu rồi. Ít lâu nữa thì các cây trong khuôn viên này sẽ trút hết lá. Giọng Mây bỗng trở nên ngậm ngùi khiến Lâm không khỏi tức cười.

— Có gì đâu mà giọng mẹ nghe lâm li quá vậy ? Lâm béo nhẹ vào má vợ. Thì lá già phải trút đi để nhường chỗ cho lộc non chứ ? Nếu lá già cứ đeo mãi trên cành thì làm sao có lúc mẹ reo mừng sự xuất hiện của lộc non ?

— Biết vậy mà sao em vẫn cứ thấy buồn buồn.

— Em đa cảm quá.

— Này bố, chỗ khu anhi ~~đẹp~~ sao mà sơ lại đến hết mấy cành trú đào li vậy ?

— Có lẽ cành già không trổ hoa nữa ?

— Cái gì già cũng bỏ hết sao, bố ? Em già bố có bỏ em không ?

— Có chứ.

Mây dẩy này :

— U !!! ?

Lâm cố lấy giọng nghiêm trang :

— Khi nào mẹ rụng hết răng mà bố vẫn như cậu trai hai mươi thì bố bỏ mẹ.

Mây thờ ra, lì mặt :

— Em hỏi thật mà anh cứ đùa.

— Anh có đùa đâu. Nói thật đấy chứ. Lâm bướng thêm. Lẽ nào trai tơ hơ hờ lại có vợ già khụ, lợm khộm bao giờ. Chàng cười lớn khiến Mây không nhìn được, cười theo.

Hai người nhìn xéo góc trại giải phỉu, nơi có con đường đất mòn dẫn ra khu bãi lao — họ vẫn đi dạo vào những buổi hoàng hôn rực rỡ. Sau cơn mưa, ở khoảng đất lồi, nước mưa đọng phản chiếu ánh chiều vàng lấp loáng như những mảnh gương màu mè mờ. Đêm trắng mặt đất khô sáng trắng lên giữa hai lẽ cô sẫm. Họ bước đi chậm chậm bên nhau, nhìn xuống hai bóng kẻ, nói vừa tai những niềm riêng, trong bầu không khí yên lặng của đêm, dưới một trời sao lấp lánh — màu lá xanh sẫm của hai cây ngô đồng cao, nhòa phẳng trong màn sương làm nền cho những cánh hoa phượng nở muện đỏ thắm. Xa hơn, phía sau hai cây ngô đồng là bức tường chắn khuôn viên bệnh viện sơn trắng, lát nữa đây khi nắng lên, màu vôi sáng sẽ nổi bật lên trên nền lá lục nhạt của đám dây hoa buồn ngủ đầy gai, bò phủ lên che khuất mất một góc bức tường. Sau bức tường là đoạn chốt con đường nhựa trong tỉnh được nối tiếp con lộ

đất đỏ đưa về Phi-Don, Kon-Robang, lên Phường Quý và trụ sở quận. Lũy tre làng To-ngia với những thân tre cao vút rậm vì vươn lên mờ mịt trong sương chận tầm mắt họ lại. Tuy nhiên họ có thể tưởng tượng thấy mà không sợ lầm lẫn, sau bờ tre kia là những ngôi nhà sàn dựng ven một thung lũng xuôi xuống bờ sông đất bồi của dòng Dakbla quanh năm cỏ ruộng lúa, rẫy bắp xanh tươi. Những mái chòi nghỉ trưa dựng chênh vênh, trông trải trên những mô đất cao — Tuần trước gia đình Mây và Lâm cùng một vài người bạn đã ra bờ sông ở chơi một ngày, ăn cơm nằm với rước kho thịt mỡ, bắp nướng và bắp luộc mua trong rẫy đồng bào Thượng—kể đến là dòng Dak-bla, lòng cạn nước chảy xiết. Bên kia sông là làng Phương-hòa với những vườn trái cây rộng. Làng trải dài theo quốc lộ 14 — đưa về miền duyên hải, chạy ven dãy trường sơn trùng điệp cao ngất, dày rừng cây cỏ thụ.

Khoảng đất khu cư xá nơi vợ chồng Lâm đang ở, cách đây vài năm còn là rừng, dân trong vùng có thể đến đó săn thú, bây giờ đã trở nên quang đãng. Trước nhà còn sót lại hai cây đứng cạnh lá sum sê. Những buổi trưa hai vợ chồng Lâm vẫn thường trải chiếu dưới gốc cây trong bóng râm nằm nghỉ. Hôm qua công chánh đến trồng trụ giằng dây điện đã mé đi các cành. Khoảng trời trước nhà mở ra trống trải trông thật trơ trẽn. Những cành lá gãy nằm la liệt chung quanh gốc cây chưa kịp kéo đi.

— Anh tiếc mấy cành cây đó quá. Lâm nhìn hai cây đứng băng khuỷu nói.

— Em cũng vậy. Ưổng ghê đi. Biết mấy năm mới có được những cành to như thế. Rồi đây hễ nhú lên cành nào họ lại chặt đi cành ấy... Ở các thành phố cũng thế nữa, há anh. Cây cối lần lần bị đốn đi cả. Năng chang chang không biết núp vào đâu. Sao người ta ghét cây cối thế bố nhỉ ?

— Anh đâu biết. Có lẽ vì tiện lợi nhất thôi. Trông cái cây bây giờ thâm quá. Lâm nói tiếp. Giống như một người bị cạo hết tóc, chặt cụt cả hai tay, còn đứng có một cái chân. Chẳng ra làm sao nữa.

— Anh nói nghe khiếp quá !

— Chứ không à ? Em nhìn mà xem. Lại có máu chảy nữa kia !

— Đâu anh ? Mây trở mắt ngạc nhiên.

— Thì mù đó! Lâm đưa tay chỉ lên chỗ các vết búa dẫn gãy lìa, mù nâu chảy xuống từng dòng nhem nhuốc trên lớp vỏ sần sùi.

— Mù chứ đâu phải máu, anh ? Mây nhìn lại chổng.

— Mù của cây thì cũng giống máu người ta vậy. Anh đã bảo giống như người bị chặt tay chân mà.

— À há ! từ nay hết có bóng mát cho tụi mình nằm ngủ rồi.

Lâm vẫn nhìn đăm đăm vào đồng lá cành. Ánh mắt chàng đưa chậm chậm từ gốc lên đến ngọn rồi dừng lại ở một cành khô nhỏ đâm xiên.

— Hôm qua có ba chiếc lá chín đỏ, Lâm nói, bây giờ đã có bốn.

— Đâu, bố ?

— Khóm lá chỗ gần vò lan Bạch ngọc kia !

— A ! Mây reo lên. Em thấy rồi. Màu lá chín đỏ ối, đẹp quá hả anh ? Có một chiếc lá bị sâu đục thủng.

— Mắt em tinh như mắt chim cú. Sao anh không trông thấy ?

— Dạ... chiếc lá to nhất, nằm khuất sau cái cành khô, có gân màu vàng nhạt đỏ. Mây quay lại. Bố thấy chưa ?

— Rồi. Ừ nhỉ. Giá nó còn giữ được màu đỏ thắm như thế mãi nhỉ ?

— Sao tất cả các chiếc lá khác còn xanh mà riêng bốn chiếc lá đó lại sớm già thế bố ?

— Anh đâu phải lá mà em hỏi ?

— Nhưng anh biết.

— Ai bảo mẹ thế ? À ! Chắc vì chúng sầu đời.

— Lá mà cũng biết buồn à ? Mây ngạc nhiên.

— Sao không ? Anh biết mà.

— Anh vẽ chuyện. Lá cây là loài vô tri, chúng không biết buồn.

— Mẹ nói như giảng bài. Ai bảo mẹ chúng vô tri ? Chúng đang nhìn mẹ cười kia !

Mây vò co rúm người lại :

— Anh nói làm em sợ quá. Đâu nào ?

— Thì đây ! Lâm thản nhiên. Bốn cặp mắt. Đấy, chúng chớp mắt, lại vẫy tay nữa. A ! Chúng khóc, có nước mắt,

— Bố xạo em. Gió rung thì có, vòi lại sương còn đọng.

— A... thì gió rung, sương đọng.

— Sao anh nói chúng vẫy tay khóc ?

— Thì gió thổi lá cây có sương đọng run lên, cũng giống như khi mẹ vẫy tay từ già bố và khóc như mưa.

— Hồi nào ? Mây béo nhẹ vào thịt Lâm. Giọng nàng chùng xuống. Cứ ngạo em. Em khóc.

— Á...a ! Lâm vò kêu lên. Hồi ở phi trường Phú-bài, mẹ về Qui-nhon anh ở lại Huế chứ hồi nào ?

— Sao bố thấy em khóc ?

— Anh đâu thấy em khóc, chỉ thấy nước mắt em chảy xuống ràn rụa trên má thôi.

Mây buồn :

— Anh cũng có khóc.

— Ừ... Anh có chối đi đâu !

— Lêu lêu...Mây nhón lên khều vào mũi Lâm. Ừ nhỉ, sao lúc đó em thấy thương bố quá.

— Thế còn bây giờ sao ? Lâm vội vàng hỏi.

Mây mở to đôi mắt long lanh âu yếm nhìn chồng, cười tinh nghịch :

— Hết rồi.

Nàng dò chừng nét mặt tiu nghỉu của Lâm rồi bất ngờ ôm ghi lấy đầu chồng, chu môi hôn lên trán chồng một cái rồi kêu :

— Em nói đùa mà. Em thương anh cho đến khi nào em chết mới thôi. Nếu

có linh hồn thật thì em còn tiếp tục thương anh trong đời sống linh hồn nữa. Vòng tay Lâm trên vai Mây được siết mạnh thêm. Lâm muốn ghi thân thể vợ sát vào người chàng, làm cho nàng

đau đớn.

Hai người đứng yên lặng bên nhau, nhìn về phía bốn chiếc lá chín đỏ cơn gió vừa thổi qua khiến chúng run lên.



Sau nhà, gà trong các chuồng đói bụng kêu vang.

— Anh đi cho gà ăn. Lâm nói vòng tay khỏi vai Mây.

— Em cũng đi khuấy bột cho con. Mây hồi hã nói. Sáng nào hai đứa cũng mất thì giờ đông dài.

Hai người cùng đi xuống lối nhà bếp.

Thấy bóng người, lũ gà rộ lên, thò đầu ra kêu oang oác, chạy tới lui rần rần trong chuồng.

Trong khi Lâm cho gà ăn. Mây đặt nồi bột gạo lúc lên bếp rồi lấy chổi quét nhà, quét sân, dọn phân gà. Cho gà ăn xong, Lâm ra vườn cắt một mớ dây khoai để ráo sương bỏ vào chuồng cho hai chú thỏ trắng. Chàng ra giếng múc nước tưới hai luống cải bẹ xanh mới lên xanh um, luống ngô để giống đang ra hoa lấm tấm màu tím nhạt. Khi Lâm trở vào nhà thì Mây cũng vừa bung lên một rá khoai luộc bốc hơi nghi ngút. Những củ khoai vỏ tím, ruột vàng nghệ nóng hổi. Dĩa muối vừng rang tỏa hương thơm phức béo ngậy. Hai người bắt đầu dùng bữa sáng.

Điểm tâm xong Lâm ra vườn làm việc.

Trước mặt chàng là khoảnh đất nhỏ, chàng đã trồng bắp mùa hạ qua. Chiều

hôm qua, Mây hái những trái bắp cuối cùng vào nấu chè và Lâm đã dọn ngã những thân cây lá khô vàng, gốc nằm khuất dưới lớp cỏ chỉ đan dày. Lâm sắp sửa cuốc đất lên vòng trồng khoai, đến cuối thu thì bới củ.

Những đám cỏ chỉ, cỏ mồng gà, tranh, hồ người gai, lần lượt bật lên dưới những nhát cuốc mạnh mẽ của Lâm. Chàng hơi lưỡng lự trước những bụi bông cỏ hồng tuyệt đẹp màu nhạt đi vì sương phủ. Trước đây, khi đàn bắp vừa trổ cò, đàn ong mật theo hương phấn tụy về hút nhụy. Lâm thường cùng vợ bế bé Ưu Đàm ra đứng ngắm những bông hoa cỏ nâng mai xuyên qua tòa làn ánh sáng hồng dịu dàng nổi hẳn lên trên nền tối sẫm của những lá bắp chen chúc màu lục đậm... Rải rác, chen lẫn trong đám hồ người, những bông cỏ đuôi chồn vàng sẫm mịn mượt như nhung rung rinh trong gió sớm mai... Nhưng rồi những nhát cuốc của Lâm lần lượt làm tung lên gốc rễ.

Những bụi đất nằm chồng chất lên nhau, luống đất dần dần thành hình.

Mặt trời đã lên quá ngọn cây, nhưng vẫn còn chìm sau màn sương mù dày, trông như một mặt trăng màu trắng bạc.

Lâm vừa làm việc vừa thở. Mỗi lần nhấc cao cuốc lên, chàng từ từ hít vào

thật sâu, khi bỏ nhất cuộc xuống cho lưỡi sắt cắm sâu vào mặt đất, Lâm thờ mạnh ra. Nhờ thế chàng duy trì được sức làm việc bền bỉ hơn dạo trước. Lâm vừa mới khám phá ra điều đó ít lâu nay : sự liên quan mật thiết giữa hơi thở và sức lực tiêu phí. Trước kia chàng chỉ cầm cuốc làm việc, cố sức đuổi theo công việc mà quên thở, nên Lâm chóng mệt và chàng phải nghỉ thật lâu mới lấy lại được sức.

Những nhất cuộc của Lâm tiếp tục bỏ xuống, từng mảng đất bám cỏ tươi bật lên, mặt đất im lìm mở ra một thế giới sinh động không ngờ của các giống côn trùng. Những ấu trùng da bóng loáng trắng đục màu sữa pha, đuôi xám sậm còn nằm khoanh dưới lớp đất ẩm nâu, những con trùng đen nháy bị lưỡi cuốc cắt đứt khúc, hai đoạn thân vẫn còn cử động. Những con còn sống sót vội vàng trồi lên hốt hoảng bỏ ngung ngoắc. Giống bọ hung đen sì hình thù dị hợm bò lù đù rồi thoát chốc vỗ cánh bay và lũ mối cánh vàng bị vỡ tổ, kiến đen đủ loại, kiến lửa, kiến cánh rớt rít cấp trảng tìm đường tẩu thoát... Vô số những sinh vật nhỏ li ti vô danh khác đủ mọi hình dáng, màu sắc bay lên tung tóe chung quanh chàng. Mặt đất trông như cảm lạnh kia, giờ đây hiện ra trước mắt chàng một thế giới hoàn toàn mới mẻ mà trước kia Lâm không hề biết tới. Thế giới đó chuyển đạt đến chàng thứ ngôn ngữ xa lạ nhưng vô cùng phong phú của nó làm cho chàng choáng ngợp, tạo ra mỗi xúc động sâu xa, bồi hồi một niềm ân hận.

— Tại sao trước kia ta vô tâm không biết đến điều đó chứ? Lâm tự hỏi. Thật đáng phàn nàn biết bao nếu trong đời

chàng không có lần được học hỏi ở mặt đất — một bậc thầy của sự sống — để biết rằng, con người và muôn loài đều do đất sinh sản, sống nhờ đất và khi chết đi thân xác lại được đất cứu mang. Lâm không sao tưởng tượng ra một đời sống mà ở đó không có mặt đất.

Mồ hôi rịn ra trên trán Lâm đọng thành hạt lấm tấm, chảy xuống từng dòng hai bên thái dương. Lâm ngừng việc, đưa tay áo lên quạt mồ hôi. Chàng chống cuốc tựa vào bụng, đưa mắt ngắm vòng đất vun cao lẫn lộn những cây cỏ tươi.

— Cỏ sẽ mọc thành phân và làm cho đất sộp, Lâm nghĩ. Khoai sẽ rất tốt củ. Mây tha hồ xắt phơi khô nấu chung với gạo, hay làm mứt trong dịp Tết đến.

Lâm nhô nước miếng vào lòng tay, xoa đều, cảm lấy cuốc ra làm việc một lúc nữa. Và khi xong vòng đất thứ hai chàng mới vào trong bóng mát của giàn dưa ngồi nghỉ. Ở đó, Mây đã đề sẵn một chai nước chín, lọc. Chàng rót nước ra cái bát sành, uống từng hớp lớn. Nước giếng mát ngọt lịm chạy đến đầu Lâm cảm biết đến đó. Uống xong chén nước Lâm cảm thấy lòng chàng mát rượi, con mệt tan đi tựa như uống thuốc tiên. Trên đầu Lâm, giàn dưa Tây lủng lẳng những quả chín, mập ụ, làn da căng rạn lạng lẩy màu vàng ruộm. Lâm thường thưởng hương thơm dịu ngọt quen thuộc của dưa chín phảng phất trộn lẫn cùng mùi đất mới vỡ, mùi cỏ nồng. Chàng phe phẩy chiếc nón lá quạt gió. Buổi tay Lâm bê một que tre khô gạt lớp đất dính dưới đế dép cao su. Những mảng đất sẫm nâu tươi đầy đậm chất rơi ra. Lâm

bóp một ít đất nát trong lòng tay, đất vụn ra thành những hạt nhỏ, mịn dẻo như bột nếp bánh in đã trộn đường.

Trong bụi cỏ gần đấy, bầy kiến đen đang vây lấy một con trùng. Chúng cố di chuyển con mồi về tổ trong khi con trùng vùng vẫy làm cho một số kiến vắng ra xa, nhưng chúng lại xông vào, những con mồi từ lỗ chui lên đến tiếp sức một cách hăm hở, nhất quyết không buông tha.

Thấy cái cảnh con trùng bị vây khốn, thoát tiền chàng muốn giải vây cho nó, nhưng rồi Lâm lại quyết định không can thiệp vào công việc của chúng. Vì lẽ sự can thiệp của chàng như thế, đối với lũ kiến kia chẳng hóa ra bất công sao? Nhưng nếu cái cảnh đó diễn ra giữa những con người thì chắc hẳn Lâm không giữ thái độ thụ động như thế được. chàng sẽ tiếp tay cho kẻ thế cô.

Trước mặt Lâm, trên đợt những ngọn cỏ tranh cao, dưới gốc một cây xoài gần bờ rào, hai con bướm màu lam, cánh mỏng manh đang bay lượn vờn nhau. Chúng bay dập dờn, đảo quanh, khi lên cao đến các cánh lá khi xuống thấp là là trên mặt đất. Bỗng một con bay vút lên tới tận ngọn cây xoài, khi bạn nó sắp sửa bay theo đến nơi thì bất ngờ, nó sà xuống lần mình trong đám lá cỏ mắt dạn. Con bướm lẻ bạn bay đảo vòng tìm bạn không thấy, sắp sửa bay đi thì từ dưới đám cỏ rậm bạn nó hồi hã bay theo đuổi giữ lại. Chúng lại bay song đôi, lên cao, lên cao mãi trên một đợt cây xa trở những chùm hoa vàng. Màu xám hai đôi

cánh sáng lấp lánh và rồi nhạt dần đi như tan ra trong màn sương mỏng mà ánh sáng trắng của mặt trời đã rọi qua. Trên nền trời, những khoảng mây màu ngọc bích đã lộ ra đây đó. Cảnh vật bừng lên dưới ánh sáng rực rỡ.

Khu đất chỉ cách nhà mười bước chân, trong khi làm việc, thỉnh thoảng nhìn lên Lâm có thể trông thấy bóng vợ thấp thoáng sau đám lá mi xanh rợp, khi nàng từ nhà bếp đi ra sân nước. Mây cũng trông thấy chồng, hai người nhìn nhau trao đổi một nụ hôn gò.

Từ ngày sinh đứa con đầu lòng, Mây đã gầy hẳn đi. Những áo quần trước kia khi mới lấy nhau Mây mặc căng chật, nay đã trở nên rộng thùng thình như mặc khính. Máu huyết nàng, một phần sinh lực của nàng đã san sẻ cho con. Phần khác, sau khi sinh, vì tình trạng kinh tế gia đình eo hẹp nàng không được ăn uống bồi dưỡng. Với số lương khiêm tốn của nàng hàng tháng vừa nuôi con, vừa nuôi chồng thất nghiệp, cùng với bao chi tiêu khác nữa, nàng không thể làm cho bữa ăn của gia đình có đủ số lượng dinh dưỡng cần thiết tối thiểu cho sức khoẻ của hai vợ chồng. Bữa cơm, ngoài những món rau đậu thông thường, thỉnh thoảng vào đầu tháng, cả hai vợ chồng mới có thêm đĩa thịt ba chỉ hay đĩa cá biển kho. Bé Ưu Đầm ra đời, công việc nhà bẽ bộn thêm. Sinh con so mà năm nơi chưa được nửa tháng Mây đã phải ngồi dậy, làm việc. Năm một chỗ thấy chồng làm công việc bếp núc nàng không nỡ... Vừa làm việc sở vừa phải chu toàn mọi việc nhà làm kh

Mây mệt, đến bữa cơm không còn ăn được nữa. Tuy vậy, Mây hiểu rằng, sự đảm đang của nàng là một hy sinh cần thiết, cho Lâm có đủ thời giờ và tâm trí để vào việc sáng tác của chàng. Sự mệt nhọc của nàng luôn luôn có chen lẫn nỗi cảm động sung sướng và chút niềm kiêu hãnh, mỗi khi Mây thấy chồng hoàn thành một tác phẩm. Lâm hôn lên má nàng nồng nàn lời cảm ơn, Mây nhìn chồng, mắt nàng biểu lộ tất cả lòng thương yêu triu mến. Nàng gục đầu vào ngực chồng và những giọt nước mắt của hạnh phúc ấm nóng trào ra... Không phải là họ đã không gặp những nghịch cảnh trong cuộc sống lứa đôi, tuy nhiên trong sự thiếu thốn về vật chất, cả hai tìm thấy ở nhau và nhất là ở bé Ưu Đàm, con trai đầu lòng của hai người một bù đắp tinh thần lớn lao, khiến cho mọi trở ngại đối với họ hóa thành những động lực ràng buộc họ chặt chẽ thêm.

Lâm nghe đau nhói ở mắt cá chân, chàng nhìn xuống thấy một chú kiến lửa đang cong đuôi cắn vào da chàng, Lâm cung ngón tay búng văng đi, gãi khoảng da ngứa đỏ rần, sưng lên một mẩn nhỏ. Lâm rót lưng chén nước uống thêm rồi trở lại với công việc.

Lúc mặt trời lên quá hai sào, Lâm lên xong vòng đất thứ ba. Người Lâm nóng bừng, mồ hôi thấm ướt cả hai lần áo. Chàng đứng yên ngắm kết quả sức lao động mình một cách hài lòng, lắng nghe thứ cảm giác buồn buồn của những dòng mồ hôi chảy dọc xuống trên thân thể.

— Bố ơi! Các cu cu ra thăm bố làm rầy nè. Mây ra từ lúc nào, bé bé Ưu Đàm đứng dưới giàn dưa gọi chồng. Bé Ưu Đàm sinh năm Canh Tuất nên hai vợ chồng gọi tên là Cu Tuất. Ông nội diễn nôm thành Cu chó, còn dì Bích Liên thích gọi là Chó con. Chó con còn có một tên khác gọi những khi âu yếm: Cúc cu cu. Ưu Đàm không quen với những tên kia, nhưng hề mỗi lần nghe gọi Cúc cu cu là nhìn lên cười toe toét, nên hai vợ chồng vẫn thường gọi con họ như vậy.

Lâm ngược lên nhìn vợ con cười.

— Thôi bố nghỉ tay một chút đi, vào đây chơi với mẹ con em, đi bố. Mây nói với chồng nhưng nàng nhìn vào mặt con.

— Bố vào đi! Mây giúp. Cúc cu cu đợi bố đây này. Nàng nâng tay con lên, nói:

— Vẫy bố đi con, nào, chóng ngoan, vẫy... vẫy... Nàng đưa bàn tay nhỏ xíu của bé Đàm lên xuống.

Lâm dựng cuốc vào gốc cây tiến về phía vợ con, mắt vẫn không rời hai người thân yêu.

— Cúc cu cu! Chàng lên tiếng gọi. Chưa thấy người nhưng nghe tiếng quen Ưu Đàm đã nhoeo miệng cười, đôi mắt tròn đen láy nhìn tìm dấu dắc.

— Các cu cu! Lâm lại gọi, đứng xa xa vỗ tay mấy tiếng, đoạn tiếp tục đi tới.

— Này con! Kìa! Bố kìa! Mây lắc lắc cánh tay Ưu Đàm chỉ về phía chồng.

Khi Lâm còn cách mấy bước thì Ưu Đàm quay lại. Nhận ra người quen thân, nụ cười hết miệng nở rộng, đôi mắt bị chói nắng hấp háy, cổ chống lại để duy trì tia nhìn. Hai chiếc răng sữa trắng tươi mọc ở hàm dưới giống hai nửa hạt com, nhỏ nhắn gắn trên chiếc lợi nhẵn hồng. Nụ cười tươi tắn nở trên môi bé không ngớt cho đến lúc Lâm đến gần. Chẳng hơi rùn người xuống ghéech mặt lên nựng con :

— Ô ! Cúc cu cu ! Cúc cu cu ! Con trai của bố mẹ ! Cúc cu cu ! Đứa nào là con trai của bố mẹ đâu ? Hà ? Cúc cu cu ! Đứa nào ?

Lâm hôn như mưa lên hai má con, vùi mặt vào ngực vào cổ con hít lấy hít để cái mùi thơm tuyệt diệu của da thịt trẻ thơ. Chẳng cả mép râu lún phún lên đôi má phính căng rạn, hiện mờ mờ những chỉ máu đỏ hồng dưới làn da sữa mông. Bị buồn, Ưu Đàm cười lên như nắc nẻ

những tràng cười giòn tan. Lâm đứng xè ra, nhìn gương mặt tươi tắn rạng rỡ của con chàng như một bông hoa mới nở mà bao nhiêu nỗi mệt nhọc tiêu tán đi như bóng tối gặp ánh sáng, như bệnh gặp thần dược.

— Em ơi ! Lâm gọi vợ đẩy xúc động Mây ngược lên nhìn chồng chờ đợi.

— Ô ! gương mặt con như một kỳ quan ! Lâm tiếp lời. Một kỳ quan tuyệt hảo không kỳ quan nào sánh kịp. Giọng Lâm rào rạt một mối cảm xúc sâu xa và chan chứa một tình yêu bao la đầm thắm. Đôi mắt chàng nhìn con như uống lấy gương mặt con. Đôi mắt Mây nhìn chồng, nhìn con âu yếm nồng nàn như muốn uống lấy gương mặt hai người thân yêu.. Trong giây phút đó, thế giới quả đã thu hẹp lại, chỉ còn có ba người, ở một góc vườn : hai-vợ-chồng-đứa-con và một niềm hạnh phúc tràn trề như nước vỡ.

Ưu Đàm có một đức tính đặc biệt : luôn luôn tươi cười với tất cả mọi người một cách hồn hậu. Không lúc nào em làm cho người gặp gỡ em phải thất vọng về điều đó. Hóa nên cụ cười của em đối với Lâm và Mây trở thành một biểu tượng của niềm vui không thể thiếu vắng. Nhưng tuần lễ đầu tháng thứ năm bỗng nhiên bé ốm đau, đi tuốt. Từ ngày sinh, đó là lần đầu tiên bé bị đau nên cả hai vợ chồng Lâm cuống quýt.

Nụ cười tươi trên môi em biến mất, hai khoé môi nằm ngang phẳng lặng, cặp má phính không còn trông thấy những gân máu hồng, đôi mắt bé lẳng trằm như một mặt hồ in bóng màu mây xám của trời thu. Cả gương mặt bé chìm trong một nỗi buồn vơi vơi.

Suốt một tuần lễ, trong nhà không còn vang lên tiếng bé cười, bé nói ề ề. Cả Lâm và Mây cũng không ai buồn nói

chuyện nữa. Lâm cố đùa, làm trò chơi cho con vui, nhưng bé phải cố gắng lắm mới nhếch được hai khoé môi trong một nụ cười gượng gạo. Có khi môi vừa nhếch lên bé đã vội quay mặt đi, nằm úp vào vai mẹ, khóc nho nhỏ.

— Tội nghiệp con mẹ ! Tội nghiệp con trai của bố mẹ. Mày áp má vào đầu con âu yếm nói. Con của bố mẹ thích cười lắm hả con, nhưng con đau nên con cười không được. Nước mắt Mây chảy dài xuống má xanh — nàng thức trắng mấy đêm rồi — Mây vỗ nhẹ nhẹ lên lưng con :

— Thôi con mẹ nằm nghỉ, nhé. Mẹ ru con nhé. Con trai cưng của bố mẹ. Bố đừng chọc con nữa, nghe bố ! Bố để con trai nằm nghỉ, ‘À ơi... Cái cò cái vạc cái nông...’.

Trong tình yêu thương của hai người dành cho bé Ưu Đàm, ở Mây có sự ràng buộc thấm thiết, có nhuộm màu tôn giáo, như của một tín đồ sùng đạo đối với bậc giáo chủ, hơn thế nữa, có một vẻ thiêng liêng. Nàng hồn nhiên gần liền sinh mệnh mình với sinh mệnh của con. Lâm không có được điều đó.

Có những đêm, sau một giấc ngủ say, giật mình tỉnh dậy Lâm vẫn thấy Mây còn nằm nghiêng chống tay cúi xuống nhìn con đang thiếp ngủ. Dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn chong, gương mặt bé nhuộm vẻ mệt mỏi nhưng bình thản. Thấy con ngủ yên Lâm kéo vợ nằm xuống bên mình :

— Mẹ chớp mắt một chút đi, để anh thức trông chừng con thay mẹ.

Mây vui mặt vào ngực chồng thỏ thẻ :

— Tội nghiệp con quá, anh ơi ! Mấy ngày nay không thấy con vui như mọi bữa. Chắc con đau nhiều lắm hả anh ? Thường ngày con hay cười lắm mà. Em sợ... Em sợ con... quá, anh ơi !

Lâm kéo sát đầu vợ, áp má chàng gương mặt đầm nước mắt của nàng, vuốt nhẹ lên tóc nàng :

— Thôi em, đừng nghĩ quấy. Con đau thường mà, bác sĩ đã bảo, em phải tin lời bác sĩ chứ. Mẹ ngủ đi, chóng ngoan. Bố thức thay mẹ, nhé. Nào ngủ, đừng khóc nữa.

Quá mệt mỏi, Mây vừa nhắm mắt đã thiếp mê trong giấc ngủ say. Nằm yên lắng nghe hơi thở đều hòa của vợ, nhìn đắm đắm gương mặt ngây thơ và hơi thở yếu đuối mỏng manh của con, Lâm thấy lòng mình co thắt những nỗi âu lo. Tuy là an ủi vợ như vậy nhưng Lâm cũng không kìm hãm tâm trí chàng khỏi nghĩ đến những điều xằng gở. Nếu vì một cơ nào đó bệnh con chàng không hết và cái điều khủng khiếp — mà vợ chồng Lâm chỉ nghĩ, không dám thốt nên lời kia — xảy ra. Việc đó quả thật là một nỗi bất hạnh lớn lao khôn lường, tin ngay tận thể của loài người sắp đến cũng không làm vợ chồng Lâm kinh hoàng cho bằng... Lúc ấy sự đau đớn cùng cực sẽ khiến đời sống của chàng và Mây trở thành như thế nào ? — Con trai chàng sẽ vĩnh viễn rời bỏ cõi thế ! Ôi ! chỉ nghĩ đến điều đó thôi mà Lâm cảm thấy như cả vũ trụ này phút chốc bị chôn vùi trong đêm tối hãi hùng.

— Ôi ! con trai của bố mẹ ! Thốt nhiên Lâm kêu lên, cúi xuống hôn lên trán phẳng hăm hắp của con. Một dòng nước mắt trong cơn xúc động không kìm hãm rớt xuống trên má Ưu Đàm. Lâm lấy khăn thấm lên má con, lau khô nước mắt chàng.

— Con trai của bố mẹ chớ ng mạnh, nhé. Lâm vuốt xuôi làn tóc tơ mượt trên đầu con. Bố mẹ thương yêu con, lo lắng cho con biết chừng nào. Con ở mãi với bố mẹ cho đến lúc bố mẹ già, nhé.

Một buổi sáng mấy hôm sau, trong lúc Lâm đang sửa lại bức tranh vẽ dở, bỗng nghe tiếng Mây gọi giăt giọng :

— Anh ơi ! Anh ơi ! Mau lên ! Con ...

Lâm vất cọ, chạy vào :

— Trời ơi ! Con... Con làm sao ? Trong lúc vội vàng Lâm đá tung, vấp ngã trên mấy món đồ. Chàng đến nơi.

— Con mọc răng, bố ơi ! Mây ngàng lên reo vui. Đây này, bố xem. Con hết nóng rồi. Nàng áp má lên trán con. Ô ! Mát rười rượi. Đây, nàng kéo Lâm ngồi xuống, anh áp má vào trán con mà xem.

○ Lâm làm theo lời vợ.

— Em nghe con thức, vội chạy vào vén màn, trông thấy em, con cười. Anh ơi ! Bố ơi ! Mây ôm choàng lấy chồng. Con đã cười rồi. Con hết đau rồi. Con mọc răng, anh ơi ! Sung sướng quá, em sung sướng quá. Nước mắt Mây chảy ràn rụa không kịp chùi khiến mặt nàng

lấm lấm. Nàng hôn chồng rồi vội cúi xuống bế con lên.

— Ô ! Ô ! Con bố mẹ ngoan chưa ? Ngoan lắm. Nàng tự trả lời. Con bố mẹ hết đau rồi. Nàng chu môi hôn lên má, lên trán con, nói liên hồi như chim hót vui.

— Ô ! Cúc cu cu của bố mẹ, Cu chó của ông bà nội, Chó con của dì Liên. Cúc cu cu đã mạnh. Ô ! Bố mẹ "xương" con... "xương" co..òn...

Trước nỗi vui mừng tíu tít của vợ, Lâm chỉ đứng yên tận hưởng. Phần khác, đề dẫn cơn xúc động lúc bị Mây gọi giăt đã làm cho tim chàng đập như muốn vỡ. Chàng quàng tay qua vai Mây ôm luôn cả bờ vai nhỏ của con. Ưu Đàm thấy mẹ lẳng xẵng lít xít, miệng nói liên hồi, không hiểu gì chỉ mở to mắt hết nhìn mẹ đến nhìn bố, miệng cười chum chim. Mây ấn một ngón tay vào chiếc cằm lẹm của bé lay nhẹ nhẹ, nụ cười nở ra trên môi em rạng rỡ ! Ở lẹi, hăm dưới của bé, vợ chồng chàng cùng nhận ra màu trắng đục, nhờ nhờ của hai chiếc răng sữa mới nhú. Mây nước lên nhìn chồng bắt gặp tia mắt dịu dàng của Lâm đang nhìn nàng. Nụ cười nở ra trên đôi môi khô của nàng vừa ửng lên sắc hồng. Thấy mẹ cười, Ưu Đàm cũng cười theo, ghé miệng cắn lên môi mẹ.

Ôi ! nụ cười của con chàng, vắng bóng từ suốt một tuần, đôi môi như một bông hoa héo úa, nay đã nở, thắm tươi trở lại ! Ôi ! Từ suốt một tuần nay, cùng với gương mặt buồn bã của con, trái tim

của bố mẹ có một lớp bóng tối che phủ. Hôm nay nụ cười của con đã trở lại, nụ cười của con là ánh sáng rực rỡ nhất đã xua đuổi lớp bóng tối buồn thảm trong tim của bố mẹ đi. Nụ cười của con đã làm cho trái tim của bố mẹ như được hồi sinh, đề cùng với nụ cười con, sáng chói như một mặt trời mới.

— Anh nghĩ gì đó ? Đi anh ! Đi ! Cho con ra nhà ngoài.

Mây bế bé Ưu Đàm đi trước, một tay nắm lấy vạt áo kéo Lâm theo.

Cả ba người đứng trước cửa sổ mở. Bên ngoài nắng mai đã lên. Nắng lùa vàng trải rực rỡ trên lớp cỏ giữa mùa xuân.

— Nắng lên rồi kia ! Con. Mây đưa tay chỉ. Nắng vàng đẹp quá ! Mẹ

lấy cho con một chút nắng, nhé ! Mây vò tay ra, mấy ngón tay cử động như chụp bắt trong không, rồi nắm lại đem dúi vào lòng bé Ưu Đàm. Nàng hát một câu hát ngân. «Bạn đường ơi ! Nắng lên rồi ! Gieo sáng ngời!». Vừa hát nàng vừa nhón gót đưa bé Ưu Đàm lên cao hơn. Ưu Đàm miệng không ngớt cười, đưa một tay vẫy vẫy lên xuống, tựa diềm nhíp.

Một tia nắng lọt qua cửa sổ chiếu sáng mái tóc Mây còn rối chưa kịp chải. phản chiếu lên một bên má con nàng. Lâm đứng yên bên vịn con nghe niềm sung sướng từ từ dâng lên trong lòng cho đến lúc những giọt nước mắt lăn dài trên má. Mây ngàng lên trông thấy. Không che giấu, Lâm cúi xuống hôn vịn rồi hôn con.

Và rồi, tuần lễ buồn thảm qua đi.



Ưu Đàm một tay vịn cổ Mây, một tay giang ra, ngả hẳn người về phía Lâm đòi bế, miệng ê...a...a... phát ra mấy tiếng đầu lòng. Lâm cúi hai tay lăm lăm vào áo, giữ hờ lấy người con, cúi xuống hôn lên bàn tay hồng nhò nhắn của bé.

— Không được, con ! Không được đâu Cúc cu cu ơi, người bố bần lâm, đây cả đất đây này. Lát nữa nghe con, bố tắm rửa thay áo quần đã.

— Kê, bố à. Mây nói với cả hai cha con Lâm. Bố bế con chút đi, con nó đang thương bố mà. Đừng làm con thất vọng bố. Cũng gần đến giờ tắm cho con

rồi. Nói xong Mây nghiêng đầu nhìn vào mặt con.

Như hiểu được có sự khuyến khích của mẹ, Ưu Đàm buông luôn bàn tay đang bám cổ Mây, nhào hẳn người về phía Lâm. Mây hốt hoảng chồm theo đưa hai tay ra hứng, nhưng Lâm đã đỡ ôm gọn lấy con, chàng nâng con lên khỏi đầu, lắc lắc khiến Ưu Đàm thích chí cười thành tiếng khanh khách.

— Bố mầy ! Mây vói tay lên vỗ vạt mông con, mắng yêu. Lâm mẹ hết hồn. Mây ! Bố không nhanh tay thì ngã rồi.

Giữ hai nách con, Lâm từ từ cho bé xuống ngang người rồi bắt ngờ, nhấc bổng lên cao làm bé cười giòn. Khi Lâm dừng tay, bé nhìn chàng ề ề, đòi chàng tiếp tục trò chơi.

— Bớ mày ! Bớ mày ! Hà hà... Lâm nâng vừa con lên vừa nói nựng. Mẹ Cúc cu cu mắng "bớ mày, bớ mày", hà hà. Mẹ mắc cỡ lêu lêu...lêu lêu, con hà ? Sức mầy mà cu ngã, sức mầy, sức mầy. Lâm nâng con lên mấy lượt nữa rồi bế Ưu Đàm đặt nằm tựa vào vai. Bỗng Lâm kêu lên.

— Á...á... Chàng nhắc đầu Ưu Đàm ra khỏi vai. Bớ mày, thằng Chó ! Nó cắn bố, mẹ ơi ! Lâm mách vợ. Răng chó con sắc, cắn đau quá !

Cu Tuất nghe Lâm nói to tiếng, mặt nhăn nhó, tưởng bố làm trò lại cười giòn. Hai mẹ con cùng cười :

— Bữa nay bố mới được nếm

mùi răng của chó con, há con ? Mây đưa mặt lại gần con ầu yếm hỏi. Cu Tuất rờ rẫm lên mặt mẹ, vỗ vỗ lên má, lên trán mẹ.

Từ ngày Ưu Đàm mọc răng, Mây vẫn chịu đựng cho con cắn. Hai núm vú nàng không lúc nào lành những vết trầy. Ưu Đàm cắn vú mẹ kéo nhây như vú cao su. Trên vai Mây cũng để lại những dấu răng con nằng bằm tím những vết nhẹ nhỏ. Mỗi lần con cắn, nàng cắn răng chịu đựng không lấy ra cho đến khi nó nhả. Có khi đau quá, Mây nhăn mặt rơm rớm nước mắt, Ưu Đàm tưởng mẹ đùa lại nhoeo miệng cười.

— Tội nghiệp con, bố ạ. Con nó ngứa lợi để nó cắn cho đã. Mây thường nói với chồng như vậy. Lâm thì cảm thấy chàng thua xa vợ ở điểm đó.

— Anh chịu, Lâm cười bẽn lễn, tự thú nhận.



Ba người đứng dưới bóng rợp giàn dưa. Dây dưa thông xuống làm thành những vòng cung kết lại như một chiếc võng lá xanh chen chúc. Năng chiều xuyên qua đám lá làm cho sắc lục điệp trở nên trong trẻo nổi rõ những gân lá màu vàng nhạt. Bóng những chiếc lá ngoài rìa in lên tờ đậm lớp lá trong, bóng lá và ánh sáng chồng chất lên nhau tạo ra một ảo giác về sự xao động, giữa ánh sáng và lá cây, tưởng chừng như có tiếng cười reo vui lao xao trong một khung cảnh lung linh tinh khiết.

Ngồi vững vàng trên vai Lâm, Ưu Đàm với cả hai cánh tay lên ôm gọn một trái dưa chín vàng ruộm, ghé miệng cắn.

— Anh coi Chó con kia ! Mây nói với chồng như reo, nhìn con ầu yếm. Con nó háu ăn ghê.

Lâm nghiêng đầu sang bên, nhìn lên, từ từ định xê ra để dò phản ứng con. Ưu Đàm không nao núng, hai tay vẫn ôm ghì lấy quả dưa, miệng cắn lia lịa, nước dãi thấm nhòe nhòet cả ra chung quanh miệng. Mây bước tới ôm

lấy đầu con, vùi mặt vào làn tóc tơ, hôn lấy hôn để :

— Tội nghiệp, con mẹ thêm quá. Lát nữa bố hái vào bồ cho con ăn, nhé. Bố nhé, nàng quay sang chồng. Mây giữ yên trái dừa kề vào gần miệng con. Này Cúc cu cu cậu đi ! Ồi chào ! Này, bố nhìn, nàng chỉ vào vết răng con làm trầy vỏ dừa, vậy mà con cạp được này.

— Cái gì mà nó không thêm. Mẹ khéo chịu. Lâm định trả lời vợ nhưng chàng kịp giữ miệng, Lâm chỉ cười. Chàng nói với con trước khi đứng xê ra hẳn mà chàng đoán sẽ làm con thất vọng :

— Nào, con ngoan, thôi không chơi nữa. Bố sẽ hái vào bồ cho con ăn, nhé. Bé Đầm xịu mặt, tiu nghỉu, mắt van lơn nhìn mẹ cầu cứu, miệng mếu, nước mắt lưng tròng. Mây vội vàng chạy tới :

— Ừ...ừ... Con mẹ ngoan, bố nói bố hái vào bồ cho con ăn mà. Nào, bố hái cho con đi.

Lâm vội tay lên hái trái dừa đưa đề vào lòng con. Ưu Đàm vội giữ lấy, mắt sáng rỡ, ngược nhìn mẹ rồi quay lại bố, ý chừng đề khoe, rồi cúi xuống mân mê quả dừa, miệng nhoeo cười.

Mây giữ lấy cánh tay chồng.

— Sáng nay làm việc thế là đủ rồi, bố ạ. Thôi bố nghỉ đi, đề còn ăn cơm. Em có pha sẵn nước chanh, bố vào uống cho khỏe.

Lâm bế Ưu Đàm tựa vào vai đi trước, Mây theo sau, hai tay niu lấy vai chồng rùn người xuống nói chuyện với con :

— Cúc cu cu ! Cúc cu cu ! Bố cu làm việc giỏi quá đi. Bố là người nông phu. Bố trồng khoai cho mẹ con mình ăn.



Ưu Đàm tựa đầu lên vai Lâm, miệng giấu dưới làn vải áo chỉ còn trông thấy cái mũi nhỏ hình hình, Đôi mắt tròn xoe và hai chiếc má hồng phình phình. Nhưng Mây nhìn hai cánh mũi nở phập phồng và đôi mắt cong vòng lên long lanh kia của con nàng thấy một nụ cười bất tuyệt không cần nhìn thấy, Mây cũng đoán biết cái miệng cu cậu đang vừa cười vừa ngậm cắn ngón tay cái và làn vải áo vai chồng, chỗ chiếc miệng ghé xuống thấm ướt nhoe nước miếng.

Mỗi lần Mây gọi « Cúc cu cu », người Lâm lại bị giật lùi về phía sau

nhè nhẹ vì hai bàn tay Mây giữ chặt vai chàng và nàng đang đi theo lối nhay lò cò.

Họ đi theo lối mòn dẫn vào nhà sau, đập lên lớp cỏ héo Lâm mới cất chiều hôm qua. Cứ theo cái lối đi vài bước lại giật lùi một bước kỳ quặc đó, lúc vào đến nhà họ mất gấp đôi thời gian họ đi bình thường. Nhưng cả hai chẳng ai để ý đến điều đó cả.

Kề gì gấp đôi, có lẽ mất gấp bốn cũng không làm họ nao núng.

KINH DƯƠNG-VƯƠNG

7-1-1972



Một trận thư hùng

Người đông như kiến đặc khu rừng
Ồ ạt tiến công chiếm An Lộc
Xe tăng, đại pháo hàng nối hàng
Nườm nượp, rít găm rung chuyển đất

Lá không dám thở, cây chết đứng !
Khí thế trường chừng nghiêng núi vững
Quán tràn nước cuốn, súng hò m tay
Tua tủa, chân đi mù bụi bay !

Bỗng từ trên không Bê-năm-hai
Mưa bom xuống rừng, đạn kìn dẫy.
Ầm ầm sấm sét trời long lở
Biền khói đen rậm bốc thấu mây.

Sắt thép tan tành văng múa cao
Thịt xương lá tả như mưa rào.
Khu rừng thoát chốc thành sa mạc
Hố khoét nhiều hơn đêm đặc sao !

TÚ KÊU

NHÃ - CA



THƯƠNG NHỚ CHIẾN TRANH

truyện dài — tiếp theo

15

C HIẾC jeep sơn xanh trắng do một cảnh sát lái, chở Hòa chạy như bay từ phố, qua cầu Tráng Tiễn vòng phía bờ sông An Cựu. Hòa nóng nảy dục luôn miệng:

— Mau. Tao về thay quần áo chút xíu rồi đi liền.

Hòa nhìn đồng hồ, nhủ mảy. Ngày giờ như tên bay, mới sáng đã chiều tối tới nơi rồi. Một ngày qua, chưa làm xong gì mà công việc thì chồng chất, rối như tơ vò. Người cảnh sát lái xe quẹo qua một ngã ba, nghe một tiếng chửi dưới đường vọng lên. Hắn cau nhàu:

— Dân ở đây thương không nổi. Ngày hôm qua bên phố rần rần. Tự Hắc

Báo cũng trở mặt rồi. Cái xứ chi mà không ưa yên ổn, ưa loạn không rứa.

Xe xóc mạnh. Hân phải khéo tay lái mới lái xe nhanh vèo vèo mà không đụng những chướng ngại vật hai bên đường. Hòa mím môi, nhìn những bàn thờ đơn sơ bày biện ra hai bên Máu nóng hân sôi lên sùng sục, tay chân hân ngứa ngáy. Lòng hân đang chờ đợi một lệnh mới, lệnh dẹp hết những chiếc bàn nghi ngút khói hương bày chật hai bên đường kia đi. Từ đêm qua, bàn thờ lè tè xuống đường, đến sáng nay thì quá loạn. Cái xứ chi mà không còn công lý, không còn luật lệ gì hết. Theo Hòa, Chính phủ Sài-gòn làm như quá xa không nhìn thấu tới đây. Nơi đây, Phật giáo họ làm như giang sơn của họ. Họ có luật lệ của họ, họ điều khiển được cả quân đội. Lệnh bàn thờ xuống đường từ một nhà chùa đưa ra, dân chúng ùn ùn tuân theo. Bàn thờ xuống đường đã tưởng như một thắng lợi. Coi những người đang bày biện kia thì biết. Một cụ già đang sụp lạy ngay giữa đường, chẳng có chiếu trải, trước mặt cụ chỉ có cái bàn nhỏ đặt ở trên một tượng Phật và một bình hương. Chỗ khác nhiều bà đang cúi húi dọn trái cây. Thấy xe cảnh sát đi qua, họ nhìn lên, bắt gặp tia mắt nóng nảy của Hòa họ cũng mờ lớn mắt nhìn lại, vừa khinh bỉ, vừa đe dọa. Hòa nghĩ tới bà mẹ kể ở nhà, lúc này hẳn bà cũng đã bày bàn thờ ra đường rồi. Bà bày trước ai hết đó chứ. Rồi Tào nữa. Hòa nắm chặt tay lại. Không biết sao ông già thương nỗi cái thằng gần bướng đó. Nó ở đâu trong

xứ Quảng nghèo xác xơ, trôi dạt ra đây và được ông Tham nuôi làm con nuôi từ nhỏ. Hòa còn nhớ cha chàng đã viện lý do khi nhận Tào vào gia đình: Di chúng bày có thằng Thềm, trong nhà có năm anh em trai. Theo xưa kiêng kỵ lắm. Năm thằng con trai là ngũ quỷ, nhà thế nào cũng sa sút cho coi. Tao nuôi thêm một đứa nữa để tránh ngũ quỷ trong nhà. Hòa nghiêng rắng, cha chàng đã quên rằng tránh ngũ quỷ, ông đã chứa lục súc. Sáu thằng con trai đã trở thành lục súc trong nhà, và thằng Tào này đã tranh hết phần sức vật. Đúng nó là một tai ương. Hợp không lấy được Thúy là vì Thúy yêu nó. Và Hòa nữa, ai hiểu thấu được tâm sự Hòa giấu kín mít tận đáy lòng trong nhiều năm qua.

Xe quẹo vào cổng nhà, chưa kịp dừng hẳn, Hòa đã nhảy xuống, đưa tay nói với người cảnh sát lái xe:

— Đợi đấy.

Anh đi vào nhà, tiếng giầy kêu lộp cộp. Một cái gì cản ngay mũi anh, cơn giận đang sẵn trớn, lại bưng bưng như chốt cả đầu óc. Nhà Hòa cũng có một bàn thờ Phật, và không hiểu hôm nay là ngày gì mà khói nhang nghi ngút, trái cây bày đầy mâm. Hòa đá mạnh vào cái ghế. Chiếc ghế chao nghiêng nhưng không đổ. Tuy vậy cũng gây một tiếng động lớn. Bà mẹ vợ đi ra. Cái trò khói nhang này đúng là bà già vợ bày trò chứ không ai nữa. Sáng sớm mai, cả bàn thờ này dám đem ra đầu ngõ lắm. Hòa cố dấu dụi nói với bà mẹ vợ:

— Nhà con đâu rồi, mẹ.

— Nó đang nằm ở trong. Nó kêu khó chịu. Chắc nay mai sinh rồi. Mẹ vừa thấp nhang khấn Phật, mong cho nó mẹ tròn con vuông.

Tròn vuông cái gì. Hòa muốn ngắt nhưng anh gượng kíp. Anh bước vô phòng trong. Vợ anh đang nằm quay mặt vào vách. Nghe tiếng giãy, vợ anh lại. Hòa thấy mặt vợ xanh ngắt và mắt thâm quầng. Anh ngồi xuống bên giường.

— Em mệt lắm hả ?

Khuê gật đầu nhưng cổ gượng cười. Hòa định đặt tay trên vai vợ, bàn tay anh vẫn không nhích lên nổi. Anh nghiêm giọng bảo vợ :

— Em nói với má đừng bày đặt cứng bái. Họ đã mang bàn thờ ra đây đường. Anh không muốn nhà mình cũng noi theo bọn phản loạn đó.

Khuê mở lớn mắt ngạc nhiên :

— Nhà ta thờ Phật xưa nay mà anh. Hồi trước em cũng là một Phật tử.

— Trước khác, giờ khác. Anh không muốn nhà mình bị lôi cuốn theo phong trào đấu tranh của Phật giáo. Mà chẳng thả họ tranh đấu có lý tưởng đi, đảng này chỉ làm loạn, phá rối an ninh xã hội.

Khuê buồn bã. Tuy nhiên nàng không muốn cãi vã với chồng. Hòa không phải là người có thể dùng lời lẽ phải trái để khuyên. Kinh nghiệm những năm làm vợ của Khuê đã đầy nước mắt. Khuê nín thinh. Có lẽ sự nín

thinh của vợ làm Hòa dịu lại. Anh sờn sóc :

— Hay anh chờ em tới nhà hộ sinh nằm trước vài hôm. Có lẽ từ nay trở đi anh bận lắm, không ở nhà để lo cho em được.

Khuê lắc đầu :

— Khỏi anh. Em tới nhà hộ sinh gần đây cũng được. Em chắc còn vài hôm nữa mới sinh.

Và nàng gượng dậy :

— Anh ăn cơm chưa, để em biểu tụi nó dọn cơm. Thằng Thạch với con Hoa đợi anh về mới chịu ăn. Em đỡ mãi không được. Nó quấy bà ngoại quá.

Hòa đứng dậy :

— Anh phải đi liền giờ. Có thể tối nay anh không về. Em cho con ăn cơm đi.

Hòa đứng dậy đi lui đi tới trong phòng. Anh dừng lại trước tủ áo, soi mặt mình trong gương. Rồi không hiểu bực mình với chính cái mặt của mình hay bực mình vì ai, Hòa dùng dùng mở tủ thay quần áo. Khuê nằm nghiêng, nàng nhìn chồng và cổ nén tiếng thở dài. Hạnh phúc trong gia đình này có cái gì gương gào mong manh. Khuê biết tình vợ chồng đã nhiều giả dối. Tâm sự của Hòa. Khuê đã nhìn thấy hết. Người đàn bà chấp nhận sự thiệt thòi, cam làm vợ không than phiền đòi hỏi gì từ lúc biết chồng lấy mình vì thất vọng một mối tình khác.

— Anh đi nghe mình.

— Dạ.

— Em nhớ dặn má. Ngày mai kéo cái màn trước bàn thờ lại cho anh. Em cũng đừng qua bên nhà nội làm gì. Lúc này không nên đi ra đường, không cúng kiến, không làm gì hết, nghe chưa.

— Dạ.

Hòa không tỏ một cử chỉ nào thân ái với vợ hết, chính ra anh cũng không hề thắc mắc về điều này. Bao năm qua, anh sống với vợ như một sự chịu đựng, phần thiệt thòi anh nhận hết về anh. Nỗi lòng anh, chỉ có anh với ông trời biết. Chỉ có anh với ông trời biết vì sao anh ghét cay đắng đứa em trai nuôi tên Tạo. Ra tới phòng ngoài, anh tiện tay kéo bức màn cái roet, nhưng anh biết là anh chưa hết bức mình. Anh chỉ mới che kín một bàn thờ trong nhà anh, còn ngoài đường anh sẽ đụng hăng hà sa số bàn thờ khác. Anh vội tới nỗi không kịp tìm gặp hai đứa con của anh, anh cũng cho là một sự thiệt thòi, và anh trút sự hờn oán lên đầu những kẻ mà theo anh đang cố tình làm loạn xã hội.

— Giờ về đồn hay còn đi đâu nữa, thưa ông ?

Hòa lại nhìn đồng hồ. Anh muốn trông thấy tất cả cái làm cho anh bức mình khắp cùng trên đường phố. Hòa lạnh lùng :

— Về nhà ông già tôi một lát.

— Chà, ở phía đó kẹt dữ đa. Dám họ cản đường không cho xe qua lắm.

Hòa đưa tay sờ lên báng súng. Anh biết khẩu súng này cũng trở thành

vô dụng trước sức mạnh của đám đông rồi. Nhưng anh vẫn phải nhớ tới nó, nó nhắc nhở sự bảo vệ tối cần thiết cho thân anh. Anh chép miệng :

— Thầy kệ. Chạy nhanh lên.

Anh cố chống chọi với cơn giận. Mình phải bình tĩnh mới đối phó được với tình thế. Phải bình tĩnh, phải lạnh như băng. Hòa nhếch một nụ cười để trả lời với lối nhìn xắc xược của mấy mục dân bà nhìn vô xe cảnh sát. Mình lái xe đi về phía này như đem một cái đinh xóc vô miếng bánh ngọt. Cái đinh làm gai mắt mọi người, cái đinh này sẽ làm bà mẹ kế của cha sôi gan sùng sục. Nghi thế, anh càng cố tạo nét mặt thản nhiên khi bước vô nhà.

Anh đụng đầu với Phúc trước sân. Hai anh em gặp nhau, chào hỏi :

— Ủa, Phúc đó hả. Về khi mô rứa ?

— Em mới về. Cả tháng nay em phải ra Quảng-trị. Mới được gọi về hôm qua, nay chuẩn về thăm nhà.

— Vậy hả ? Hôm qua có đụng với bọn Hắc-Báo trong thành nội không ?

Phúc ngạc nhiên :

— Bộ anh tưởng em về đẹp biếu tỉnh à ? Không can dự gì chuyện đó.

Và Phúc ân cần hỏi han :

— Chị sanh chưa anh ? Em định ngày mai tới anh chị ăn cơm trưa đây. Nhớ mấy đứa nhỏ quá.

Hòa thất vọng. Không ai đồng minh với Hòa ở trong ngôi nhà này hết. Hòa

mím môi, rồi anh ta bật cười, cố làm ra vẻ bông đùa :

— Không về đẹp biều tình vậy về lo lấy vợ hả ?

— Không cả hai. Biều tình là việc của thằng Tạo, đẹp biều tình là việc của anh. Việc của em là đánh giặc. À, có thư của anh Hợp gửi về. Anh vô mà đọc. Em đi nghe.

— Chú đi.

— Mai anh có nhà không ? Em sẽ tới ăn chục buổi trưa đó.

— Chú cứ đến.

Hòa đi vào nhà. Ông Tham đang dùng cơm chiều, trông thấy Hòa, mời :

— Anh ăn cơm chưa ? Dùng với ba luôn thể. Hôm nay có món mằm chưng. Thủa nhỏ anh tham ăn món này lắm mà. Đề gọi đứa nào lấy thêm bát nữa.

Hòa xua tay :

— Dạ thôi ba. Con ghé thăm ba chút rồi đi liền. Con vừa ăn cơm ở nhà xong.

Ông Tham hỏi thăm dăm ba chuyện. Chuyện vợ Hòa, chuyện mấy đứa nhỏ. Và ông cũng biết qua tình thế nữa.

— Răng, anh có nghe tin tức chi không ? Họ đem bàn thờ xuống đường rồi đó. Thấy không, ai nói Huế trầm lặng. Xứ của vua chúa mà. Đứng động đến kinh mạch xứ vua. Nhưng sao tao ơu quá.

— Dạ ba đừng lo, vài ngày đẹp xong hết chứ.

— Đẹp xong. Anh nói giỡn chơi hả ?

Hòa cười. Nụ cười của anh không vui nhưng ông Tham đâu có nhận ra. Ông nói chuyện với người con cho có chuyện đề nói vậy thôi. Chớ nay ông già rồi, ông chẳng còn thú vui gì đề nỏ nức. Bao nhiêu nỏ nức ông đã dồn hết vào một thời oanh liệt. Bây giờ có chết ông cũng chẳng hối tiếc gì. Cuộc đời đã ném đủ mùi vị, và bây giờ, giá còn thanh bình, ông chẳng còn sức để ném thêm mùi vị gì nữa.

— Dạ con xuống thăm mẹ con chút.

— Ừ, xuống dưới thăm mẹ với mấy đứa đi. Thằng Phúc vừa mới về đây xong. Có thư thằng Hợp mô dưới đó. Vợ nó cũng đề rồi. Con gái thì phải.

Hòa đi xuống nhà gặp bà Tham. Qua nhà ngang anh suất đựng nhằm Nguyễn đang khập khễnh đem nước rửa mặt và khăn bông lên cho cha. Nguyễn cười vui :

— Anh về đó hả. Có thư anh Hợp.

— Ừ.

Hòa không vui nổi với Nguyễn... Xuống nhà dưới anh lại đựng Nga Mi. Nga Mi reo lên :

— A, anh Hòa. Tới đây em nói cho nghe chuyện này.

Về nhõng nhẽo của Nga Mi không hợp thời chút nào hết. Hòa cố gắng tránh không nhìn vào khuôn mặt rạn rở của em. Nhìn một lúc anh có thể phát cáu, không giữ được bình tĩnh nữa. Anh hất hàm :

—Chuyện gì? Sao lúc nào cũng thấy mày nham nham nhờ nhờ, cười cười nói nói. Con gái lớn rồi phải nét na một chút.

Nga Mi nguây nguây bỏ đi. Như thế thì còn chuyện gì để nói nữa. Hòa bước lên căn nhà thờ của bà Tham. Hòa khựng lại, anh không thấy kể mẫu tụng kinh trước bàn thờ Phật mà bà ngồi rầu rĩ trên tấm ngựa gỗ. Nghe tiếng chân giầy, bà ngẩng đầu lên nhìn. Thấy mặt Hòa, bà càng không vui, sắc giọng:

— Anh sang có chuyện chi đó. Ở đây có bàn thờ trong nhà thôi. Anh cũng muốn về dẹp hay rằng.

Hòa mím môi. Anh muốn nóng lắm rồi nhưng vẫn dẫu dju :

— Dạ con về thăm nhà thôi. Với con cũng muốn nói với mẹ một chuyện. Con mong mẹ đừng mang bàn thờ ra ngoài đường làm gì. Đừng đây con vào chuyện khổ tâm.

— Việc chi mà anh khổ. Tôi cứ bày, anh muốn dẹp cứ dẹp. Tôi chưa bày là tại thằng Tào bận, đi từ sáng tới giờ chưa về. Nó về tới, tôi sẽ bày.

Hòa hết giữ được bình tĩnh :

— Mẹ đuổi luôn cái thằng khốn nạn đó đi. Nó là thằng phá rối, thằng phản loạn. Con sẽ cho nhốt nó trước hết. Mẹ tin chỉ cái thằng khốn đó.

Bà Tham cười nhạt :

— No làm gì mà anh cho nó khốn nạn. Nó có phản đạo, nó có đàn áp tôn giáo đâu. Nó có Phật, có đạo pháp, nó phải bảo vệ đạo pháp của nó.

— Mẹ nói như vậy ông thầy thuyết pháp.

— Tui ít đức làm răng bị được với các thầy, anh ví von như rứa tôi mang tội chết.

— Hôm nay, con tưởng về gặp thẳng Tào, con cho nó một trận, tổng nó ra đường.

— Anh có quyền đó há? Mà nó có tội chi với anh?

— Nội tội nó chống lại pháp luật cũng đáng đây nó đi Côn-đào rồi. Đồ thứ con nuôi, đồ ong tay áo đó mà mẹ tin tưởng. Mẹ không biết nó là đứa sẽ đem tai họa cho gia đình này hay sao?

— Không. Tôi không tin. Nó là con nuôi thiệt nhưng nó chưa làm gì bất hiếu đối với gia đình này hết.

Hòa cứng họng. Anh đứng trân ra một giây, và không biết phải nói tiếp thế nào, anh hỏi :

— Hợp có gửi thư về. Chắc nó có khuyên thẳng Tào đừng làm khổ gia đình.

— Cũng không, anh ấy viết thư tỏ vẻ lo lắng cho mọi việc đang xảy ra ở đây. Anh ấy viết thư dành riêng cho thẳng Tào và khuyên Tào nên thận trọng.

— Nó làm như thẳng Tào là linh hồn của cuộc tranh đấu. Nó ở xa, nó có biết Huế khổ ra răng với bọn làm loạn ni.

— Anh nói răng? Tui nhà quê dốt nát nhưng tui là dân chúng đây. Anh nói tui không hiểu chi hết.

Hòa hân học :

— Con nói trước. Dù sao mạ cũng đừng đem bàn thờ ra đường. Con sẽ phải dùng biện pháp mạnh ở nhà này trước tiên.

— Anh dọa tôi mần chi.

— Con không dọa. Con nói trước. Thôi chào mạ con đi.

Bà Tham không buồn trả lời. Bà nghe tiếng giầy của Hòa như muốn nghiêng nát những hòn gạch trước hiên. Bà biu môi. Vì cái biu môi đó, bà cảm thấy lạt miệng. Bà kéo cái cơi trầu lại gần, thong thả tằm trầu. Cả ngày hôm nay, bà không thấy đói mà chỉ thấy lạt miệng. Bà ăm trầu hoai mà không thấy chán, vì ngoài việc nhai trầu, ngồi rầu rĩ, bà chẳng còn việc gì để làm nữa.

Còn phải đem một cái bàn thờ ra ngõ. Bà nhìn cái bàn khảm xà cừ rất xưa. Phải trang trọng như vậy mới xứng đáng. Về rầu rĩ như bết đi, vì bà đã bắt đầu tép tép nhai miếng trầu không biết là thứ mấy.

17

NHƯNG chuyển mấy bay đáp xuống Phú-bài đã chờ đây linh từ trong Sài-gòn ra. Những chuyển cam không nối đuôi nhau chờ linh từ Đà-nẵng ra. Cái thành phố nhỏ xiu, đã chật chội, cản trở vì bàn thờ, nay lại ngột ngạt, ồn ào, nhức nhối vì đầy linh. Tiếng nói chung của thành phố trở thành một giọng rừ rừ, truyền tai. Người ta rì rì nhau nghe chuyện ông tướng

Sáu Lèo đã ra tới Đà-nẵng, người ta không gọi đích danh tên thực của ông, trước sức mạnh của một thành phố, mọi thứ khác trở nên điều cợt. Người ta nao nức nói tới vụ hướng đạo gửi thư tới hội Hồng thập tự Quốc tế, hội Hướng đạo Quốc tế nhờ can thiệp về vụ mấy em hướng đạo bị bắt trong vụ xô xát mấy hôm trước. Người ta xôn xao, căm phẫn vì tin một thiếu úy Hắc Báo bị bắn bẻ đầu, không thấy xác đâu. Đến trẻ con mà cũng nỏ nức tràn ra đường. Bàn thờ, trẻ con, xe cộ, đám đông làm kẹt cứng thành phố. Nhà đèn đã ngưng chạy vì hết nhiên liệu, đêm tối, những bó đuốc lập lòe, trên những bàn thờ san sát, những bó hương lớn cũng san sát, lập lòe. Tọa chạy như chong chóng. Anh có mặt tất cả mọi nơi, trái tim anh đập mạnh mẽ những nhịp điệu thương yêu và tâm hồn anh chan chứa niềm phấn khởi, còn đầu anh thì ngọn lửa khích động bùng reo đốt mãi.

Không ăn, không nghỉ, Tọa làm việc như điên. Anh gặp bạn bè suốt ngày. Vinh, Bằng, Hải, Phụng, Hương và một số bạn bè của cô cũng sát cánh với Tọa. Ở khắp nơi, Tọa cũng gặp Kỳ, một lãnh tụ sinh viên. Kỳ có nước da trắng trẻo như con gái, nhưng bù lại, anh có đôi mắt sáng quắc và chiếc miệng rộng, môi dày chín mùi tham vọng.

Gặp anh, Kỳ xoa tay, vẻ rạng rỡ sáng láng cả khuôn mặt :

— Vậy là đã đến giai đoạn chót của cuộc tranh đấu. Tối hôm nay, tôi mới thấy mình đã thật sự làm việc, thật sự

hết mình. Tối hôm nay tôi mới thấy sức mạnh của sự đoàn kết. Chúng ta không còn đơn lẻ đấu tranh nữa, cũng không chỉ có hậu thuẫn của dân chúng mà chúng ta góp được sức mạnh của dân chúng vào với chúng ta. Chúng ta không cần làm gì thêm nữa, chúng ta cứ đứng yên như thế này, chờ sức mạnh sung mãn, nứt ra, và chúng ta thành công. Anh Tào, cho tôi siết tay anh một cái. Mừng cho nhau cùng đi trúng một con đường.

Tào đề yên bàn tay cho Kỳ bóp thật chặt. Làm thế nào để siết chặt hơn nữa đi. Nhưng sức mạnh của hai người không còn nhiều, sức mạnh đã hòa chung hết thảy. Kỳ buông tay Tào ra. Hai người cùng mỉm cười nhìn những cụ già, những người đàn bà đang thành khẩn đi từng bàn thờ vái lạy. Đang cười Tào bỗng nhủ mảy vì nhớ tới lời của Công :

— Các cậu làm quá đà rồi. Moa lo quá. Phải tìm một giải pháp gấp, không thể để tình trạng này kéo thêm ngày nào được. Đừng để đám đông họp nhau lại. Sự ngồng cuồng, kiêu hãnh, làm loạn sẽ phát ra ở đó, cậu không đo lường được hậu quả đâu. Tào, moa thành thật khuyên cậu. Nên họp anh em lại, tìm một lối thoát khác.

Tào đã cười ngạo nghễ để trả lời Công. Anh chàng nhạc sĩ mơ mộng, đáng thương, rất thân thiết với Tào nhưng không thể hòa hợp nổi với Tào. A, thì ra ngày đầu thấy quân đội về hẳn đã rét run, không phải hẳn rét cho hẳn mà cho

bạn bè. Tào tri ân tình bạn đậm đà đó nhưng không khỏi cười thầm, thương cho bạn. Bản tính hẳn trái ngược Hương, em gái hẳn. Mấy hôm nay, Hương xông xáo bất kể ngày đêm. Tào đã phải khuyên Hương :

— Em nên nghỉ ngơi, đừng có liều lĩnh lắm.

— Em không sợ gì cả.

Hương cười, bất chấp. Cô còn phải bình Công một câu, không biết đọc ở sách vở nào mà cả Công, cả Tào đều buồn cười :

— Anh Công, anh đừng chỉ trích việc của người khác. Anh hãy cố gắng làm cho được những điều anh định chỉ trích người khác cái đã.

Lính ở Sài-gòn ra bất động. Có tin ở Đà-nẵng, nhưng rất mơ hồ, quân đội đã tấn công dẹp những bàn thờ xuống đường. Quân đội ở Đà-nẵng cùng thanh niên Phật tử đã rút vào những khu vực nhất định để tử thủ. Nghe tin, Tào có xúc động, nhưng rồi anh lại để những nụ cười chế nhạo trên môi. Làm gì được. Cả hai thành phố góp lại, chừng này người. Công nói quá, chiến tranh giết hằng bao triệu người nhưng rì rả nhiều năm tháng. Ở đây, không thể cùng lúc bắn gục hằng trăm ngàn người, phá hủy một thành phố được. Đường ta, ta cứ đi. Ta có lý tưởng, ta có chính nghĩa. Tào ơi. Nếu mi cũng bị lung lay. Anh tự nghĩ rồi anh tự chống chế : Không bao giờ, lòng ta vững tin hơn bao giờ hết.

Tào không về nhà đã hai hôm. Sau cùng, chàng quyết định về nhà một lúc.

Bà Tham chắc sốt ruột muốn biết nhiều tin tức lắm. Tạo đã thấy bà mẹ nuôi đi thăm dò ở một vài đường phố nhưng anh không có thời giờ để nói chuyện. Lúc Tạo bước vào, gặp ngay ông Tham. Ông nhìn Tạo nhíu mày :

— Đi đâu mất biệt mấy hôm rứa hả. Sao mặt mày anh xơ rơ xác rác rứa hả ? Ni, đừng có bày đặt theo bọn tranh đấu rồi bị bỏ tù, bị đi đày, hối không kịp.

Tạo cười :

— Ai nói với ba thế. Chắc anh Hòa vừa đến đây phải không ? Ba đừng lo cho con. Con lớn rồi, con làm việc gì con biết.

Ông Tham quay đi. Thật ra, ông có chú ý gì tới chuyện bên ngoài đâu.

— Ủ, thì tao dặn rứa.

Bà Tham đã hiện ra. Bà quá mừng rỡ khi gặp Tạo :

— A, anh về đây rồi. Hay quá, phụ với tôi bày cái bàn thờ ra đi. Mình cũng phải làm như người ta chứ.

Ông Tham lắc đầu :

— Bà cũng bày nữa à ? Bà thì thiệt hết nói.

— Bày chứ rằng không bày. Họ muốn diệt Phật giáo. Muốn đàn áp cả tổ tiên, ông bà. Đem ra đường cho họ đập nát luôn chớ để mất chi.

Rồi bà cười, kiêu hãnh :

— Cha, nói rứa chớ đừng vô thì hết rồi. Dám ở đó mà đừng.

Nga Mi ở đằng sau cũng chạy lên:

— Mạ rặng chừng quá. Bày ra mất chi. Phật mà đem ra ngoài đường coi tội nghiệp lắm. Mạ thì...

Bà Tham cần đăng :

— Thì rằng ? Thời buổi này Phật cũng phải ra đường chịu khổ với chúng sanh. Chúng sanh đau khổ Ngài ngồi yên trên tòa sen được rặng. Mi mà mở miệng nói nữa tao vả cho cái sứt rặng bây chừ.

Ông Tham thở ra, không buồn không vui. Đó, mạ con như vậy đó. Nhưng ông già rồi, ông chẳng muốn xử phạt nghiêm minh làm chi nữa. Thời buổi này không còn là của ông, ông chỉ là kẻ sót lại, cô đơn, thừa thãi. Thôi, hãy trở lại với bình trà, phích nước sôi, cây cò. Trong khi đó bà Tham huyền thuyên với Tạo :

— Mạ mới đi một vòng về xong. Qua bên bác Thượng, bên nó cũng bày bàn thờ rồi. Con Thúy với bác ở nhà lo chớ thằng Công cũng đi tối ngày. Mạ vừa ở bên bà Nghị về nữa nè. Khi mạ ở bên đó thì thằng Hân nó về. Thằng Hân đi biệt động quân, nó ra với lính ở Sài-gòn đó. Nó tới thăm, bà Nghị mở cửa, đuổi nó đi. Nó nói nó không biết chi cả. Đang tự nhiên rứa bị bắt ra sân bay đưa về đây đóng quân một chỗ. Chưa có lệnh chi hết. Bà Nghị nói : Không phải mi về đẹp bàn thờ của mạ mi há. Nó nói : Nó có biết chi mô. Bà Nghị chửi cho một hồi : Rứa họ biểu mi về đẹp bàn thờ nhà mi, mi có làm không. Thằng Hân cúi đầu đi mất. Bà Nghị nói để con vô phúc, đang khóc tùm lum ở bên.

Có tiếng xe hơi dừng ngoài cổng. Tao tưởng Hòa, bỏ đi lánh mặt. Nhưng không phải. Ông khoa trưởng tới nói chuyện với người đẹp Nga Mi. Mấy ngày hôm nay ông cũng chạy lung tung. Chạy cho cái chân được chắc. Phật giáo làm cách mạng thì ông khoa trưởng cũng dựa hơi vào đó để làm chính trị. Ai có ở trong bụng ông đâu mà biết ông lợi dụng như thế nào. Mà ông trời có biết thì ông lại không chịu nói. Nga Mi
(Còn tiếp)

trông thấy ông đi vào, giấu mặt sau lưng mẹ. Lúc nào cô cũng cố gắng cho ra vẻ một tiểu thư khuê các.

Cuối cùng, xong mọi thủ tục chào hỏi, khép nép cho ra con nhà trí thức khoa bảng, có tư cách. Ông khoa trưởng theo Nga Mi ra nhà khách chung. Thằng Thêm đang ngồi ở ghế, đứng dậy bỏ đi, và đi Cúc lấp ló ở nhà ngang lăm lét nhìn lên.

NHÃ - CA



GIAO ĐIỂM

trang trọng giới thiệu :

SA ĐOÀ

truyện kể ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO phiên dịch và chú giải

VŨ TRỤ THƠ

tiểu luận nhận định ĐẶNG TIẾN

Tổng phát hành : ĐỜI MỚI

số 278 — 280 đường Vĩnh Viễn

Sàigòn - 10

PHÒNG VẤN

nhà văn PHAN NHẬT NAM tác giả « Dấu binh lửa »

do NGUYỄN MAI thực hiện

NƠI anh Phan Nhật Nam, tác giả bút ký « Trên đỉnh Charlie », — một bút ký mà những người trong cuộc xem là xác thực và gần gũi nhất, — chúng tôi thấy ở anh một người hoạt bát, mãnh liệt.

Được tiếp trong một căn phòng giản dị, nước uống là rượu bia, chúng tôi đã mang cảm tưởng đúng với ý niệm có trong đầu qua lời kể của những người quen biết với anh Phan Nhật Nam : Sự đứt khoát mỗi khi tác giả « Dấu Binh Lửa » cho biết ý kiến về một câu hỏi nào đó đã làm nổi bật lên vẻ sắc bén mà chúng tôi nhận ra đã không thay đổi suốt một buổi tối, trong câu chuyện giữa hai người chưa gặp nhau lần nào.

Nói với chúng tôi rằng không thích dùng đến hai tiếng « phỏng vấn », anh Phan Nhật Nam đã bắt đầu câu chuyện với chúng tôi trước một mặt bàn có hai ly rượu bia và một đĩa « tré ».

Vì đã đọc một số câu hỏi mà chúng tôi gửi tới anh trước, anh Phan Nhật Nam đã « vào đề » cho buổi nói chuyện bằng cách cho biết anh 30 tuổi trong giấy khai sinh và 29 là tuổi thật. 29 tuổi (sinh năm 1943 tại Cửa Rào, Thanh-hóa, học chương trình Pháp hết năm đệ lục đổi sang chương trình Việt, tại Đà-nẵng. Nhập ngũ khóa 17 trường Võ bị Đà-lạt, hiện nay vẫn mang cấp bậc đại úy thực thụ.

Từ việc nói đến một binh nghiệp gian truân đã và có lẽ còn trải qua, anh Phan Nhật Nam đã cho biết anh viết văn từ năm 1969, trước khi viết không hề sửa soạn đề viết văn.

NgM — Như vậy anh viết văn do tình cờ hay vì một nhu cầu ?

PNN — Tình cờ anh. Hồi đó tôi có một thời gian ở rảnh, tôi vừa tập thể thao vừa viết. Tôi viết lại những gì đã sống và được bạn bè khuyến khích... Còn nói về ý tưởng sẽ viết văn, tôi đã có ý tưởng này và xem như tôi được khai tâm bởi lối viết và những điều mà Ghorghiu trình bày. Ước vọng của tôi bây giờ là sẽ viết được một cuốn như Ghorghiu bằng tình cảnh Việt-nam. Dự định này tôi đã chọn một nhan đề : «Nát Đá». Nó sẽ là một bộ truyện nhưng tôi không thấy có khả năng để viết.

NgM — Khi viết văn anh viết như thế nào ?

PNN — Tôi có thể nói tôi cầu thả trong đời sống nhưng khi viết tôi viết rất cần thận. Từ bao năm nay tôi chỉ mặc quần jean. Tôi không để ý đến ăn mặc. Tôi có một khả năng hấp thụ rất nhanh.

NgM — Viết trong không khí mà anh đang mặc quần phục, điều gì ám ảnh ngòi bút anh lớn nhất ?

PNN — Sự khổ sở của đồng bào phải chịu đựng mà tôi đã chứng kiến, cũng như đời sống gian khổ của các anh em lính... Anh tưởng tượng, vào năm 1966, khi chúng tôi vào một làng địch hặc, thấy mấy đứa nhỏ ở bên xác cha mẹ, chúng không khóc được vì đói quá. Khi thấy chúng tôi chôn cất họ chúng, chúng đã quì xuống lạy chúng tôi. Một chuyện khác là ở một cuộc hành quân, khi chúng tôi vào làng, một người đàn

bà đã sợ hãi đưa cho tôi một số vàng, tôi lắc đầu, cái lắc đầu của tôi làm cho người đàn bà sợ hãi, bà ta vội vàng tự cời áo ra... Anh thử nghĩ với những cường độ sự kiện như thế...

NgM — Tôi được nghe nói anh giữ chức đại đội trưởng từ nhiều năm, anh có thể cho biết về đường binh nghiệp của anh.

PNN — Tôi thích ở trong lính, tôi là một người lính chiến chưa hề đi phép, không có căn cước, tôi uống rượu rất nhiều, tôi chơi thể thao, thủ khoa một khóa học khô cực ở Dục-mỹ. Tôi chạy 50 phút được 14 cây số. Nhưng kỷ lục đầu tiên của binh chủng nhảy dù là tôi đã chạy giữa buổi trưa một đoạn đường 8 cây số trong 42 phút. Tôi cũng là người đầu tiên lập căn cứ Hòa lực ở Tây-ninh năm 1969. Tuy vậy, tôi đã mang cấp bậc hiện nay : đại úy từ nhiều năm, tôi bị phê điểm một cách tệ hại : 42/100. Hiện nay tôi là đồn trưởng một đồn có chừng 20 nghĩa quân ! Anh xem... cái cơ chế hiện nay...

NgM — Xin được nói tôi hiểu anh, tôi cũng có một thời gian ở trong quân ngũ.

PNN — Như vậy không nói anh cũng đã hiểu.

NgM — Còn về các cuốn sách đã xuất bản của anh gồm có những cuốn nào và cuốn nào được anh ưng ý nhất, tại sao vậy ?

PNN — Dấu binh lửa, Dục đường số 1, Ai trền gian. Cuốn nào cũng thích, cũng như thích tất cả các bài báo đã viết.

NgM — Anh có ý muốn sửa chữa lại những điều đã viết không ?

PNN — Không cần sửa chữa, tôi bằng lòng, nhưng vẫn muốn nói được hay hơn nữa.

NgM — Trước khi về ở Tổng Y viện này, anh ở đâu, có phải anh về từ một mặt trận ?

PNN — Như đã nói, tôi ở tiểu khu Long-an. Một đại úy và được sử dụng làm trưởng đồn !

NgM — Có nhiều người xúc động khi họ đọc những bài bút ký mới nhất của anh, anh nghĩ vì sao anh đã gây được sự xúc động đó ?

PNN — Tôi có một khả năng hấp thụ nhanh và tôi thường ghi lại cái cường độ của sự kiện lúc còn ở mức cao nhất. Tôi viết lại những gì mình bị xúc động và có lẽ người đọc cảm thấy giống như tôi...

NgM — Liên quan đến anh, người ta còn nhớ đã hơn một lần anh gặp khó khăn về vụ Maxim's. Xin anh cho biết vụ đó đã xảy ra như thế nào ?

PNN — Chuyện cũ rồi anh. Thôi chuyện này đừng ghi vào. Để tôi kể riêng với anh. (Anh Phan Nhật Nam cho biết anh có một hành động với một kịch sĩ, nhưng anh đã bị bắt vì một ngộ nhận khác.)

Tôn trọng ý của anh Nam, chúng tôi rất tiếc không thể ghi lại nơi đây một sự việc để có thể làm nổi bật lên cá tính của tác giả "Không vòng hoa cho người trở về".

NgM — Xin anh cho biết ý kiến của anh về sinh hoạt văn nghệ ở Sài Gòn và miền Nam nói chung ?

PNN — Tôi hầu như không sinh hoạt trong không khí văn nghệ ở đây. Như tôi thấy những người cầm bút đều bị lúng túng vì sinh kế. Giải thích cho việc này có thể nghĩ ở VN vùng đọc sách đã ít, người đọc sách ở vùng đó cũng chẳng có bao nhiêu. Nhìn thấy đời sống của Trần Tuấn Kiệt, tôi thấy làm văn nghệ mà phải như thế thì đau đớn quá.

NgM — Như vậy khi giải ngũ anh có chọn cầm bút làm một nghề không ?

PNN — Sẽ không tiếp tục. Tôi vẫn muốn ở trong lính. Nhưng nếu giải ngũ, tôi sẽ làm nghề tự do...

NgM — Khi viết anh có nghĩ anh đang làm việc cho một tác phẩm văn chương không ?

PNN — Không. Tôi viết vì những cảnh đời đa đoan. Viết để khỏi ảm ức.

NgM — Người ta nói đến anh không ít, anh có nghe thấy những điều người ta nói về anh không ? Và anh nghĩ gì về những điều đó.

PNN — Tất cả đều khen, tôi thích được khen lắm.

NgM — Lập trường quốc gia dứt khoát của anh sẽ được viết ra bằng chữ như thế nào ?

PNN — Hoàn toàn tin ở quốc gia. Vì bố tôi là chính trị viên của Sư đoàn 408 thời Điện-biên Phủ. Người đã chiến đấu và chấn nản...

NgM — Anh có những ước vọng nào cho đất nước ngay cả bây giờ lẫn tương lai ?

PVN — Hết đánh nhau, bởi chán nản lắm rồi.

NgM — Phóng sự mà anh trúng giải do nguyệt san *Tiền Phong* tổ chức đã được anh viết trong hoàn cảnh nào?

PNN — Đó là phóng sự "Trên đỉnh Charlie" hay "Không một vòng hoa cho người trở về". Tôi đã viết và nghĩ rằng Chiến tranh trùng trùng nên chỉ nhìn thấy một phía.

NgM — Anh có theo dõi vụ án Ngô

Thế Vinh, anh nghĩ gì về bản án và thái độ của người lãnh án?

PNN — Ra tòa, được nghỉ phép. Lính mà. Chắc anh đồng ý với tôi là không ảnh hưởng tinh thần, vật chất gì cả đâu.

NgM — Anh có mấy cháu rồi anh?

PNN — Hai cháu.

NgM — Trong những tác giả ở VN anh thích ai?

PNN — Ông Võ Phiến và một câu văn trong "Đại Lộ" của Thanh Tâm Tuyền.

Qua cuộc gặp đầu tiên với anh Phan Nhật Nam, chúng tôi đã gặp anh Nam như trong ý nghĩ có trước: mãnh liệt và dứt khoát.

Hiện nay anh Nam đang viết cho hai tuần *Đời và Đời Hâu*. Theo anh, anh đã là một cây bút nhà nghề. Có lẽ những độc giả yêu thích văn anh mong rằng anh sẽ không bỏ "nghề" như anh đã cho biết ở trên...

NGUYỄN MAI thực hiện

**GIÁ BIỂU ĐĂNG QUẢNG CÁO
TRÊN TẬP SAN CHÍNH VĂN**

- Bìa 4, toàn trang, offset 4 màu — 1 kỳ VNĐ 30.000
dài hạn VNĐ 15.000 mỗi kỳ
- ★ Bìa 2 và 3, toàn trang, offset 2 màu — 1 kỳ VNĐ 20.000
dài hạn VNĐ 10.000 mỗi kỳ
- TRANG RUỐT, in đen, toàn trang — 1 kỳ VNĐ 10.000
dài hạn VNĐ 7.000 mỗi kỳ
- ★ Các nhà Xuất bản và Anh chị em văn nghệ đăng quảng cáo về sách báo sẽ được tính bớt theo giá đặc biệt.

KINH TẾ VÀ CÁCH MẠNG

(tiếp theo trang 16)

Nói riêng ở Việt Nam, chỉ một vấn đề tương quan giữa đồng đô-la và đồng bạc Việt cũng thừa sức làm điên đầu những nhà chuyên môn.

Biết như thế, chúng ta không đi sâu vào chuyên môn. Chúng ta cũng không mất thì giờ phân tích quan điểm của nhóm lý thuyết gia này, của nhóm lý thuyết gia khác, vì chúng ta biết họ đã tự nguyện dẫn thân vào vùng vẫy trong một màng lưới có sẵn. Một màng lưới mà các mắt lưới có tên như tài nguyên thiên nhiên; phương tiện sản xuất (gồm có cơ sở, máy móc, nhiên liệu); nhân công bao gồm từ chuyên viên đến công nhân; mức độ sản xuất và khối lượng cũng như phẩm chất hàng hoá được sản xuất; thị trường tiêu thụ (bao gồm giá cả, quảng cáo, chuyên chở, mại bản v.v...) tự do và bất buộc, bán chịu hay bán tiền ngay. Đối với một vài nước lớn gần đây còn có vấn đề xuất cảng tư bản. Không vấn đề nào giản dị cả.

Nhưng tất cả mọi vấn đề sẽ trở thành giản dị nếu chúng ta chỉ nhìn vào 2 lãnh vực:

Thứ nhất, con người có một số nhu cầu cho đời sống. Trước hết là những phẩm vật không có không được, mà công việc sản xuất không đòi hỏi quá nhiều tinh tế chuyên nghiệp: gạo (bột mì), thịt cá và rau, mắm (muối); vài

may quần áo, nhà ở. Sự sản xuất các phẩm vật này, nếu hoàn toàn do tư nhân hay do Nhà Nước nắm lấy, đời sống của dân chúng luôn luôn bị đe dọa: người cầm quyền có thể trở thành độc tài, tư nhân có thể lợi dụng nhiều cơ hội để bóc lột giới tiêu thụ đến xương tủy. Loại phẩm vật thứ hai có thể gọi được là hàng hóa, thường do sự tinh khôn và kiên nhẫn của con người mà được chế tạo: tốt, xấu, đẹp... Những hàng hóa này có tác dụng làm cho cuộc sống được êm ái hơn, vui thích hơn. Trong một nền kinh tế lành mạnh, công việc sản xuất các phẩm vật thiết yếu cần được chỉ huy, công việc sản xuất hàng hóa có tính chất tiện nghi cần được tự do — một đẳng đề thích hợp với trạng thái đông dân và cộng đồng, một đẳng đề khích lệ sáng kiến và nỗ lực cá nhân.

Thứ hai là do vị trí của mỗi quốc gia, và do thiên tư của mỗi dân tộc, người ta không thể tránh được, và cũng không lấy làm oán hận, về sự giàu có của nước này, sự chăm chỉ và tiết kiệm của dân tộc kia. Sự khác biệt này không thể đưa đến chiến tranh, nếu mỗi người dân ở một nước được biết rõ rằng với tư cách của mình, và ở hoàn cảnh chung của đồng bào mình, mỗi cá nhân có thể được hưởng mức sống trung bình như thế nào.

Nhân một buổi phỏng vấn ông Nguyễn Văn Hào, tiến sĩ triết học về kinh tế học, Tổng đốc Quý Phát triển (Quốc gia), ông Hào đã tỏ ra đồng ý với tôi rằng người VN chúng ta cần được biết rằng, với tài nguyên hiện có và công phu tích cực xây dựng của mỗi người, thì mỗi cá nhân chúng ta xứng đáng được hưởng một mức sống như thế nào. Ba bữa cơm với thịt hay hai bữa với rau; đi xe 4 bánh hay 2 bánh, hay đi chân; ở nhà 2 buồng hay 3 buồng, với bao nhiêu mét rộng và dài... Chúng ta cần biết một cách học toán và khoa học điều đó, với những triển vọng có thể đạt được. Con người của chúng ta, dù hết sức phản đối bề ngoài, sẽ bớt u mê tối tăm trong tâm hồn. Tiến sĩ Nguyễn Văn Hào đã hứa rằng khi nào có hoàn cảnh, có phương tiện, ông sẽ thực hiện điều đó cho đồng bào.

Công việc khó khăn và phức tạp, mà cách đây 10 năm, người ta không thể nào làm nổi. Nhưng bây giờ có máy điện toán. Bộ trưởng bộ Kinh tế Mỹ, nếu muốn, trong vòng 5 năm là cùng, có thể cung cấp cho toàn dân Mỹ hình ảnh kinh tế của người Mỹ trung bình. Với điều kiện ông ta không bị thôi thúc phải luôn luôn mở rộng thị trường tiêu thụ những hàng hóa đắt gấp đôi, gấp rưỡi hàng hóa của nước khác, để dân chúng Mỹ càng ngày càng được nâng cao mức sống (và giảm bớt giờ làm việc), và để giới đại tư bản nắm đầu được thêm nhiều tư bản ở các nước đồng minh.

(Còn một kỳ : KẾT LUẬN)

Phận sự của ông bộ trưởng Kinh tế sẽ trở thành phận sự của ông bộ trưởng Ngoại giao, của ông bộ trưởng Quốc phòng, của ông chủ tịch bộ Tham mưu Liên quân. Và chúng ta không còn gì để nói.

Nhưng không có gì cấm chúng ta hy vọng. Hy vọng của chúng ta trái ngược với lẽ phải thông thường, nhưng chúng ta vẫn cứ hy vọng. Ông Nguyễn Văn Hào, còn rất trẻ, được lãnh hội học vấn của ông ở Hoa-kỳ ông chịu ảnh hưởng của người Mỹ là lẽ tất nhiên, nhưng tất nhiên cũng ảnh hưởng ngược lại người Mỹ. Sự khôn ngoan của một cá nhân không hoàn toàn do sự học mà có, mà còn do sự truyền tiếp của nhiều đời suy ngẫm. Tôi không tin tiến sĩ Nguyễn Văn Hào thua kém thầy học và bạn hữu của ông về sự hiểu biết con người trong nội giới. Thế mà, giữa những người tài năng với nhau, chính sự thâm trầm và sắc sảo trong nội giới sẽ là yếu tố sau cùng quyết định sự hơn thua...

Tôi không có tham vọng chờ đợi một ông, hay nhiều ông Nguyễn Văn Hào đấu thắng người Mỹ, vì thật ra, tôi tin tưởng vào sự thông cảm lẫn nhau. Hai vụ công du của Tổng thống Nixon cho chúng ta thấy một giai đoạn lịch sử mới đã bắt đầu : rất nhiều nguyên tắc cũ truyền bị bãi bỏ, rất nhiều thành kiến bị xóa mờ. Lẽ phải, được giao truyền theo dòng điện tử trong máy IBM, không biết đâu là biên giới.

NGUYỄN MẠNH-CÔN

Giải đáp thắc mắc

Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã làm quen với bạn đọc trên Tập san Văn, Tân Văn. Gần đây hơn, trên Tập san Giao Điểm. Vì anh Trần Phong-Giao bị đau bệnh, tờ Giao Điểm tạm ngưng xuất bản, chúng tôi còn giữ lại một số thư của bạn đọc. Nay xin đề Chính Văn đăng tải bài trả lời những thư còn đọng lại từ trước, khá nhiều.

Bạn đọc Chính Văn muốn nêu những thắc mắc, xin tạm thời giới hạn một câu hỏi trong mỗi thư và xin chỉ hỏi trong lãnh vực văn học tổng quát.

Chúng tôi sẽ cố gắng giải đáp giùm những thắc mắc của quý bạn. Vì đó cũng là dịp để chúng tôi tự học, trau dồi thêm kiến văn và học thức vốn nông cạn của mình.

THƯ - TRUNG

(với sự giúp đỡ của Một nhóm Học giả)

● Ông Nguyễn Gia Tường, Sài Gòn, hỏi:

1) Được biết cụ Phan Bội Châu lúc ở Hàng-châu có viết cuốn sách nhan là "Phạm Hồng Thái Liệt Truyện" mà người đề tựa là ông Đàm Diên Khải (Bộ trưởng bộ Giáo dục trong chánh phủ Hoa Nam).

Xin ông cho biết nghĩa câu thứ ba trong bài Tựa và chữ "Trường sa" ở đây họ Đàm đã mượn điển tích nào? Nếu "Trường sa" chỉ nơi Giả Nghị làm bài điệu Khuất Nguyên thì giữa cuộc đời Giả Nghị và Phạm Hồng Thái có gì giống nhau? Có người cho rằng họ Đàm muốn mượn việc An Trọng Côn giết Y-dăng Bát-văn. Nếu quả vậy, thì

nơi mà Y-dăng bị giết chết là "Trường sa"?

a) Trong bài "Chính khí ca" của Văn Thiên Tường đời Tống, câu 37: "Sở tu anh kỳ quan". Xin ông cho biết điển tích về "Người từ nước Sở đội mũ"? ; câu 48: "Bách lệ tự tịch dịch". Lệ ở đây có phải là chỉ sự đau ốm hay không? hay là trăm mối tai ách? Chúng tôi thiên nghi Văn thừa tướng đang bị tù thì làm sao "Trăm tai đều tự tiêu tán" được? Cũng xin ông vui lòng cho biết từ câu 37 đến hết bài, có câu nào tác giả dùng điển tích nữa không? Nếu có, xin ông giải hộ...

— Trả lời:

1) Phan Bội Châu, khi ở Hàng-

châu, có xuất bản cuốn «Phạm Hồng Thái liệt sĩ truyện» do mấy nhà cách mạng Việt-nam biên tập, và đề bài bất cứ của Đàm Diên Khải trên đầu sách:

*Thiết huyết chùy tâm hận vị trừ
Tất thân thôn thán, dị hương cư
Tràng sa hữu phần hư tiền tịch
Bác lẳng hà hiềm trướng phó xa
Việt sử ức niên lưu tinh tự
Hoa cương vạn kỷ ức danh khư
Kế công tổ chí, nhân an tại ?
Đáp triệu đồng tâm nhất tự thư.*

Bản dịch của Lãng-Nhân :

*Sắt máu con lòng hận chưa nguôi
Giả cam giả hùi, trợ quê người (1)
Lưu-hữu há ngại xe không trướng (2)
Giả-Nghị thường hiềm chúa chẳng vui (3)
Việt sử ngàn năm còn nước tiếng
Hoa-cương muốn thuở vẫn thơm rơi
Nơi gương hời có ai chẳng tá
Mấy triệu đồng tâm nhứt một lời...*

Chú giải :

(1) Dự Nhung bỏ nhà ra đi, bơi sơn vào mình giả hùi, nuốt than giả cam, để tìm dịp báo thù cho chúa mà không xong.

(2) Trương Lương mượn võ sĩ đập xe Tần Thi Hoàng ở Bắc-lăng nhưng lại chỉ trướng vào xe đi sau nên việc không thành.

(3) Giả Nghị bị đẩy ra Trường-sa vì vua không nghe lời can. Họ Phạm cảnh ngộ tương tự Giả Nghị ở chỗ nói lời phải mà không được nghe theo. Ba chữ «hư tiền tịch» ta đọc trong:

(a) thơ Lý Thương Ẩn vịnh Giả Nghị:

Khả lân dạ bán hư tiền tịch

Bất văn thương sinh, văn quý thần
và (b) trong thơ Tự Đức khóc Trần Bích San:

Giả Nghị thiếu niên nan cứu dụng

Hán văn tiền tịch chích hoảng khai
đủ chứng rằng câu *Tràng sa hữu phần* là nói về Giả Nghị. Còn việc Yên Trọng Cẩn, một thanh niên cách mạng Triều-tiên, mưu sát Toàn quyền Nhật-bản ở Triều-tiên là Y-dăng Bác-văn mà không thành, không có nói trong bài thơ trên, mà có lẽ điển này đã được nêu ra trong lời bàn (?).

2) *Sở tù anh kỳ quan* : Đới Xuân Thu, Chung Nghi người nước Sở, bị tù ở nước Tấn, đêm ngày phải nhốt trong ngục, nhưng lúc nào cũng đội mũ theo kiểu nước Sở. Vua Tấn hay tin, đến trông thấy đúng như thế, thương tình, thả cho về nước.

Lệ là lệ thuộc, bị gò bó đủ điều.

Từ câu 37 đến hết bài, không còn điển nào nữa.

● Ông Nguyễn Yêu Quý, Sài-gòn, hỏi :

Xin ông cho biết tiểu sử những tác gia sau đây : Nguyễn-đình Toàn, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Ngọc Giao, Đoàn Dân.

— Trả lời :

a) Về Nguyễn-đình Toàn, xin ông coi trong báo *Mây Hồng*, số 1, 17-7-1972.

b) Về Mai Thảo, xin ông coi lại Bản nguyệt san Văn số 175, ngày 1-4-72.

c) Về Doãn Dân, xin ông coi mục «Trên các ngã đường văn nghệ» trong Chính Văn số 1, tập III, ngày 14-7-1972.

d) Về Ngọc-Giao, chúng tôi sẽ giải đáp hầu ông trong kỳ tới.

e) Về Vũ Khắc Khoan :

Sinh ngày 27 tháng 2 năm 1971, tại Hà-nội, BV. Ông gia nhập sinh hoạt kịch nghệ từ 1940, khi còn là sinh viên, cộng tác với kịch đoàn của Tổng hội Sinh viên Đông-dương, trình diễn tại Hà-nội từ 1941 tới 1945. Sau đó, ông cùng Phan Tào thành lập đoàn Hoa Quỳnh Kịch Xã, rồi Sông Hồng Kịch Xã. Từ 1949, ông vừa dạy Việt văn tại các trường trung học, vừa làm báo, viết văn, soạn và dựng kịch. Từ đó, ông nổi tiếng như một kịch tác gia hữu hạng. Di cư vô Nam, từ 1955 ông cùng một số bạn hữu lập nhóm văn hóa Quan Diêm, có chủ đích xây dựng một ý thức hệ tiểu tư sản trí thức. Năm 1958, ông được trao tặng Giải thưởng Văn chương Toàn quốc, về Văn. Hiện nay ông giảng dạy tại nhiều trường đại học, và là trưởng ngành Kịch tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài gòn.

Tác phẩm của ông gồm có : *Thằng cuội ngồi gốc cây đa*, *lộng ngôn*, *Phở Thông*, Hà-nội, 1949. *Giáo thừa*, kịch, Phở Thông, Hà-nội, 1951. *Thần Thập Rùa*, tập truyện, Quan Diêm, Sài-gòn, 1958. *Thành Cát Tư Hãn*, kịch, Quan Diêm, 1962. *Vở Chèo cổ Quan Âm Thị Kính*,

khảo luận, Đào Tấn, 1962. *Ngộ nhận*, lộng ngôn, Quan Diêm, 1969. *Mơ Hương-cảng*, tùy bút, Kê Sĩ, 1971.

NHÂN TIN :

— Ông Huỳnh Thiện Trí, Sinh viên Văn khoa, Sài-gòn :

Đề nghị ông biên thư hỏi : Giáo sư Nguyễn văn Hân, Hộp thư Đặc biệt, Chợ Mới, An-giang.

Đặng-Vân Hân là một trong nhiều bút hiệu của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn.

Câu « thế sự nhìn xem rồi cuộc cờ » không biết có phải dịch từ Đường thi « văn đạo tràng an tự dịch kỳ » (3). Chúng tôi đang cố gắng tra cứu và hi vọng sẽ có thể giải đáp hầu ông, trong một kỳ tới.

— Ông Nguyễn Hữu Trí, Huế :

Thương sơn thi tập chưa được in ra, chỉ có một bản giữ ở Viện Bác-cổ, thành ra chúng tôi không được rõ về bài « Mạ trúc điều ». Mong ông cảm phiền.

— Ông Trịnh Song Huy, Cần-thơ :

Thành ngữ bà NTH dùng có một nghĩa rất rõ, không ám chỉ gì cả. Tục ngữ có câu : *Thử rờ sau óc (gáy) xem xa hay gần*.

Đã hay đã không có gì khác nhau cả. Tùy theo khi cần dùng thì dùng đã, và khi cần trắc thì dùng đã.

THƯ-TRUNG

Những ai đã

SỐNG Ở HÀ-NỘI

BỎ HÀ-NỘI

Đều nên tìm đọc

ÁO MƠ PHAI

tiểu thuyết của

NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

Đề dắm mình vào thời tiết bốn mùa của Hà-nội

HẠNH PHÚC ĐẾN VỀ ĐÊM

Truyện dài mới nhất của MAI-THẢO

*Những vòm trời, những con đường,
những núi hồng, những viễn du và
khởi hành mới của tình yêu, trong
cuộc kiếm tìm hạnh phúc mà mọi
tuổi mọi người cùng thấy mình
đích thân tham dự và có mặt).*

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

THÂN GỬI BẠN ĐỌC

Thư từ gửi cho tôi, mong anh em bằng hữu khắp nơi cứ gửi về địa chỉ cũ
số 473/2 đường Hai bà Trưng, Sài Gòn-3.

Liên lạc trực tiếp, xin mời anh em ghé vào buổi chiều và buổi sáng tôi bận
đi làm.

Trần PHONG-GIAO



Tòa soạn CHÍNH VĂN vừa nhận
được những tác phẩm mới do tác giả
hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân
thành cảm ơn người tặng sách và trang
trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

★ LỘT TRẦN VIỆT NGŨ, Bình
Nguyên Lộc, Nguồn Xưa xuất bản. Sách
dầy 412 trang, giá 550 đồng.

Sách nghiên cứu lịch trình tiến hóa
của Việt ngữ từ cổ xưa tới ngày nay.

○ THỜI THƠ ẤU, Maxime Gorki,
Vũ Minh Thiệu dịch, Trí Đăng xuất
bản. Sách dầy 340 trang, bản dành để
tặng.

Bản dịch một danh tác của nhà văn
hệ Nga-la-tư,

★ VƯỜN THỦY, Quỳnh Dao, Hoàng
Diễm Khanh dịch, Trí Đăng xuất bản.
Sách dầy 148 trang, giá 190 đồng.

Bản dịch «Nguyệt mãn tây lâu»
một truyện tình của nhà văn nữ Trung-
hoa đang «ăn khách» tại Việt-nam.

○ GIẢNG VĂN VÀ TRẦN THUYẾT,
Nguyễn Tăng Chương, Trí Đăng xuất
bản. Lớp Sáu : 172 trang, giá 190 đồng ;
Lớp Bảy : 212 trang, giá 220 đồng.

★ NGỌN CỎ NGÂM NGŨI, Trần
Hoài Thư, Tiếng Việt xuất bản. Sách
dầy 190 trang, giá 145 đồng.

Tác phẩm thứ ba của Trần Hoài
Thư là một truyện dài.

○ HẠNH PHÚC CÓ THẬT, Huy
Lục, Tao Đàn xuất bản. Sách dầy 36
trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Thi phẩm thứ tư của thi gia đã từng
được trao tặng Giải thưởng Văn chương
Toàn quốc 1966.

★ CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ
TÔI, Nguyễn Bắc Sơn, Đồng Dao xuất
bản.

bản. Sách dày 80 trang, bản dành để tặng.

Thi phẩm đầu tay của một nhà thơ trẻ, được Võ Phiến và Doãn Quốc Sỹ coi như một tài năng hiếm.

○ ĐỜI NHƯ MỘT KHÚC NHẠC BUỒN, Phạm Cao Hoàng, Đồng Dao xuất bản. Sách dày 80 trang, bản dành để tặng.

Thi phẩm đầu tay của một nhà thơ trẻ.

★ PHONG VÂN THI THOẠI, Thần Liên. Không ghi nhà xuất bản. Sách dày 352 trang, bản dành để tặng

Tài bản cuốn "Cảm nghĩ của người tàn phế làm thơ".

○ GỖ ĐÁ BUỒN, Kiều Trung Phương, Tác giả xuất bản. Sách dày 88 trang, giá 200 đồng.

Thi phẩm đầu tay của một nhà thơ trẻ. Phụ bản của Hạ Quốc Huy.



★ Một số bạn đọc, khắp nơi :

Chính Văn đã ra được 2 bộ : Bộ I, Nguyệt san, tất cả gồm 6 tập : Bộ II : bản nguyệt san, gồm 6 tập. Nay là Bộ III. Hi vọng sẽ ra được đều đặn và dài hơi hơn những bộ trước. Được hay không, cũng là nhờ sự tiếp tay ủng hộ của quý bạn vậy. Mong quý bạn, không những đọc mà còn cổ động giúp cho Chính Văn nữa.

Về các số báo cũ, hiện nay tòa báo chỉ còn giữ được số rất ít và cũng không được trọn bộ. Quý bạn cần mua báo cũ, xin biên thư cho Ty Trị sự, sẽ có hồi âm nhanh chóng. Cùng thư, xin quý bạn nhớ kèm tem (10 đồng). Đa tạ.

● Tr/U Dương Quốc Thịnh, Kbc.4311.

Chúng tôi không tìm ra xuất xứ 4 câu thơ bạn hỏi. Mong bạn cảm phiền.

○ Uy Vũ, Sài-gòn.

Có sáng tác muốn đóng góp cho Chính Văn, xin bạn cứ gửi về tòa soạn.

☆ Ông NGUYỄN AN TỰ, An-hòa Hưng, Biên-hòa. — Xin linh ý. Chắc ông đã nhận thấy sự thay đổi theo ý ông, về phần thứ nhất. Còn phần thứ hai, sẽ xin cố gắng thỏa mãn.

● Cháu ĐÌNH CÔNG THÀNH, Bx Phụng hiệp, Phong-dinh. — Thật sự vui lòng có những thẳng cháu « ngang » như Thành. Thật sự ân hận rằng quá nhiều công việc không cho phép bác tập trung tư tưởng để đọc cháu được thật kỹ. Tuy nhiên, bác vẫn có 2 điều muốn nói. Trước hết, theo bác nghĩ, thời gian chỉ là sự mừng tượng chủ quan của người quan sát, do sự hiển hiện của động lực vật lý. Thời gian, do đó, không thể chủ động giữ vai trò « liên lạc giữa tinh và động ». Điều thứ 2 là bác nghĩ cháu có thể rất thông minh, nhưng cháu cần nhiều kiến thức để đạt tới tài năng thật sự. Trong tài liệu của cháu có một vài khiếm khuyết mà bác tin rằng trong vòng 3 năm cháu sẽ tự tìm thấy. V. trong

vòng 5 năm cháu sẽ có ý nghĩ rất khác về công việc cháu làm năm nay. Tuy nhiên, đó không phải là một lời chê trách. Người có tài còn phải «dám» có hoài bão to lớn mới tạo được sự nghiệp to lớn, mặc dù trong cả nghìn người «dám» chỉ có một người có thực tài đủ để thành công. Bác hy vọng cháu sẽ không bỏ dở giữa đường. Bác chúc cháu, khi nào bằng tuổi bác, có thể nhìn trở lại cuộc đời mình mà lấy làm hài lòng. (NMC)



**Nhân
Tin
Riêng**

★ *Mừng Mãn, Gia-lê.*

Nhờ đức chí nên đã hủy bỏ kịp thời. Đừng bận tâm. Nên viết bút ký và văn càng nhiều lửa càng tốt. Sẽ đăng «Ngai ngái hương hoàng lan». Chúc lành. Tình thân.

○ Quý bạn : Lữ Quỳnh, Hồ Ngọc Ngự, Lê Miên Tường, Võ Chân Cửu.

Xin được chân thành cảm tạ. Tình thân.

★ *Ông Thủy Tiên Giang.*

Chúng tôi sẽ đăng hai bài sử liệu của ông. Mong cho biết địa chỉ để tiện liên lạc.

○ Hoàng-đình Huy-quan.

○ Sẽ đăng «Chuyện mười năm». Tình thân.

★ Hoàng Diễm Khanh, dịch giả «Vườn ươm» của Quỳnh Dao.

Viết thư về tôi gấp, có chuyện cần bàn. H. Đ. H. Quan, Hộp thư 64, Tuy hòa. (Cây đặng).

MUA SÁCH BÁO CŨ

1) Tuần báo Thiếu Nhi từ số 1 đến số 28 xuất bản tại Sài Gòn khoảng 1943. Bạn nào có xin nhượng lại hoặc cho mượn.

2) Bán nguyệt san Văn số 22, 32 và 41. Bạn nào dư dùng xin tự định lấy giá và liên lạc với Tòa soạn Chính Văn.

**BÀI
LAI CẢO**

Nhân được



Chúng tôi đang đọc những bài của quý bạn có tên sau đây. Những bài được chọn đăng sẽ có tin nhân riêng. Mong quý bạn tiếp tục gửi sáng tác mới khác cho Chính Văn. Đa tạ.

○ **VĂN :**

Quý bạn : Phú Quân. Ngô Văn Sơn. Chu Minh Thụy. Ng. Anh Sơn.

○ **THƠ :**

Quý bạn : Nhụy Trường, Liang T Mộc Bình. Lê Quốc Sơn. Phạm Lôi Chi Trần Đắc Thắng. Hồ Thy Cơ Miên Kha. Đăng Thư. Lê Công Dân. Nguyễn Ngao Ngán. Hoài Viễn Phương.

○ **GHI CHÚ :**

Những con số ghi trong hai đầu ngoặc đơn chỉ số lần nhận được bài. Ngoài ra, còn một số bài khác, các tác giả yêu cầu miễn ghi nên tuy nhận được, chúng tôi đã không ghi trong Hộp thư này.

CHA MẸ THƯƠNG YÊU CON
NÊN CHO CON ĐỌC

THIỆU NHI

Tuần báo giải trí và giáo dục ra ngày chủ nhật, tràn ngập bài vở bổ ích, ấn loát công phu, trình bày tuyệt đẹp, do một nhóm nhà văn, nhà giáo thiết tha với tương lai thiếu nhi Việt-nam chủ trương.

Mỗi số đầy 36 trang, khổ to, in đẹp, chỉ bán có 50 đồng.

Báo đóng bộ { đóng bìa cứng, gáy vải, bao nylon.

Mỗi bộ gồm 10 số { giá 2 bộ đầu 500đ. — mỗi bộ sau 600đ.

Một món quà quý giá dành cho các em học giỏi, hoặc trong dịp Sinh nhật, Giáng sinh hay đầu năm.

Chủ nhiệm : NGUYỄN-HÙNG-TRƯƠNG

Chủ biên : NHẬT-TIẾN

— Tuần báo Thiếu Nhi số 1 đã phát hành. Hình thức tuyệt đẹp. Nội dung lành mạnh, vui tươi, mở cho trẻ thơ thấy nhiều chân trời lạ. Đó là một lớp học được đặt ra giữa khu vườn đầy kỳ hoa dị thảo. Đưa cho con trẻ một tờ báo như vậy, người cha có thể yên tâm.

Nhật báo TIN SỐNG

— Về hình thức, đúng như bức thư ngỏ của nhóm chủ trương tuần báo Thiếu Nhi đã nói, trang nào, bài nào cũng có những hình vẽ, hình chụp rõ ràng dễ cụ thể hóa phần trình bày. Ngoài ra chúng tôi còn nhận thấy chữ in khổ lớn thích hợp cho trẻ em, bài sửa chữa cần thận không có lỗi. chính tả. Lỗi văn sáo sù, gấy gọn và dễ hiểu, vừa tầm học văn của trẻ em ở cuối bậc tiểu học và đầu bậc trung học.

Về nội dung phải nhìn nhận rằng tuần báo Thiếu Nhi đã bỏ ra nhiều công phu biên soạn bài vở, tất cả đều đáng cho trẻ em xem. Nếu bạn biên tập cứ tiếp tục theo đường lối đã vạch sẵn như đã nói trong phần đầu của số ra mắt thì còn gì hay hơn nữa.

Nhật báo HÒA BÌNH

— Một tờ báo thiếu nhi ra đời lúc này thật đúng lúc.

TOÀN ANH

— Thế hệ ngày mai cần được săn sóc và giáo dục kỹ lưỡng để giữ gìn dân tộc được trường tồn.

TẠ TỰ

— Với sự sa đọa hiện tại, xã hội này còn được một số quý vị nhiệt thành nghĩ đến tương lai của con em chúng ta, điều đó khiến tôi nao nức tin vào tiền đồ của tổ quốc.

NGUYỄN NGỌC PHÁCH

— Gia đình tôi đông con, nên tôi rất vui mừng đón nhận tuần báo THIẾU NHI. Với hình thức trang nhã, nội dung phong phú mà lành mạnh, tôi yên tâm là các con tôi đã có được một món ăn tinh thần bổ dưỡng.

Tôi thành tâm cầu chúc THIẾU NHI sẽ vượt qua được mọi khó khăn để tiếp tục tiến mãi trong tương lai...

TRẦN PHONG-GIAO

KỸ THƯƠNG NGÂN HÀNG

TRỤ SỞ CHÍNH: 422, Trần Hưng Đạo — Saigon
Điện thoại 98.495-98.496 — QS : 60.078-61.421
Điện tín : Incombank

CÁC CHI NHÁNH :

CHỢ LỚN :

144, Tổng Đốc Phương — Cholon
Điện thoại 37.936 — QS . 61.579

CÔNG-TRƯỜNG ĐIỆN-HỒNG

2, Phạm Ngũ Lão — Saigon
(ga xe lửa Saigon)
Điện thoại 96,310

HUẾ :

55, Trần Hưng Đạo, Huế

THỰC HIỆN MỌI NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG :

- Nhận và trả mọi số tiền ký thác
- Cho vay dưới mọi hình thức
- Mở tín dụng khoản xuất nhập cảng
- Chuyển ngân
- Mở trương-mục
 - Tồn khoản hoạt kỳ
 - Tồn khoản định kỳ
 - Tiết kiệm

MỘT NGÂN HÀNG ĐÁNG TIN CẬY CHO MỌI GIỚI :

- Tiếp đón nông hậu
- Phục vụ mau lẹ và kín đáo.